CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 159/2024/TB-VPA	*Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024*

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 11/11/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 11/11/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: *(Có danh sách chi tiết)*

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến https://vpa.com.vn.
- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 11/11/2024: Trước 16h30' ngày 08/11/2024 *(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 08/11/2024).*

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng)*. Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe"** trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM

Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 11/11/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 08/11/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
1	20C-283.83	Thái Nguyên	1601	29K-239.39	Hà Nội	3201	36K-111.11	Thanh Hóa
2	29K-398.89	Hà Nội	1602	30L-568.79	Hà Nội	3202	51L-969.99	Hồ Chí Minh
3	65A-499.99	Cần Thơ	1603	51L-666.68	Hồ Chí Minh	3203	83C-139.39	Sóc Trăng
4	99A-888.28	Bắc Ninh	1604	61K-539.79	Bình Dương	3204	88A-768.88	Vĩnh Phúc
5	14A-998.86	Quảng Ninh	1605	29K-328.88	Hà Nội	3205	14K-000.09	Quảng Ninh
6	19C-267.89	Phú Thọ	1606	29K-456.66	Hà Nội	3206	15K-505.55	Hải Phòng
7	30M-158.88	Hà Nội	1607	30M-090.00	Hà Nội	3207	29D-639.39	Hà Nội
8	30M-205.55	Hà Nội	1608	30M-175.55	Hà Nội	3208	30M-395.55	Hà Nội
9	30M-299.92	Hà Nội	1609	34D-039.79	Hải Dương	3209	34D-039.39	Hải Dương
10	30M-365.55	Hà Nội	1610	37C-576.66	Nghệ An	3210	48A-259.99	Đắk Nông
11	34C-418.88	Hải Dương	1611	49A-777.74	Lâm Đồng	3211	49B-033.33	Lâm Đồng
12	36K-299.66	Thanh Hóa	1612	61C-629.99	Bình Dương	3212	49C-399.66	Lâm Đồng
13	47A-819.99	Đắk Lắk	1613	66D-012.34	Đồng Tháp	3213	51L-749.99	Hồ Chí Minh
14	51L-948.88	Hồ Chí Minh	1614	69A-175.55	Cà Mau	3214	51M-088.89	Hồ Chí Minh
15	71A-218.88	Bến Tre	1615	76A-336.66	Quảng Ngãi	3215	64A-208.88	Vĩnh Long
16	98A-876.66	Bắc Giang	1616	82D-011.11	Kon Tum	3216	66C-189.99	Đồng Tháp
17	98C-389.98	Bắc Giang	1617	90A-288.66	Hà Nam	3217	89A-555.54	Hưng Yên
18	14A-997.77	Quảng Ninh	1618	15K-373.79	Hải Phòng	3218	14A-996.86	Quảng Ninh
19	15K-512.28	Hải Phòng	1619	15K-466.69	Hải Phòng	3219	15K-312.88	Hải Phòng
20	17A-498.98	Thái Bình	1620	17A-379.66	Thái Bình	3220	15K-479.39	Hải Phòng
21	20A-899.95	Thái Nguyên	1621	17A-511.66	Thái Bình	3221	18A-418.79	Nam Định
22	29K-388.83	Hà Nội	1622	28B-019.99	Hòa Bình	3222	19A-726.66	Phú Thọ
23	30L-588.11	Hà Nội	1623	30L-638.18	Hà Nội	3223	20A-877.79	Thái Nguyên
24	30L-811.28	Hà Nội	1624	30L-738.38	Hà Nội	3224	29K-397.93	Hà Nội
25	30M-098.98	Hà Nội	1625	30M-147.77	Hà Nội	3225	30L-555.91	Hà Nội
26	30M-099.95	Hà Nội	1626	30M-222.85	Hà Nội	3226	30M-289.87	Hà Nội
27	30M-135.98	Hà Nội	1627	30M-227.87	Hà Nội	3227	30M-366.62	Hà Nội
28	30M-155.80	Hà Nội	1628	30M-234.86	Hà Nội	3228	34A-867.99	Hải Dương
29	30M-296.99	Hà Nội	1629	30M-251.84	Hà Nội	3229	37K-288.38	Nghệ An
30	30M-379.39	Hà Nội	1630	37K-185.89	Nghệ An	3230	37K-433.99	Nghệ An
31	37K-496.99	Nghệ An	1631	37K-347.89	Nghệ An	3231	37K-555.77	Nghệ An
32	37K-555.76	Nghệ An	1632	37K-566.86	Nghệ An	3232	47A-775.57	Đắk Lắk
33	51L-988.68	Hồ Chí Minh	1633	43A-939.69	Đà Nẵng	3233	48C-115.55	Đắk Nông
34	51L-998.93	Hồ Chí Minh	1634	49C-396.99	Lâm Đồng	3234	49A-772.84	Lâm Đồng
35	51L-999.00	Hồ Chí Minh	1635	51L-581.99	Hồ Chí Minh	3235	51L-182.83	Hồ Chí Minh
36	51M-065.55	Hồ Chí Minh	1636	51L-998.90	Hồ Chí Minh	3236	51M-098.99	Hồ Chí Minh
37	51M-089.88	Hồ Chí Minh	1637	51M-239.99	Hồ Chí Minh	3237	51M-269.99	Hồ Chí Minh
38	51N-005.75	Hồ Chí Minh	1638	51N-088.89	Hồ Chí Minh	3238	60C-777.74	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
39	60K-688.64	Đồng Nai	1639	60C-777.89	Đồng Nai	3239	60C-789.99	Đồng Nai
40	60K-696.96	Đồng Nai	1640	60K-696.94	Đồng Nai	3240	60K-682.68	Đồng Nai
41	61K-557.77	Bình Dương	1641	66A-227.89	Đồng Tháp	3241	60K-689.88	Đồng Nai
42	72A-877.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	1642	74A-252.99	Quảng Trị	3242	61K-356.68	Bình Dương
43	72D-009.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	1643	74A-279.39	Quảng Trị	3243	65C-267.89	Cần Thơ
44	75A-333.11	Thừa Thiên Huế	1644	77C-266.86	Bình Định	3244	78A-222.20	Phú Yên
45	75A-388.86	Thừa Thiên Huế	1645	99A-868.90	Bắc Ninh	3245	88A-799.89	Vĩnh Phúc
46	99A-888.36	Bắc Ninh	1646	99A-889.83	Bắc Ninh	3246	98A-819.66	Bắc Giang
47	30M-032.33	Hà Nội	1647	30M-033.79	Hà Nội	3247	30M-033.86	Hà Nội
48	30M-034.34	Hà Nội	1648	30M-037.89	Hà Nội	3248	30M-037.30	Hà Nội
49	30M-037.39	Hà Nội	1649	30M-044.33	Hà Nội	3249	30M-038.55	Hà Nội
50	30M-047.89	Hà Nội	1650	30M-045.69	Hà Nội	3250	30M-039.44	Hà Nội
51	30M-067.86	Hà Nội	1651	30M-047.22	Hà Nội	3251	30M-040.68	Hà Nội
52	30M-068.44	Hà Nội	1652	30M-065.79	Hà Nội	3252	30M-043.69	Hà Nội
53	30M-072.07	Hà Nội	1653	30M-068.55	Hà Nội	3253	30M-047.79	Hà Nội
54	30M-087.00	Hà Nội	1654	30M-071.77	Hà Nội	3254	30M-052.50	Hà Nội
55	30M-091.19	Hà Nội	1655	30M-078.11	Hà Nội	3255	30M-057.00	Hà Nội
56	30M-095.90	Hà Nội	1656	30M-086.39	Hà Nội	3256	30M-057.69	Hà Nội
57	30M-106.86	Hà Nội	1657	30M-096.90	Hà Nội	3257	30M-080.44	Hà Nội
58	30M-107.99	Hà Nội	1658	30M-103.89	Hà Nội	3258	30M-083.84	Hà Nội
59	30M-109.00	Hà Nội	1659	30M-106.00	Hà Nội	3259	30M-091.79	Hà Nội
60	30M-120.89	Hà Nội	1660	30M-112.55	Hà Nội	3260	30M-093.79	Hà Nội
61	30M-124.33	Hà Nội	1661	30M-113.14	Hà Nội	3261	30M-096.09	Hà Nội
62	30M-124.68	Hà Nội	1662	30M-117.99	Hà Nội	3262	30M-097.44	Hà Nội
63	30M-134.77	Hà Nội	1663	30M-128.11	Hà Nội	3263	30M-113.44	Hà Nội
64	30M-135.77	Hà Nội	1664	30M-130.77	Hà Nội	3264	30M-130.39	Hà Nội
65	30M-143.11	Hà Nội	1665	30M-132.79	Hà Nội	3265	30M-131.33	Hà Nội
66	30M-143.22	Hà Nội	1666	30M-133.55	Hà Nội	3266	30M-134.89	Hà Nội
67	30M-149.39	Hà Nội	1667	30M-159.39	Hà Nội	3267	30M-137.44	Hà Nội
68	30M-155.86	Hà Nội	1668	30M-163.44	Hà Nội	3268	30M-151.00	Hà Nội
69	30M-160.88	Hà Nội	1669	30M-164.00	Hà Nội	3269	30M-169.39	Hà Nội
70	30M-163.86	Hà Nội	1670	30M-172.99	Hà Nội	3270	30M-173.88	Hà Nội
71	30M-165.61	Hà Nội	1671	30M-179.17	Hà Nội	3271	30M-175.39	Hà Nội
72	30M-170.55	Hà Nội	1672	30M-183.55	Hà Nội	3272	30M-175.89	Hà Nội
73	30M-178.71	Hà Nội	1673	30M-193.11	Hà Nội	3273	30M-177.39	Hà Nội
74	30M-179.89	Hà Nội	1674	30M-196.68	Hà Nội	3274	30M-180.55	Hà Nội
75	30M-181.44	Hà Nội	1675	30M-198.22	Hà Nội	3275	30M-183.11	Hà Nội
76	30M-181.69	Hà Nội	1676	30M-208.89	Hà Nội	3276	30M-190.39	Hà Nội
77	30M-184.11	Hà Nội	1677	30M-213.12	Hà Nội	3277	30M-193.89	Hà Nội
78	30M-185.00	Hà Nội	1678	30M-213.14	Hà Nội	3278	30M-194.79	Hà Nội
79	30M-189.66	Hà Nội	1679	30M-214.39	Hà Nội	3279	30M-205.69	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
80	30M-189.86	Hà Nội	1680	30M-217.86	Hà Nội	3280	30M-215.15	Hà Nội
81	30M-197.88	Hà Nội	1681	30M-218.99	Hà Nội	3281	30M-222.48	Hà Nội
82	30M-201.02	Hà Nội	1682	30M-240.68	Hà Nội	3282	30M-227.55	Hà Nội
83	30M-208.77	Hà Nội	1683	30M-248.44	Hà Nội	3283	30M-229.68	Hà Nội
84	30M-227.86	Hà Nội	1684	30M-258.33	Hà Nội	3284	30M-230.11	Hà Nội
85	30M-228.11	Hà Nội	1685	30M-259.69	Hà Nội	3285	30M-239.93	Hà Nội
86	30M-234.34	Hà Nội	1686	30M-265.00	Hà Nội	3286	30M-242.42	Hà Nội
87	30M-235.33	Hà Nội	1687	30M-282.69	Hà Nội	3287	30M-249.42	Hà Nội
88	30M-235.53	Hà Nội	1688	30M-287.82	Hà Nội	3288	30M-258.00	Hà Nội
89	30M-237.69	Hà Nội	1689	30M-293.99	Hà Nội	3289	30M-270.66	Hà Nội
90	30M-242.99	Hà Nội	1690	30M-297.11	Hà Nội	3290	30M-274.79	Hà Nội
91	30M-244.66	Hà Nội	1691	30M-304.00	Hà Nội	3291	30M-280.81	Hà Nội
92	30M-251.77	Hà Nội	1692	30M-308.09	Hà Nội	3292	30M-289.79	Hà Nội
93	30M-264.79	Hà Nội	1693	30M-312.22	Hà Nội	3293	30M-295.66	Hà Nội
94	30M-265.65	Hà Nội	1694	30M-315.66	Hà Nội	3294	30M-315.39	Hà Nội
95	30M-267.86	Hà Nội	1695	30M-325.00	Hà Nội	3295	30M-316.55	Hà Nội
96	30M-273.44	Hà Nội	1696	30M-329.96	Hà Nội	3296	30M-329.00	Hà Nội
97	30M-275.75	Hà Nội	1697	30M-337.66	Hà Nội	3297	30M-333.17	Hà Nội
98	30M-278.68	Hà Nội	1698	30M-349.33	Hà Nội	3298	30M-341.00	Hà Nội
99	30M-285.33	Hà Nội	1699	30M-362.36	Hà Nội	3299	30M-341.86	Hà Nội
100	30M-291.68	Hà Nội	1700	30M-362.66	Hà Nội	3300	30M-347.39	Hà Nội
101	30M-292.33	Hà Nội	1701	30M-382.69	Hà Nội	3301	30M-365.99	Hà Nội
102	30M-307.55	Hà Nội	1702	30M-391.22	Hà Nội	3302	30M-367.11	Hà Nội
103	30M-321.68	Hà Nội	1703	30M-400.33	Hà Nội	3303	30M-375.77	Hà Nội
104	30M-330.66	Hà Nội	1704	30M-407.44	Hà Nội	3304	30M-377.86	Hà Nội
105	30M-334.35	Hà Nội	1705	30M-418.18	Hà Nội	3305	30M-379.69	Hà Nội
106	30M-336.37	Hà Nội	1706	51L-897.55	Hồ Chí Minh	3306	30M-380.88	Hà Nội
107	30M-337.37	Hà Nội	1707	51L-900.79	Hồ Chí Minh	3307	30M-383.68	Hà Nội
108	30M-338.83	Hà Nội	1708	51L-909.88	Hồ Chí Minh	3308	30M-389.00	Hà Nội
109	30M-345.45	Hà Nội	1709	51L-915.00	Hồ Chí Minh	3309	30M-393.11	Hà Nội
110	30M-348.69	Hà Nội	1710	51L-921.39	Hồ Chí Minh	3310	30M-394.33	Hà Nội
111	30M-351.11	Hà Nội	1711	51L-921.89	Hồ Chí Minh	3311	30M-394.55	Hà Nội
112	30M-352.25	Hà Nội	1712	51L-923.86	Hồ Chí Minh	3312	30M-404.00	Hà Nội
113	30M-353.39	Hà Nội	1713	51L-925.92	Hồ Chí Minh	3313	30M-409.04	Hà Nội
114	30M-354.55	Hà Nội	1714	51L-931.22	Hồ Chí Minh	3314	51L-896.77	Hồ Chí Minh
115	30M-360.66	Hà Nội	1715	51L-931.31	Hồ Chí Minh	3315	51L-899.33	Hồ Chí Minh
116	30M-368.55	Hà Nội	1716	51L-953.00	Hồ Chí Minh	3316	51L-905.89	Hồ Chí Minh
117	30M-370.33	Hà Nội	1717	51L-959.96	Hồ Chí Minh	3317	51L-919.96	Hồ Chí Minh
118	30M-375.68	Hà Nội	1718	51L-961.39	Hồ Chí Minh	3318	51L-922.00	Hồ Chí Minh
119	30M-377.00	Hà Nội	1719	51L-962.62	Hồ Chí Minh	3319	51L-923.55	Hồ Chí Minh
120	30M-387.68	Hà Nội	1720	51L-963.33	Hồ Chí Minh	3320	51L-933.89	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
121	30M-388.44	Hà Nội	1721	51L-964.99	Hồ Chí Minh	3321	51L-937.79	Hồ Chí Minh
122	30M-392.68	Hà Nội	1722	51L-966.55	Hồ Chí Minh	3322	51L-941.41	Hồ Chí Minh
123	30M-396.93	Hà Nội	1723	51L-967.00	Hồ Chí Minh	3323	51L-944.00	Hồ Chí Minh
124	30M-401.33	Hà Nội	1724	51L-967.22	Hồ Chí Minh	3324	51L-946.44	Hồ Chí Minh
125	30M-402.68	Hà Nội	1725	51L-969.89	Hồ Chí Minh	3325	51L-946.49	Hồ Chí Minh
126	30M-402.79	Hà Nội	1726	51L-973.44	Hồ Chí Minh	3326	51L-955.56	Hồ Chí Minh
127	30M-402.99	Hà Nội	1727	51L-976.00	Hồ Chí Minh	3327	51L-962.77	Hồ Chí Minh
128	30M-403.30	Hà Nội	1728	51L-987.99	Hồ Chí Minh	3328	51L-965.56	Hồ Chí Minh
129	30M-405.68	Hà Nội	1729	51L-998.55	Hồ Chí Minh	3329	51L-967.69	Hồ Chí Minh
130	30M-411.14	Hà Nội	1730	51L-999.04	Hồ Chí Minh	3330	51L-973.37	Hồ Chí Minh
131	30M-416.79	Hà Nội	1731	51M-058.77	Hồ Chí Minh	3331	51L-973.74	Hồ Chí Minh
132	30M-421.00	Hà Nội	1732	51M-060.55	Hồ Chí Minh	3332	51L-973.86	Hồ Chí Minh
133	51L-901.55	Hồ Chí Minh	1733	51M-067.68	Hồ Chí Minh	3333	51L-974.74	Hồ Chí Minh
134	51L-901.68	Hồ Chí Minh	1734	51M-078.39	Hồ Chí Minh	3334	51L-981.44	Hồ Chí Minh
135	51L-909.79	Hồ Chí Minh	1735	51M-079.11	Hồ Chí Minh	3335	51L-984.88	Hồ Chí Minh
136	51L-914.55	Hồ Chí Minh	1736	51M-083.39	Hồ Chí Minh	3336	51L-987.78	Hồ Chí Minh
137	51L-919.68	Hồ Chí Minh	1737	51M-089.39	Hồ Chí Minh	3337	51M-052.89	Hồ Chí Minh
138	51L-920.88	Hồ Chí Minh	1738	51M-094.55	Hồ Chí Minh	3338	51M-057.22	Hồ Chí Minh
139	51L-927.88	Hồ Chí Minh	1739	51M-096.68	Hồ Chí Minh	3339	51M-059.66	Hồ Chí Minh
140	51L-931.89	Hồ Chí Minh	1740	51M-098.79	Hồ Chí Minh	3340	51M-067.00	Hồ Chí Minh
141	51L-934.00	Hồ Chí Minh	1741	51M-106.11	Hồ Chí Minh	3341	51M-072.44	Hồ Chí Minh
142	51L-934.33	Hồ Chí Minh	1742	51M-120.99	Hồ Chí Minh	3342	51M-078.69	Hồ Chí Minh
143	51L-951.68	Hồ Chí Minh	1743	51M-128.89	Hồ Chí Minh	3343	51M-081.39	Hồ Chí Minh
144	51L-953.99	Hồ Chí Minh	1744	51M-131.22	Hồ Chí Minh	3344	51M-081.89	Hồ Chí Minh
145	51L-959.00	Hồ Chí Minh	1745	51M-131.39	Hồ Chí Minh	3345	51M-084.86	Hồ Chí Minh
146	51L-961.61	Hồ Chí Minh	1746	51M-132.13	Hồ Chí Minh	3346	51M-109.77	Hồ Chí Minh
147	51L-963.11	Hồ Chí Minh	1747	51M-143.43	Hồ Chí Minh	3347	51M-112.39	Hồ Chí Minh
148	51L-965.88	Hồ Chí Minh	1748	51M-146.69	Hồ Chí Minh	3348	51M-119.96	Hồ Chí Minh
149	51L-970.99	Hồ Chí Minh	1749	51M-148.86	Hồ Chí Minh	3349	51M-120.86	Hồ Chí Minh
150	51L-974.44	Hồ Chí Minh	1750	51M-151.79	Hồ Chí Minh	3350	51M-125.21	Hồ Chí Minh
151	51L-976.76	Hồ Chí Minh	1751	51M-154.89	Hồ Chí Minh	3351	51M-127.28	Hồ Chí Minh
152	51L-981.82	Hồ Chí Minh	1752	51M-160.55	Hồ Chí Minh	3352	51M-129.86	Hồ Chí Minh
153	51L-983.83	Hồ Chí Minh	1753	51M-164.89	Hồ Chí Minh	3353	51M-146.47	Hồ Chí Minh
154	51L-984.55	Hồ Chí Minh	1754	51M-177.55	Hồ Chí Minh	3354	51M-148.99	Hồ Chí Minh
155	51L-986.00	Hồ Chí Minh	1755	51M-178.77	Hồ Chí Minh	3355	51M-149.49	Hồ Chí Minh
156	51L-990.90	Hồ Chí Minh	1756	51M-179.55	Hồ Chí Minh	3356	51M-153.39	Hồ Chí Minh
157	51L-999.14	Hồ Chí Minh	1757	51M-182.11	Hồ Chí Minh	3357	51M-155.77	Hồ Chí Minh
158	51M-052.33	Hồ Chí Minh	1758	51M-190.19	Hồ Chí Minh	3358	51M-169.89	Hồ Chí Minh
159	51M-063.64	Hồ Chí Minh	1759	51M-195.99	Hồ Chí Minh	3359	51M-170.66	Hồ Chí Minh
160	51M-070.66	Hồ Chí Minh	1760	51M-203.30	Hồ Chí Minh	3360	51M-178.33	Hồ Chí Minh
161	51M-070.88	Hồ Chí Minh	1761	51M-206.07	Hồ Chí Minh	3361	51M-186.55	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
162	51M-076.44	Hồ Chí Minh	1762	51M-207.44	Hồ Chí Minh	3362	51M-190.09	Hồ Chí Minh
163	51M-084.55	Hồ Chí Minh	1763	51M-212.68	Hồ Chí Minh	3363	51M-190.33	Hồ Chí Minh
164	51M-088.22	Hồ Chí Minh	1764	51M-218.99	Hồ Chí Minh	3364	51M-193.55	Hồ Chí Minh
165	51M-089.79	Hồ Chí Minh	1765	51M-222.11	Hồ Chí Minh	3365	51M-196.86	Hồ Chí Minh
166	51M-101.33	Hồ Chí Minh	1766	51M-226.89	Hồ Chí Minh	3366	51M-203.88	Hồ Chí Minh
167	51M-103.11	Hồ Chí Minh	1767	51M-238.39	Hồ Chí Minh	3367	51M-204.39	Hồ Chí Minh
168	51M-108.68	Hồ Chí Minh	1768	51M-244.33	Hồ Chí Minh	3368	51M-210.39	Hồ Chí Minh
169	51M-109.09	Hồ Chí Minh	1769	51M-271.27	Hồ Chí Minh	3369	51M-212.88	Hồ Chí Minh
170	51M-118.89	Hồ Chí Minh	1770	51M-277.22	Hồ Chí Minh	3370	51M-215.68	Hồ Chí Minh
171	51M-128.21	Hồ Chí Minh	1771	51M-284.39	Hồ Chí Minh	3371	51M-216.33	Hồ Chí Minh
172	51M-130.79	Hồ Chí Minh	1772	51M-286.99	Hồ Chí Minh	3372	51M-218.55	Hồ Chí Minh
173	51M-131.99	Hồ Chí Minh	1773	51M-291.77	Hồ Chí Minh	3373	51M-222.12	Hồ Chí Minh
174	51M-133.34	Hồ Chí Minh	1774	51M-304.33	Hồ Chí Minh	3374	51M-258.22	Hồ Chí Minh
175	51M-136.77	Hồ Chí Minh	1775	51M-310.10	Hồ Chí Minh	3375	51M-262.00	Hồ Chí Minh
176	51M-153.77	Hồ Chí Minh	1776	51N-030.66	Hồ Chí Minh	3376	51M-262.39	Hồ Chí Minh
177	51M-154.15	Hồ Chí Minh	1777	51N-042.88	Hồ Chí Minh	3377	51M-264.26	Hồ Chí Minh
178	51M-154.33	Hồ Chí Minh	1778	51N-052.11	Hồ Chí Minh	3378	51M-267.00	Hồ Chí Minh
179	51M-164.33	Hồ Chí Minh	1779	51N-057.89	Hồ Chí Minh	3379	51M-270.66	Hồ Chí Minh
180	51M-164.39	Hồ Chí Minh	1780	51N-064.89	Hồ Chí Minh	3380	51M-285.99	Hồ Chí Minh
181	51M-169.00	Hồ Chí Minh	1781	51N-066.77	Hồ Chí Minh	3381	51M-287.79	Hồ Chí Minh
182	51M-181.82	Hồ Chí Minh	1782	51N-077.99	Hồ Chí Minh	3382	51M-290.09	Hồ Chí Minh
183	51M-186.87	Hồ Chí Minh	1783	51N-078.55	Hồ Chí Minh	3383	51M-291.69	Hồ Chí Minh
184	51M-200.11	Hồ Chí Minh	1784	51N-081.88	Hồ Chí Minh	3384	51M-300.11	Hồ Chí Minh
185	51M-211.55	Hồ Chí Minh	1785	51N-082.08	Hồ Chí Minh	3385	51M-302.68	Hồ Chí Minh
186	51M-213.12	Hồ Chí Minh	1786	51N-082.79	Hồ Chí Minh	3386	51M-308.03	Hồ Chí Minh
187	51M-213.99	Hồ Chí Minh	1787	51N-092.69	Hồ Chí Minh	3387	51M-311.00	Hồ Chí Minh
188	51M-217.33	Hồ Chí Minh	1788	51N-103.89	Hồ Chí Minh	3388	51M-311.22	Hồ Chí Minh
189	51M-230.77	Hồ Chí Minh	1789	51N-105.05	Hồ Chí Minh	3389	51N-000.24	Hồ Chí Minh
190	51M-232.77	Hồ Chí Minh	1790	51N-105.22	Hồ Chí Minh	3390	51N-001.89	Hồ Chí Minh
191	51M-243.66	Hồ Chí Minh	1791	51N-108.00	Hồ Chí Minh	3391	51N-006.06	Hồ Chí Minh
192	51M-250.52	Hồ Chí Minh	1792	51N-108.22	Hồ Chí Minh	3392	51N-011.39	Hồ Chí Minh
193	51M-252.00	Hồ Chí Minh	1793	51N-109.77	Hồ Chí Minh	3393	51N-011.79	Hồ Chí Minh
194	51M-257.11	Hồ Chí Minh	1794	51N-111.46	Hồ Chí Minh	3394	51N-015.77	Hồ Chí Minh
195	51M-259.39	Hồ Chí Minh	1795	51N-122.77	Hồ Chí Minh	3395	51N-031.31	Hồ Chí Minh
196	51M-261.44	Hồ Chí Minh	1796	51N-134.99	Hồ Chí Minh	3396	51N-038.69	Hồ Chí Minh
197	51M-262.63	Hồ Chí Minh	1797	51N-147.89	Hồ Chí Minh	3397	51N-041.42	Hồ Chí Minh
198	51M-264.79	Hồ Chí Minh	1798	51N-151.52	Hồ Chí Minh	3398	51N-043.34	Hồ Chí Minh
199	51M-266.33	Hồ Chí Minh	1799	11B-017.22	Cao Bằng	3399	51N-048.22	Hồ Chí Minh
200	51M-267.69	Hồ Chí Minh	1800	11C-089.68	Cao Bằng	3400	51N-049.33	Hồ Chí Minh
201	51M-278.72	Hồ Chí Minh	1801	11D-010.22	Cao Bằng	3401	51N-050.00	Hồ Chí Minh
202	51M-279.00	Hồ Chí Minh	1802	12B-016.69	Lạng Sơn	3402	51N-059.66	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
203	51M-280.55	Hồ Chí Minh	1803	12D-009.69	Lạng Sơn	3403	51N-070.68	Hồ Chí Minh
204	51M-280.68	Hồ Chí Minh	1804	14A-993.44	Quảng Ninh	3404	51N-097.97	Hồ Chí Minh
205	51M-294.49	Hồ Chí Minh	1805	14A-994.99	Quảng Ninh	3405	51N-098.33	Hồ Chí Minh
206	51M-299.11	Hồ Chí Minh	1806	14A-996.00	Quảng Ninh	3406	51N-102.20	Hồ Chí Minh
207	51M-300.86	Hồ Chí Minh	1807	14A-999.26	Quảng Ninh	3407	51N-105.06	Hồ Chí Minh
208	51M-308.08	Hồ Chí Minh	1808	14B-054.45	Quảng Ninh	3408	51N-106.44	Hồ Chí Minh
209	51N-005.33	Hồ Chí Minh	1809	14C-456.44	Quảng Ninh	3409	51N-121.12	Hồ Chí Minh
210	51N-011.00	Hồ Chí Minh	1810	14C-459.44	Quảng Ninh	3410	51N-129.55	Hồ Chí Minh
211	51N-012.44	Hồ Chí Minh	1811	14C-462.86	Quảng Ninh	3411	51N-142.77	Hồ Chí Minh
212	51N-015.22	Hồ Chí Minh	1812	14K-002.68	Quảng Ninh	3412	51N-145.88	Hồ Chí Minh
213	51N-018.79	Hồ Chí Minh	1813	14K-012.21	Quảng Ninh	3413	11A-136.22	Cao Bằng
214	51N-040.39	Hồ Chí Minh	1814	14K-013.11	Quảng Ninh	3414	11A-138.99	Cao Bằng
215	51N-045.04	Hồ Chí Minh	1815	14K-021.44	Quảng Ninh	3415	11B-014.15	Cao Bằng
216	51N-045.45	Hồ Chí Minh	1816	14K-032.99	Quảng Ninh	3416	11B-014.55	Cao Bằng
217	51N-049.96	Hồ Chí Minh	1817	14K-038.55	Quảng Ninh	3417	11B-016.99	Cao Bằng
218	51N-058.86	Hồ Chí Minh	1818	14K-041.11	Quảng Ninh	3418	11C-089.96	Cao Bằng
219	51N-061.66	Hồ Chí Minh	1819	14K-041.79	Quảng Ninh	3419	11D-011.88	Cao Bằng
220	51N-071.99	Hồ Chí Minh	1820	15B-056.33	Hải Phòng	3420	12A-265.79	Lạng Sơn
221	51N-079.22	Hồ Chí Minh	1821	15B-056.86	Hải Phòng	3421	12A-271.72	Lạng Sơn
222	51N-087.11	Hồ Chí Minh	1822	15B-057.55	Hải Phòng	3422	12A-272.55	Lạng Sơn
223	51N-089.77	Hồ Chí Minh	1823	15C-485.77	Hải Phòng	3423	12C-143.69	Lạng Sơn
224	51N-096.89	Hồ Chí Minh	1824	15D-054.86	Hải Phòng	3424	12C-145.46	Lạng Sơn
225	51N-100.99	Hồ Chí Minh	1825	15K-431.69	Hải Phòng	3425	12D-007.77	Lạng Sơn
226	51N-103.22	Hồ Chí Minh	1826	15K-443.89	Hải Phòng	3426	12D-009.77	Lạng Sơn
227	51N-104.79	Hồ Chí Minh	1827	15K-444.22	Hải Phòng	3427	12D-011.44	Lạng Sơn
228	51N-107.68	Hồ Chí Minh	1828	15K-446.86	Hải Phòng	3428	14C-456.56	Quảng Ninh
229	51N-109.39	Hồ Chí Minh	1829	15K-453.89	Hải Phòng	3429	14C-457.11	Quảng Ninh
230	51N-111.58	Hồ Chí Minh	1830	15K-458.54	Hải Phòng	3430	14C-464.88	Quảng Ninh
231	51N-112.44	Hồ Chí Minh	1831	15K-459.55	Hải Phòng	3431	14C-464.99	Quảng Ninh
232	51N-114.68	Hồ Chí Minh	1832	15K-464.11	Hải Phòng	3432	14C-466.68	Quảng Ninh
233	51N-126.68	Hồ Chí Minh	1833	15K-467.11	Hải Phòng	3433	14C-470.00	Quảng Ninh
234	51N-131.77	Hồ Chí Minh	1834	15K-471.11	Hải Phòng	3434	14D-031.00	Quảng Ninh
235	51N-132.11	Hồ Chí Minh	1835	15K-481.22	Hải Phòng	3435	14K-000.12	Quảng Ninh
236	51N-146.68	Hồ Chí Minh	1836	15K-483.00	Hải Phòng	3436	14K-004.86	Quảng Ninh
237	51N-153.86	Hồ Chí Minh	1837	15K-485.00	Hải Phòng	3437	14K-010.55	Quảng Ninh
238	11A-135.39	Cao Bằng	1838	15K-485.11	Hải Phòng	3438	14K-017.99	Quảng Ninh
239	11B-014.33	Cao Bằng	1839	15K-487.99	Hải Phòng	3439	14K-023.77	Quảng Ninh
240	11B-015.51	Cao Bằng	1840	15K-492.89	Hải Phòng	3440	14K-038.38	Quảng Ninh
241	11B-016.55	Cao Bằng	1841	15K-496.39	Hải Phòng	3441	14K-047.47	Quảng Ninh
242	11C-087.79	Cao Bằng	1842	15K-499.22	Hải Phòng	3442	14K-049.40	Quảng Ninh
243	11D-010.88	Cao Bằng	1843	15K-507.55	Hải Phòng	3443	15B-058.11	Hải Phòng

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
244	11D-010.99	Cao Bằng	1844	15K-511.33	Hải Phòng	3444	15C-488.86	Hải Phòng
245	12A-265.86	Lạng Sơn	1845	15K-512.99	Hải Phòng	3445	15C-491.77	Hải Phòng
246	12C-140.69	Lạng Sơn	1846	17A-495.89	Thái Bình	3446	15C-495.11	Hải Phòng
247	12D-008.22	Lạng Sơn	1847	17A-496.68	Thái Bình	3447	15C-495.94	Hải Phòng
248	14B-052.52	Quảng Ninh	1848	17A-502.66	Thái Bình	3448	15K-425.26	Hải Phòng
249	14B-052.77	Quảng Ninh	1849	17A-512.66	Thái Bình	3449	15K-432.77	Hải Phòng
250	14B-053.66	Quảng Ninh	1850	17C-216.99	Thái Bình	3450	15K-436.34	Hải Phòng
251	14B-054.33	Quảng Ninh	1851	17C-221.21	Thái Bình	3451	15K-440.39	Hải Phòng
252	14C-450.77	Quảng Ninh	1852	17C-223.55	Thái Bình	3452	15K-440.68	Hải Phòng
253	14C-452.55	Quảng Ninh	1853	18A-504.04	Nam Định	3453	15K-444.57	Hải Phòng
254	14C-458.68	Quảng Ninh	1854	18A-504.99	Nam Định	3454	15K-449.66	Hải Phòng
255	14K-006.39	Quảng Ninh	1855	18A-507.39	Nam Định	3455	15K-453.79	Hải Phòng
256	14K-017.77	Quảng Ninh	1856	18A-508.50	Nam Định	3456	15K-454.86	Hải Phòng
257	14K-018.81	Quảng Ninh	1857	18A-511.33	Nam Định	3457	15K-460.55	Hải Phòng
258	14K-022.69	Quảng Ninh	1858	18C-175.75	Nam Định	3458	15K-460.60	Hải Phòng
259	14K-027.39	Quảng Ninh	1859	18C-177.66	Nam Định	3459	15K-462.86	Hải Phòng
260	14K-027.66	Quảng Ninh	1860	18C-179.33	Nam Định	3460	15K-494.33	Hải Phòng
261	14K-027.68	Quảng Ninh	1861	18C-182.39	Nam Định	3461	15K-509.69	Hải Phòng
262	14K-028.39	Quảng Ninh	1862	19A-724.33	Phú Thọ	3462	15K-509.79	Hải Phòng
263	14K-033.00	Quảng Ninh	1863	19A-731.44	Phú Thọ	3463	15K-513.44	Hải Phòng
264	14K-039.66	Quảng Ninh	1864	19A-732.79	Phú Thọ	3464	17A-498.66	Thái Bình
265	14K-047.89	Quảng Ninh	1865	19A-736.00	Phú Thọ	3465	17A-510.88	Thái Bình
266	14K-049.11	Quảng Ninh	1866	19A-741.79	Phú Thọ	3466	17A-512.44	Thái Bình
267	15C-486.77	Hải Phòng	1867	19A-743.00	Phú Thọ	3467	17A-512.77	Thái Bình
268	15C-487.78	Hải Phòng	1868	19A-746.77	Phú Thọ	3468	17B-031.31	Thái Bình
269	15C-491.39	Hải Phòng	1869	19A-749.39	Phú Thọ	3469	17C-216.16	Thái Bình
270	15C-494.00	Hải Phòng	1870	19A-752.79	Phú Thọ	3470	17D-014.86	Thái Bình
271	15K-432.69	Hải Phòng	1871	19A-755.79	Phú Thọ	3471	17D-015.66	Thái Bình
272	15K-447.74	Hải Phòng	1872	19B-029.79	Phú Thọ	3472	18A-496.68	Nam Định
273	15K-457.99	Hải Phòng	1873	19B-030.77	Phú Thọ	3473	18A-504.40	Nam Định
274	15K-460.86	Hải Phòng	1874	19C-264.62	Phú Thọ	3474	18A-507.88	Nam Định
275	15K-464.39	Hải Phòng	1875	19C-271.27	Phú Thọ	3475	18A-508.22	Nam Định
276	15K-467.22	Hải Phòng	1876	19C-272.88	Phú Thọ	3476	18B-032.33	Nam Định
277	15K-469.44	Hải Phòng	1877	19C-273.33	Phú Thọ	3477	18C-174.88	Nam Định
278	15K-474.11	Hải Phòng	1878	19D-019.19	Phú Thọ	3478	19A-724.00	Phú Thọ
279	15K-479.33	Hải Phòng	1879	19D-020.02	Phú Thọ	3479	19A-725.77	Phú Thọ
280	15K-481.88	Hải Phòng	1880	19D-020.21	Phú Thọ	3480	19A-728.68	Phú Thọ
281	15K-488.44	Hải Phòng	1881	19D-020.68	Phú Thọ	3481	19A-739.77	Phú Thọ
282	15K-488.69	Hải Phòng	1882	20A-865.79	Thái Nguyên	3482	19A-743.55	Phú Thọ
283	15K-496.11	Hải Phòng	1883	20A-888.25	Thái Nguyên	3483	19A-746.46	Phú Thọ
284	15K-497.99	Hải Phòng	1884	20A-900.77	Thái Nguyên	3484	19A-754.75	Phú Thọ

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
285	15K-498.00	Hải Phòng	1885	20A-901.69	Thái Nguyên	3485	19B-028.11	Phú Thọ
286	15K-498.79	Hải Phòng	1886	20A-906.68	Thái Nguyên	3486	19C-264.88	Phú Thọ
287	15K-509.33	Hải Phòng	1887	20B-038.86	Thái Nguyên	3487	19C-270.07	Phú Thọ
288	15K-509.44	Hải Phòng	1888	20C-311.55	Thái Nguyên	3488	19C-270.86	Phú Thọ
289	15K-511.51	Hải Phòng	1889	20C-322.33	Thái Nguyên	3489	19C-278.00	Phú Thọ
290	17A-500.79	Thái Bình	1890	20C-322.89	Thái Nguyên	3490	20A-861.11	Thái Nguyên
291	17A-508.99	Thái Bình	1891	21A-222.08	Yên Bái	3491	20A-862.99	Thái Nguyên
292	17B-031.44	Thái Bình	1892	21A-222.58	Yên Bái	3492	20A-877.99	Thái Nguyên
293	18A-490.69	Nam Định	1893	21B-016.22	Yên Bái	3493	20A-878.55	Thái Nguyên
294	18A-491.66	Nam Định	1894	21C-113.39	Yên Bái	3494	20A-880.89	Thái Nguyên
295	18A-507.70	Nam Định	1895	21C-113.89	Yên Bái	3495	20A-892.00	Thái Nguyên
296	18B-034.88	Nam Định	1896	22A-269.89	Tuyên Quang	3496	20A-894.77	Thái Nguyên
297	18C-176.89	Nam Định	1897	22A-280.82	Tuyên Quang	3497	20A-896.44	Thái Nguyên
298	18C-181.11	Nam Định	1898	22A-283.88	Tuyên Quang	3498	20A-898.68	Thái Nguyên
299	18C-181.68	Nam Định	1899	22B-016.79	Tuyên Quang	3499	20A-905.50	Thái Nguyên
300	19A-716.89	Phú Thọ	1900	22B-017.88	Tuyên Quang	3500	20B-038.77	Thái Nguyên
301	19A-718.19	Phú Thọ	1901	23A-164.55	Hà Giang	3501	20C-318.00	Thái Nguyên
302	19A-727.27	Phú Thọ	1902	23A-170.68	Hà Giang	3502	20C-319.95	Thái Nguyên
303	19A-730.30	Phú Thọ	1903	23D-010.77	Hà Giang	3503	20C-320.66	Thái Nguyên
304	19A-730.68	Phú Thọ	1904	24A-315.86	Lào Cai	3504	20C-321.44	Thái Nguyên
305	19A-734.39	Phú Thọ	1905	24A-316.33	Lào Cai	3505	20C-322.23	Thái Nguyên
306	19A-735.53	Phú Thọ	1906	24A-320.68	Lào Cai	3506	20C-322.32	Thái Nguyên
307	19A-737.55	Phú Thọ	1907	24A-320.86	Lào Cai	3507	20C-323.88	Thái Nguyên
308	19A-740.66	Phú Thọ	1908	24A-324.77	Lào Cai	3508	20D-034.79	Thái Nguyên
309	19A-744.47	Phú Thọ	1909	24B-022.99	Lào Cai	3509	21A-224.77	Yên Bái
310	19A-746.00	Phú Thọ	1910	24C-169.89	Lào Cai	3510	21C-111.69	Yên Bái
311	19A-746.89	Phú Thọ	1911	24C-170.39	Lào Cai	3511	21C-112.22	Yên Bái
312	19A-747.22	Phú Thọ	1912	24D-013.00	Lào Cai	3512	21C-114.89	Yên Bái
313	19A-747.74	Phú Thọ	1913	25A-087.86	Lai Châu	3513	22A-277.22	Tuyên Quang
314	19A-755.00	Phú Thọ	1914	25B-008.39	Lai Châu	3514	22C-113.68	Tuyên Quang
315	19B-029.44	Phú Thọ	1915	25C-060.00	Lai Châu	3515	22D-010.55	Tuyên Quang
316	19C-271.39	Phú Thọ	1916	25C-062.62	Lai Châu	3516	22D-011.12	Tuyên Quang
317	19C-274.69	Phú Thọ	1917	26A-236.55	Sơn La	3517	22D-012.11	Tuyên Quang
318	20A-868.44	Thái Nguyên	1918	26A-237.33	Sơn La	3518	23B-012.44	Hà Giang
319	20A-869.44	Thái Nguyên	1919	27A-134.89	Điện Biên	3519	23D-009.44	Hà Giang
320	20A-875.22	Thái Nguyên	1920	27C-077.66	Điện Biên	3520	24A-322.11	Lào Cai
321	20A-883.68	Thái Nguyên	1921	27D-008.86	Điện Biên	3521	24A-322.33	Lào Cai
322	20A-888.12	Thái Nguyên	1922	28A-260.69	Hòa Bình	3522	24B-020.33	Lào Cai
323	20A-892.66	Thái Nguyên	1923	28A-266.67	Hòa Bình	3523	25B-008.33	Lai Châu
324	20A-892.89	Thái Nguyên	1924	28B-017.69	Hòa Bình	3524	25B-009.89	Lai Châu
325	20A-893.77	Thái Nguyên	1925	28B-020.88	Hòa Bình	3525	25C-061.61	Lai Châu

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
326	20A-896.22	Thái Nguyên	1926	28C-122.21	Hòa Bình	3526	25D-008.86	Lai Châu
327	20A-896.77	Thái Nguyên	1927	28C-122.33	Hòa Bình	3527	26B-019.39	Sơn La
328	20A-904.88	Thái Nguyên	1928	28C-124.21	Hòa Bình	3528	26B-020.33	Sơn La
329	20C-313.44	Thái Nguyên	1929	28C-124.88	Hòa Bình	3529	26C-165.33	Sơn La
330	20C-314.33	Thái Nguyên	1930	28D-011.00	Hòa Bình	3530	27A-129.22	Điện Biên
331	20C-316.68	Thái Nguyên	1931	29B-661.55	Hà Nội	3531	27B-015.39	Điện Biên
332	20C-317.39	Thái Nguyên	1932	29D-629.88	Hà Nội	3532	27B-017.01	Điện Biên
333	20C-319.39	Thái Nguyên	1933	29K-334.11	Hà Nội	3533	28A-259.55	Hòa Bình
334	20D-033.39	Thái Nguyên	1934	29K-341.68	Hà Nội	3534	28A-261.99	Hòa Bình
335	21A-222.07	Yên Bái	1935	29K-342.88	Hà Nội	3535	28A-263.88	Hòa Bình
336	21A-226.27	Yên Bái	1936	29K-343.77	Hà Nội	3536	28A-266.22	Hòa Bình
337	21D-009.39	Yên Bái	1937	29K-357.11	Hà Nội	3537	28A-267.22	Hòa Bình
338	21D-009.77	Yên Bái	1938	29K-364.68	Hà Nội	3538	29B-659.59	Hà Nội
339	22A-272.33	Tuyên Quang	1939	29K-369.68	Hà Nội	3539	29D-628.00	Hà Nội
340	22A-272.79	Tuyên Quang	1940	29K-385.11	Hà Nội	3540	29D-628.68	Hà Nội
341	22A-273.66	Tuyên Quang	1941	29K-390.00	Hà Nội	3541	29D-638.44	Hà Nội
342	22A-275.33	Tuyên Quang	1942	29K-391.11	Hà Nội	3542	29K-327.00	Hà Nội
343	22A-278.66	Tuyên Quang	1943	29K-397.00	Hà Nội	3543	29K-331.33	Hà Nội
344	22C-116.77	Tuyên Quang	1944	29K-404.89	Hà Nội	3544	29K-333.00	Hà Nội
345	22C-117.00	Tuyên Quang	1945	29K-406.11	Hà Nội	3545	29K-338.39	Hà Nội
346	22D-010.88	Tuyên Quang	1946	29K-408.89	Hà Nội	3546	29K-339.33	Hà Nội
347	23A-165.33	Hà Giang	1947	29K-411.33	Hà Nội	3547	29K-353.99	Hà Nội
348	24A-323.68	Lào Cai	1948	29K-412.11	Hà Nội	3548	29K-361.88	Hà Nội
349	24A-326.11	Lào Cai	1949	29K-419.96	Hà Nội	3549	29K-372.89	Hà Nội
350	24B-019.89	Lào Cai	1950	29K-425.33	Hà Nội	3550	29K-376.77	Hà Nội
351	24B-021.22	Lào Cai	1951	29K-427.69	Hà Nội	3551	29K-376.86	Hà Nội
352	24D-013.39	Lào Cai	1952	29K-435.53	Hà Nội	3552	29K-378.87	Hà Nội
353	26A-243.68	Sơn La	1953	29K-443.77	Hà Nội	3553	29K-393.33	Hà Nội
354	26A-246.39	Sơn La	1954	29K-447.00	Hà Nội	3554	29K-395.79	Hà Nội
355	26B-022.23	Sơn La	1955	29K-447.11	Hà Nội	3555	29K-395.99	Hà Nội
356	26C-163.69	Sơn La	1956	29K-448.86	Hà Nội	3556	29K-406.69	Hà Nội
357	26C-165.68	Sơn La	1957	29K-462.68	Hà Nội	3557	29K-408.00	Hà Nội
358	26C-169.00	Sơn La	1958	29K-463.63	Hà Nội	3558	29K-413.79	Hà Nội
359	26D-015.68	Sơn La	1959	29K-464.55	Hà Nội	3559	29K-422.55	Hà Nội
360	27A-133.39	Điện Biên	1960	29K-467.67	Hà Nội	3560	29K-423.55	Hà Nội
361	27A-135.33	Điện Biên	1961	34A-919.19	Hải Dương	3561	29K-424.33	Hà Nội
362	27B-015.10	Điện Biên	1962	34A-931.77	Hải Dương	3562	29K-424.66	Hà Nội
363	27C-075.69	Điện Biên	1963	34A-942.42	Hải Dương	3563	29K-424.77	Hà Nội
364	28A-264.69	Hòa Bình	1964	34A-948.33	Hải Dương	3564	29K-425.79	Hà Nội
365	28A-271.89	Hòa Bình	1965	34A-952.22	Hải Dương	3565	29K-426.68	Hà Nội
366	28B-019.89	Hòa Bình	1966	34A-956.22	Hải Dương	3566	29K-429.00	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
367	29D-634.43	Hà Nội	1967	34A-962.44	Hải Dương	3567	29K-439.44	Hà Nội
368	29K-325.66	Hà Nội	1968	34A-973.89	Hải Dương	3568	29K-439.55	Hà Nội
369	29K-328.11	Hà Nội	1969	34A-974.44	Hải Dương	3569	29K-446.33	Hà Nội
370	29K-329.44	Hà Nội	1970	34B-043.40	Hải Dương	3570	29K-454.54	Hà Nội
371	29K-333.14	Hà Nội	1971	34C-439.44	Hải Dương	3571	29K-464.44	Hà Nội
372	29K-334.99	Hà Nội	1972	34C-439.88	Hải Dương	3572	29K-472.88	Hà Nội
373	29K-350.88	Hà Nội	1973	34C-444.89	Hải Dương	3573	29K-473.55	Hà Nội
374	29K-376.88	Hà Nội	1974	34C-450.33	Hải Dương	3574	29K-475.55	Hà Nội
375	29K-379.11	Hà Nội	1975	34D-041.33	Hải Dương	3575	34A-919.44	Hải Dương
376	29K-392.39	Hà Nội	1976	35A-465.56	Ninh Bình	3576	34A-921.29	Hải Dương
377	29K-393.11	Hà Nội	1977	35A-473.47	Ninh Bình	3577	34A-923.33	Hải Dương
378	29K-406.86	Hà Nội	1978	35A-476.33	Ninh Bình	3578	34A-926.86	Hải Dương
379	29K-412.55	Hà Nội	1979	35A-476.76	Ninh Bình	3579	34A-944.89	Hải Dương
380	29K-430.34	Hà Nội	1980	35A-483.84	Ninh Bình	3580	34A-952.52	Hải Dương
381	29K-433.11	Hà Nội	1981	35B-023.32	Ninh Bình	3581	34A-957.11	Hải Dương
382	29K-437.22	Hà Nội	1982	35B-024.89	Ninh Bình	3582	34A-960.88	Hải Dương
383	29K-437.79	Hà Nội	1983	35C-182.66	Ninh Bình	3583	34A-962.11	Hải Dương
384	29K-439.93	Hà Nội	1984	35C-185.99	Ninh Bình	3584	34A-963.00	Hải Dương
385	29K-444.33	Hà Nội	1985	35D-017.71	Ninh Bình	3585	34A-964.96	Hải Dương
386	29K-444.79	Hà Nội	1986	36B-047.44	Thanh Hóa	3586	34B-045.54	Hải Dương
387	29K-449.88	Hà Nội	1987	36C-547.89	Thanh Hóa	3587	34B-046.89	Hải Dương
388	29K-455.77	Hà Nội	1988	36C-556.79	Thanh Hóa	3588	34C-438.79	Hải Dương
389	29K-464.33	Hà Nội	1989	36C-563.33	Thanh Hóa	3589	34C-439.33	Hải Dương
390	34A-919.22	Hải Dương	1990	36C-580.80	Thanh Hóa	3590	34C-449.33	Hải Dương
391	34A-920.77	Hải Dương	1991	36D-033.11	Thanh Hóa	3591	34D-040.55	Hải Dương
392	34A-925.69	Hải Dương	1992	36K-231.88	Thanh Hóa	3592	35A-477.47	Ninh Bình
393	34A-933.22	Hải Dương	1993	36K-239.77	Thanh Hóa	3593	35A-478.00	Ninh Bình
394	34A-938.77	Hải Dương	1994	36K-244.88	Thanh Hóa	3594	35B-025.20	Ninh Bình
395	34A-947.47	Hải Dương	1995	36K-246.99	Thanh Hóa	3595	35C-179.96	Ninh Bình
396	34A-948.39	Hải Dương	1996	36K-253.99	Thanh Hóa	3596	35C-180.89	Ninh Bình
397	34A-949.55	Hải Dương	1997	36K-260.62	Thanh Hóa	3597	35D-017.11	Ninh Bình
398	34A-949.66	Hải Dương	1998	36K-263.69	Thanh Hóa	3598	35D-018.69	Ninh Bình
399	34A-952.44	Hải Dương	1999	36K-279.33	Thanh Hóa	3599	35D-018.77	Ninh Bình
400	34A-954.33	Hải Dương	2000	36K-279.77	Thanh Hóa	3600	35D-018.79	Ninh Bình
401	34A-961.16	Hải Dương	2001	36K-297.22	Thanh Hóa	3601	36C-546.89	Thanh Hóa
402	34A-968.55	Hải Dương	2002	36K-297.99	Thanh Hóa	3602	36C-549.69	Thanh Hóa
403	34A-974.86	Hải Dương	2003	36K-298.92	Thanh Hóa	3603	36C-555.00	Thanh Hóa
404	34A-976.88	Hải Dương	2004	36K-302.39	Thanh Hóa	3604	36C-555.33	Thanh Hóa
405	34C-436.22	Hải Dương	2005	37B-047.00	Nghệ An	3605	36C-555.48	Thanh Hóa
406	34C-449.77	Hải Dương	2006	37B-048.00	Nghệ An	3606	36C-560.65	Thanh Hóa
407	34C-450.99	Hải Dương	2007	37B-048.48	Nghệ An	3607	36C-570.11	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
408	34D-042.22	Hải Dương	2008	37C-568.99	Nghệ An	3608	36C-573.57	Thanh Hóa
409	35A-470.74	Ninh Bình	2009	37C-586.55	Nghệ An	3609	36C-577.00	Thanh Hóa
410	35A-475.74	Ninh Bình	2010	37C-587.22	Nghệ An	3610	36C-577.78	Thanh Hóa
411	35A-478.66	Ninh Bình	2011	37C-587.89	Nghệ An	3611	36K-229.69	Thanh Hóa
412	35A-481.68	Ninh Bình	2012	37C-591.69	Nghệ An	3612	36K-237.99	Thanh Hóa
413	35A-484.11	Ninh Bình	2013	37D-050.05	Nghệ An	3613	36K-248.24	Thanh Hóa
414	35D-018.88	Ninh Bình	2014	37K-484.44	Nghệ An	3614	36K-250.00	Thanh Hóa
415	36B-049.77	Thanh Hóa	2015	37K-484.66	Nghệ An	3615	36K-273.44	Thanh Hóa
416	36C-547.22	Thanh Hóa	2016	37K-485.33	Nghệ An	3616	36K-283.28	Thanh Hóa
417	36C-547.79	Thanh Hóa	2017	37K-500.66	Nghệ An	3617	36K-292.44	Thanh Hóa
418	36C-552.22	Thanh Hóa	2018	37K-502.33	Nghệ An	3618	36K-298.11	Thanh Hóa
419	36C-555.27	Thanh Hóa	2019	37K-506.50	Nghệ An	3619	36K-298.44	Thanh Hóa
420	36C-557.55	Thanh Hóa	2020	37K-513.79	Nghệ An	3620	36K-305.30	Thanh Hóa
421	36C-558.33	Thanh Hóa	2021	37K-517.17	Nghệ An	3621	36K-306.55	Thanh Hóa
422	36C-559.22	Thanh Hóa	2022	37K-528.39	Nghệ An	3622	37C-582.11	Nghệ An
423	36C-576.76	Thanh Hóa	2023	37K-529.92	Nghệ An	3623	37C-585.86	Nghệ An
424	36C-581.33	Thanh Hóa	2024	37K-534.53	Nghệ An	3624	37C-594.55	Nghệ An
425	36D-032.66	Thanh Hóa	2025	37K-538.66	Nghệ An	3625	37D-047.88	Nghệ An
426	36K-234.23	Thanh Hóa	2026	37K-538.86	Nghệ An	3626	37K-485.86	Nghệ An
427	36K-236.39	Thanh Hóa	2027	37K-540.69	Nghệ An	3627	37K-493.49	Nghệ An
428	36K-241.88	Thanh Hóa	2028	37K-542.00	Nghệ An	3628	37K-496.00	Nghệ An
429	36K-245.42	Thanh Hóa	2029	37K-543.11	Nghệ An	3629	37K-500.05	Nghệ An
430	36K-250.39	Thanh Hóa	2030	37K-547.66	Nghệ An	3630	37K-506.89	Nghệ An
431	36K-251.77	Thanh Hóa	2031	37K-549.86	Nghệ An	3631	37K-512.00	Nghệ An
432	36K-257.79	Thanh Hóa	2032	37K-551.33	Nghệ An	3632	37K-515.16	Nghệ An
433	36K-276.11	Thanh Hóa	2033	37K-553.11	Nghệ An	3633	37K-516.68	Nghệ An
434	36K-294.44	Thanh Hóa	2034	38A-682.00	Hà Tĩnh	3634	37K-516.89	Nghệ An
435	37C-571.11	Nghệ An	2035	38A-688.44	Hà Tĩnh	3635	37K-518.22	Nghệ An
436	37C-572.33	Nghệ An	2036	38A-690.79	Hà Tĩnh	3636	37K-523.33	Nghệ An
437	37C-573.89	Nghệ An	2037	38A-690.96	Hà Tĩnh	3637	37K-528.22	Nghệ An
438	37D-050.22	Nghệ An	2038	38A-695.59	Hà Tĩnh	3638	37K-528.69	Nghệ An
439	37K-482.66	Nghệ An	2039	38A-701.07	Hà Tĩnh	3639	37K-530.79	Nghệ An
440	37K-497.69	Nghệ An	2040	38A-708.80	Hà Tĩnh	3640	37K-541.33	Nghệ An
441	37K-502.11	Nghệ An	2041	38C-251.22	Hà Tĩnh	3641	37K-543.68	Nghệ An
442	37K-506.77	Nghệ An	2042	38C-254.54	Hà Tĩnh	3642	37K-546.00	Nghệ An
443	37K-515.89	Nghệ An	2043	43A-948.77	Đà Nẵng	3643	37K-550.77	Nghệ An
444	37K-517.11	Nghệ An	2044	43A-958.00	Đà Nẵng	3644	37K-564.46	Nghệ An
445	37K-517.22	Nghệ An	2045	43A-961.68	Đà Nẵng	3645	38A-686.55	Hà Tĩnh
446	37K-518.79	Nghệ An	2046	43A-961.86	Đà Nẵng	3646	38A-686.77	Hà Tĩnh
447	37K-526.27	Nghệ An	2047	43A-963.69	Đà Nẵng	3647	38A-687.00	Hà Tĩnh
448	37K-527.25	Nghệ An	2048	43A-964.64	Đà Nẵng	3648	38A-687.79	Hà Tĩnh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
449	37K-530.99	Nghệ An	2049	43A-966.79	Đà Nẵng	3649	38A-694.94	Hà Tĩnh
450	37K-541.88	Nghệ An	2050	43A-971.89	Đà Nẵng	3650	38A-699.79	Hà Tĩnh
451	37K-542.44	Nghệ An	2051	43A-971.99	Đà Nẵng	3651	38A-700.66	Hà Tĩnh
452	37K-546.68	Nghệ An	2052	43A-974.44	Đà Nẵng	3652	38A-702.20	Hà Tĩnh
453	37K-555.23	Nghệ An	2053	43A-974.74	Đà Nẵng	3653	38A-706.39	Hà Tĩnh
454	37K-557.11	Nghệ An	2054	43A-980.39	Đà Nẵng	3654	38A-707.11	Hà Tĩnh
455	37K-566.39	Nghệ An	2055	43B-067.11	Đà Nẵng	3655	38A-711.12	Hà Tĩnh
456	37K-569.22	Nghệ An	2056	43C-316.86	Đà Nẵng	3656	38B-025.00	Hà Tĩnh
457	37K-571.89	Nghệ An	2057	43C-318.31	Đà Nẵng	3657	38C-248.89	Hà Tĩnh
458	38A-681.22	Hà Tĩnh	2058	43C-319.68	Đà Nẵng	3658	38C-252.53	Hà Tĩnh
459	38A-687.69	Hà Tĩnh	2059	43D-014.55	Đà Nẵng	3659	43A-943.88	Đà Nẵng
460	38A-691.11	Hà Tĩnh	2060	47A-830.55	Đắk Lắk	3660	43A-949.88	Đà Nẵng
461	38A-693.93	Hà Tĩnh	2061	47A-833.39	Đắk Lắk	3661	43A-967.44	Đà Nẵng
462	38A-702.00	Hà Tĩnh	2062	47A-835.69	Đắk Lắk	3662	43A-970.68	Đà Nẵng
463	38A-702.44	Hà Tĩnh	2063	47A-835.89	Đắk Lắk	3663	43A-971.97	Đà Nẵng
464	38A-707.07	Hà Tĩnh	2064	47A-838.69	Đắk Lắk	3664	43A-978.77	Đà Nẵng
465	38A-711.89	Hà Tĩnh	2065	47A-841.55	Đắk Lắk	3665	43B-065.60	Đà Nẵng
466	38B-025.55	Hà Tĩnh	2066	47A-853.33	Đắk Lắk	3666	43B-066.69	Đà Nẵng
467	38B-025.77	Hà Tĩnh	2067	47A-856.89	Đắk Lắk	3667	43C-318.13	Đà Nẵng
468	38C-243.22	Hà Tĩnh	2068	47A-861.68	Đắk Lắk	3668	43C-319.11	Đà Nẵng
469	38C-244.39	Hà Tĩnh	2069	47A-863.99	Đắk Lắk	3669	43C-320.32	Đà Nẵng
470	38C-249.89	Hà Tĩnh	2070	47A-864.99	Đắk Lắk	3670	43C-322.32	Đà Nẵng
471	38D-023.69	Hà Tĩnh	2071	47C-405.06	Đắk Lắk	3671	47A-815.86	Đắk Lắk
472	43A-949.77	Đà Nẵng	2072	47C-406.39	Đắk Lắk	3672	47A-818.55	Đắk Lắk
473	43A-950.99	Đà Nẵng	2073	47C-407.88	Đắk Lắk	3673	47A-820.00	Đắk Lắk
474	43A-951.95	Đà Nẵng	2074	47C-408.11	Đắk Lắk	3674	47A-821.86	Đắk Lắk
475	43A-952.33	Đà Nẵng	2075	47C-410.44	Đắk Lắk	3675	47A-824.69	Đắk Lắk
476	43A-954.39	Đà Nẵng	2076	47C-412.89	Đắk Lắk	3676	47A-824.82	Đắk Lắk
477	43A-960.66	Đà Nẵng	2077	47C-418.68	Đắk Lắk	3677	47A-829.96	Đắk Lắk
478	43A-974.99	Đà Nẵng	2078	47C-421.11	Đắk Lắk	3678	47A-831.44	Đắk Lắk
479	43A-977.22	Đà Nẵng	2079	47C-423.88	Đắk Lắk	3679	47A-832.69	Đắk Lắk
480	43A-978.22	Đà Nẵng	2080	47D-024.66	Đắk Lắk	3680	47A-840.39	Đắk Lắk
481	43A-980.22	Đà Nẵng	2081	48A-252.00	Đắk Nông	3681	47A-847.39	Đắk Lắk
482	43B-064.60	Đà Nẵng	2082	48A-257.57	Đắk Nông	3682	47A-864.11	Đắk Lắk
483	43C-315.51	Đà Nẵng	2083	48A-259.68	Đắk Nông	3683	47B-042.33	Đắk Lắk
484	43C-323.33	Đà Nẵng	2084	48B-014.77	Đắk Nông	3684	47B-043.40	Đắk Lắk
485	47A-813.55	Đắk Lắk	2085	48C-116.68	Đắk Nông	3685	47C-403.00	Đắk Lắk
486	47A-817.81	Đắk Lắk	2086	48C-119.33	Đắk Nông	3686	47C-405.04	Đắk Lắk
487	47A-818.99	Đắk Lắk	2087	48C-123.23	Đắk Nông	3687	47C-407.44	Đắk Lắk
488	47A-822.66	Đắk Lắk	2088	49A-751.39	Lâm Đồng	3688	47C-410.14	Đắk Lắk
489	47A-831.69	Đắk Lắk	2089	49A-759.96	Lâm Đồng	3689	47C-412.22	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
490	47A-831.83	Đắk Lắk	2090	49A-764.66	Lâm Đồng	3690	47C-419.19	Đắk Lắk
491	47A-833.11	Đắk Lắk	2091	49A-764.76	Lâm Đồng	3691	47C-419.22	Đắk Lắk
492	47A-838.55	Đắk Lắk	2092	49A-770.77	Lâm Đồng	3692	47C-423.66	Đắk Lắk
493	47A-839.22	Đắk Lắk	2093	49A-770.86	Lâm Đồng	3693	48A-249.94	Đắk Nông
494	47A-840.55	Đắk Lắk	2094	49A-773.88	Lâm Đồng	3694	48A-251.25	Đắk Nông
495	47A-844.45	Đắk Lắk	2095	49A-780.11	Lâm Đồng	3695	48A-255.68	Đắk Nông
496	47A-845.45	Đắk Lắk	2096	49B-032.66	Lâm Đồng	3696	48C-119.68	Đắk Nông
497	47A-846.64	Đắk Lắk	2097	49C-386.55	Lâm Đồng	3697	49A-752.39	Lâm Đồng
498	47A-851.51	Đắk Lắk	2098	49C-389.55	Lâm Đồng	3698	49A-758.44	Lâm Đồng
499	47C-401.55	Đắk Lắk	2099	49C-395.22	Lâm Đồng	3699	49A-760.44	Lâm Đồng
500	47C-406.68	Đắk Lắk	2100	49C-397.39	Lâm Đồng	3700	49A-761.67	Lâm Đồng
501	47C-417.86	Đắk Lắk	2101	49D-016.44	Lâm Đồng	3701	49A-761.68	Lâm Đồng
502	47D-020.22	Đắk Lắk	2102	49D-018.10	Lâm Đồng	3702	49A-761.79	Lâm Đồng
503	48A-250.39	Đắk Nông	2103	49D-018.77	Lâm Đồng	3703	49A-761.88	Lâm Đồng
504	48C-120.00	Đắk Nông	2104	51B-713.00	Hồ Chí Minh	3704	49A-762.76	Lâm Đồng
505	48D-009.44	Đắk Nông	2105	51E-344.99	Hồ Chí Minh	3705	49A-781.55	Lâm Đồng
506	48D-009.96	Đắk Nông	2106	51E-349.77	Hồ Chí Minh	3706	49C-387.33	Lâm Đồng
507	49A-748.99	Lâm Đồng	2107	51E-351.89	Hồ Chí Minh	3707	49C-391.68	Lâm Đồng
508	49A-758.75	Lâm Đồng	2108	60B-078.33	Đồng Nai	3708	49C-400.44	Lâm Đồng
509	49A-759.66	Lâm Đồng	2109	60C-757.66	Đồng Nai	3709	51B-713.71	Hồ Chí Minh
510	49A-773.99	Lâm Đồng	2110	60C-760.11	Đồng Nai	3710	51E-344.33	Hồ Chí Minh
511	49A-776.55	Lâm Đồng	2111	60C-763.66	Đồng Nai	3711	60C-757.89	Đồng Nai
512	49A-776.68	Lâm Đồng	2112	60C-774.00	Đồng Nai	3712	60C-764.55	Đồng Nai
513	49C-383.39	Lâm Đồng	2113	60C-783.55	Đồng Nai	3713	60C-766.11	Đồng Nai
514	49C-386.69	Lâm Đồng	2114	60C-787.69	Đồng Nai	3714	60C-767.88	Đồng Nai
515	49C-387.77	Lâm Đồng	2115	60C-789.00	Đồng Nai	3715	60C-773.39	Đồng Nai
516	49C-389.11	Lâm Đồng	2116	60D-024.22	Đồng Nai	3716	60C-779.11	Đồng Nai
517	49C-391.19	Lâm Đồng	2117	60K-627.55	Đồng Nai	3717	60C-783.11	Đồng Nai
518	49C-392.44	Lâm Đồng	2118	60K-629.68	Đồng Nai	3718	60D-023.86	Đồng Nai
519	49C-396.55	Lâm Đồng	2119	60K-635.11	Đồng Nai	3719	60K-625.22	Đồng Nai
520	49D-018.00	Lâm Đồng	2120	60K-638.38	Đồng Nai	3720	60K-625.99	Đồng Nai
521	51B-712.89	Hồ Chí Minh	2121	60K-640.41	Đồng Nai	3721	60K-626.86	Đồng Nai
522	60C-776.86	Đồng Nai	2122	60K-641.44	Đồng Nai	3722	60K-636.86	Đồng Nai
523	60C-776.89	Đồng Nai	2123	60K-651.69	Đồng Nai	3723	60K-637.22	Đồng Nai
524	60C-777.67	Đồng Nai	2124	60K-655.86	Đồng Nai	3724	60K-650.39	Đồng Nai
525	60C-781.00	Đồng Nai	2125	60K-656.77	Đồng Nai	3725	60K-662.39	Đồng Nai
526	60C-787.86	Đồng Nai	2126	60K-659.66	Đồng Nai	3726	60K-672.88	Đồng Nai
527	60C-792.22	Đồng Nai	2127	60K-666.18	Đồng Nai	3727	60K-678.11	Đồng Nai
528	60C-792.97	Đồng Nai	2128	60K-670.79	Đồng Nai	3728	60K-682.33	Đồng Nai
529	60C-793.11	Đồng Nai	2129	60K-678.86	Đồng Nai	3729	60K-685.33	Đồng Nai
530	60C-793.69	Đồng Nai	2130	60K-691.89	Đồng Nai	3730	60K-686.99	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
531	60D-024.55	Đồng Nai	2131	60K-698.22	Đồng Nai	3731	60K-692.11	Đồng Nai
532	60D-025.20	Đồng Nai	2132	61C-612.79	Bình Dương	3732	60K-694.96	Đồng Nai
533	60K-620.44	Đồng Nai	2133	61C-615.16	Bình Dương	3733	60K-695.99	Đồng Nai
534	60K-627.26	Đồng Nai	2134	61C-616.77	Bình Dương	3734	60K-696.22	Đồng Nai
535	60K-630.22	Đồng Nai	2135	61C-631.31	Bình Dương	3735	60K-697.99	Đồng Nai
536	60K-639.00	Đồng Nai	2136	61C-633.69	Bình Dương	3736	61C-610.69	Bình Dương
537	60K-641.00	Đồng Nai	2137	61C-638.69	Bình Dương	3737	61C-618.68	Bình Dương
538	60K-643.39	Đồng Nai	2138	61C-640.44	Bình Dương	3738	61C-618.77	Bình Dương
539	60K-649.22	Đồng Nai	2139	61D-025.20	Bình Dương	3739	61C-622.99	Bình Dương
540	60K-654.11	Đồng Nai	2140	61D-025.55	Bình Dương	3740	61C-625.99	Bình Dương
541	60K-670.07	Đồng Nai	2141	61K-522.00	Bình Dương	3741	61C-627.72	Bình Dương
542	60K-672.89	Đồng Nai	2142	61K-533.69	Bình Dương	3742	61C-630.39	Bình Dương
543	60K-676.76	Đồng Nai	2143	61K-538.44	Bình Dương	3743	61C-630.99	Bình Dương
544	60K-680.22	Đồng Nai	2144	61K-545.11	Bình Dương	3744	61C-631.13	Bình Dương
545	60K-690.55	Đồng Nai	2145	61K-547.44	Bình Dương	3745	61C-631.39	Bình Dương
546	60K-692.68	Đồng Nai	2146	61K-552.69	Bình Dương	3746	61C-637.33	Bình Dương
547	60K-700.55	Đồng Nai	2147	61K-556.86	Bình Dương	3747	61D-023.77	Bình Dương
548	60K-702.22	Đồng Nai	2148	61K-567.66	Bình Dương	3748	61K-522.69	Bình Dương
549	61B-044.45	Bình Dương	2149	61K-577.33	Bình Dương	3749	61K-522.89	Bình Dương
550	61B-045.46	Bình Dương	2150	61K-582.58	Bình Dương	3750	61K-523.55	Bình Dương
551	61B-046.88	Bình Dương	2151	61K-591.44	Bình Dương	3751	61K-528.33	Bình Dương
552	61C-612.12	Bình Dương	2152	61K-594.49	Bình Dương	3752	61K-532.33	Bình Dương
553	61C-612.69	Bình Dương	2153	61K-595.77	Bình Dương	3753	61K-534.79	Bình Dương
554	61C-618.61	Bình Dương	2154	62A-474.68	Long An	3754	61K-538.89	Bình Dương
555	61C-623.89	Bình Dương	2155	62A-481.79	Long An	3755	61K-541.88	Bình Dương
556	61C-626.77	Bình Dương	2156	62A-483.33	Long An	3756	61K-545.66	Bình Dương
557	61C-632.36	Bình Dương	2157	62A-483.55	Long An	3757	61K-548.45	Bình Dương
558	61C-635.44	Bình Dương	2158	62A-484.55	Long An	3758	61K-557.79	Bình Dương
559	61C-635.68	Bình Dương	2159	62A-488.44	Long An	3759	61K-562.33	Bình Dương
560	61C-638.55	Bình Dương	2160	62C-223.55	Long An	3760	61K-562.77	Bình Dương
561	61C-641.42	Bình Dương	2161	63A-324.39	Tiền Giang	3761	61K-564.66	Bình Dương
562	61C-642.42	Bình Dương	2162	63A-332.79	Tiền Giang	3762	61K-571.44	Bình Dương
563	61D-026.20	Bình Dương	2163	63A-340.69	Tiền Giang	3763	61K-572.88	Bình Dương
564	61K-519.33	Bình Dương	2164	63B-035.79	Tiền Giang	3764	61K-581.77	Bình Dương
565	61K-527.72	Bình Dương	2165	63C-229.33	Tiền Giang	3765	61K-584.44	Bình Dương
566	61K-528.82	Bình Dương	2166	63C-231.23	Tiền Giang	3766	61K-585.58	Bình Dương
567	61K-532.11	Bình Dương	2167	63C-233.68	Tiền Giang	3767	61K-591.22	Bình Dương
568	61K-550.86	Bình Dương	2168	63C-238.33	Tiền Giang	3768	62A-487.55	Long An
569	61K-555.26	Bình Dương	2169	63C-238.77	Tiền Giang	3769	62A-493.11	Long An
570	61K-557.11	Bình Dương	2170	63C-239.22	Tiền Giang	3770	62C-223.11	Long An
571	61K-567.65	Bình Dương	2171	63D-015.16	Tiền Giang	3771	63A-327.69	Tiền Giang

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
572	61K-571.57	Bình Dương	2172	64A-207.68	Vĩnh Long	3772	63A-328.77	Tiền Giang
573	61K-576.89	Bình Dương	2173	64A-211.00	Vĩnh Long	3773	63A-332.89	Tiền Giang
574	61K-580.69	Bình Dương	2174	64D-008.77	Vĩnh Long	3774	63A-335.69	Tiền Giang
575	61K-586.55	Bình Dương	2175	65A-516.39	Cần Thơ	3775	63C-239.11	Tiền Giang
576	61K-590.91	Bình Dương	2176	65A-521.44	Cần Thơ	3776	63D-012.11	Tiền Giang
577	62A-473.47	Long An	2177	65A-526.79	Cần Thơ	3777	64A-204.69	Vĩnh Long
578	62A-476.76	Long An	2178	65C-259.89	Cần Thơ	3778	64C-135.89	Vĩnh Long
579	62A-480.00	Long An	2179	65C-264.11	Cần Thơ	3779	64D-006.68	Vĩnh Long
580	62A-483.83	Long An	2180	65C-265.77	Cần Thơ	3780	65A-515.51	Cần Thơ
581	62B-031.31	Long An	2181	65C-268.99	Cần Thơ	3781	65A-522.88	Cần Thơ
582	62C-218.00	Long An	2182	65C-270.68	Cần Thơ	3782	65A-530.44	Cần Thơ
583	62C-218.22	Long An	2183	65C-272.66	Cần Thơ	3783	65A-532.11	Cần Thơ
584	62C-220.68	Long An	2184	65D-010.86	Cần Thơ	3784	65C-252.77	Cần Thơ
585	62D-018.18	Long An	2185	65D-011.39	Cần Thơ	3785	65C-257.89	Cần Thơ
586	63A-325.86	Tiền Giang	2186	65D-011.44	Cần Thơ	3786	65C-261.00	Cần Thơ
587	63C-235.53	Tiền Giang	2187	66A-308.33	Đồng Tháp	3787	65C-261.68	Cần Thơ
588	64A-208.80	Vĩnh Long	2188	66A-311.88	Đồng Tháp	3788	65C-264.00	Cần Thơ
589	64A-209.20	Vĩnh Long	2189	66A-318.11	Đồng Tháp	3789	65C-267.00	Cần Thơ
590	64B-020.33	Vĩnh Long	2190	66B-025.33	Đồng Tháp	3790	65C-270.39	Cần Thơ
591	64C-137.44	Vĩnh Long	2191	66C-189.11	Đồng Tháp	3791	65C-274.00	Cần Thơ
592	65A-517.66	Cần Thơ	2192	66C-191.66	Đồng Tháp	3792	65C-275.75	Cần Thơ
593	65A-519.11	Cần Thơ	2193	66D-013.89	Đồng Tháp	3793	65C-276.79	Cần Thơ
594	65A-523.89	Cần Thơ	2194	66D-014.11	Đồng Tháp	3794	65C-280.66	Cần Thơ
595	65A-529.79	Cần Thơ	2195	66D-014.79	Đồng Tháp	3795	66A-312.39	Đồng Tháp
596	65A-532.33	Cần Thơ	2196	67A-329.77	An Giang	3796	66C-184.69	Đồng Tháp
597	65B-027.33	Cần Thơ	2197	67A-346.00	An Giang	3797	66C-184.85	Đồng Tháp
598	65C-278.39	Cần Thơ	2198	67C-196.44	An Giang	3798	66C-184.89	Đồng Tháp
599	65C-278.78	Cần Thơ	2199	67C-196.66	An Giang	3799	66C-185.22	Đồng Tháp
600	65C-279.44	Cần Thơ	2200	67D-009.55	An Giang	3800	66C-187.39	Đồng Tháp
601	65D-010.77	Cần Thơ	2201	68A-367.88	Kiên Giang	3801	66D-011.99	Đồng Tháp
602	65D-012.01	Cần Thơ	2202	68A-371.22	Kiên Giang	3802	66D-013.44	Đồng Tháp
603	66A-303.89	Đồng Tháp	2203	68A-376.00	Kiên Giang	3803	67A-334.34	An Giang
604	66A-306.07	Đồng Tháp	2204	68A-379.55	Kiên Giang	3804	67A-345.88	An Giang
605	66A-310.88	Đồng Tháp	2205	68C-183.39	Kiên Giang	3805	67B-032.44	An Giang
606	66A-312.68	Đồng Tháp	2206	68D-006.99	Kiên Giang	3806	67C-189.55	An Giang
607	66A-313.79	Đồng Tháp	2207	68D-009.77	Kiên Giang	3807	67C-191.44	An Giang
608	66C-184.33	Đồng Tháp	2208	69A-170.07	Cà Mau	3808	67D-010.22	An Giang
609	66C-186.69	Đồng Tháp	2209	69A-174.71	Cà Mau	3809	67D-010.39	An Giang
610	66C-192.00	Đồng Tháp	2210	69B-016.69	Cà Mau	3810	67D-010.55	An Giang
611	67A-330.44	An Giang	2211	69C-108.10	Cà Mau	3811	67D-011.88	An Giang
612	67A-331.55	An Giang	2212	69C-108.44	Cà Mau	3812	68A-377.78	Kiên Giang

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
613	67A-342.86	An Giang	2213	69C-109.69	Cà Mau	3813	68A-381.22	Kiên Giang
614	67B-030.30	An Giang	2214	69D-008.11	Cà Mau	3814	68C-178.44	Kiên Giang
615	67B-032.03	An Giang	2215	70A-584.84	Tây Ninh	3815	68C-178.77	Kiên Giang
616	67C-189.66	An Giang	2216	70A-589.77	Tây Ninh	3816	68D-007.77	Kiên Giang
617	67C-190.68	An Giang	2217	70A-595.59	Tây Ninh	3817	69A-173.39	Cà Mau
618	67D-009.77	An Giang	2218	70A-603.77	Tây Ninh	3818	69A-174.88	Cà Mau
619	67D-012.11	An Giang	2219	70A-611.33	Tây Ninh	3819	69B-014.88	Cà Mau
620	67D-012.66	An Giang	2220	70A-614.16	Tây Ninh	3820	69C-106.86	Cà Mau
621	68A-366.67	Kiên Giang	2221	70B-035.03	Tây Ninh	3821	69D-005.44	Cà Mau
622	68A-370.55	Kiên Giang	2222	70C-214.21	Tây Ninh	3822	70A-593.66	Tây Ninh
623	68B-035.44	Kiên Giang	2223	70C-215.77	Tây Ninh	3823	70A-594.95	Tây Ninh
624	68C-179.33	Kiên Giang	2224	70C-216.22	Tây Ninh	3824	70A-599.11	Tây Ninh
625	68C-179.68	Kiên Giang	2225	70D-011.68	Tây Ninh	3825	70A-601.02	Tây Ninh
626	68D-007.70	Kiên Giang	2226	70D-014.14	Tây Ninh	3826	70A-614.89	Tây Ninh
627	69A-170.00	Cà Mau	2227	71A-222.05	Bến Tre	3827	70B-034.43	Tây Ninh
628	69A-172.17	Cà Mau	2228	71B-025.89	Bến Tre	3828	70B-034.88	Tây Ninh
629	69B-016.77	Cà Mau	2229	71C-138.00	Bến Tre	3829	70B-037.89	Tây Ninh
630	69C-105.89	Cà Mau	2230	72A-847.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	3830	70C-218.44	Tây Ninh
631	69D-006.69	Cà Mau	2231	72A-850.68	Bà Rịa - Vũng Tàu	3831	70C-219.69	Tây Ninh
632	70A-584.77	Tây Ninh	2232	72A-850.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	3832	71A-216.17	Bến Tre
633	70A-597.55	Tây Ninh	2233	72A-853.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3833	71A-219.77	Bến Tre
634	70A-603.86	Tây Ninh	2234	72A-859.11	Bà Rịa - Vũng Tàu	3834	71C-133.86	Bến Tre
635	70A-606.79	Tây Ninh	2235	72A-865.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	3835	71C-136.22	Bến Tre
636	70A-608.89	Tây Ninh	2236	72A-867.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	3836	71C-137.77	Bến Tre
637	70A-611.00	Tây Ninh	2237	72A-869.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	3837	71D-008.66	Bến Tre
638	70A-611.16	Tây Ninh	2238	72A-872.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	3838	72A-847.74	Bà Rịa - Vũng Tàu
639	70A-611.44	Tây Ninh	2239	72B-048.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	3839	72A-853.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
640	70A-612.68	Tây Ninh	2240	72C-280.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	3840	72A-856.56	Bà Rịa - Vũng Tàu
641	70B-036.33	Tây Ninh	2241	72C-282.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	3841	72A-861.88	Bà Rịa - Vũng Tàu
642	70C-215.69	Tây Ninh	2242	72D-015.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	3842	72A-864.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
643	70C-218.68	Tây Ninh	2243	73A-372.27	Quảng Bình	3843	72A-877.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
644	70D-014.86	Tây Ninh	2244	73A-378.89	Quảng Bình	3844	72B-046.44	Bà Rịa - Vũng Tàu
645	71A-214.14	Bến Tre	2245	73A-380.44	Quảng Bình	3845	72C-267.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
646	71A-214.77	Bến Tre	2246	73A-381.89	Quảng Bình	3846	72C-267.67	Bà Rịa - Vũng Tàu
647	71A-217.44	Bến Tre	2247	73B-018.44	Quảng Bình	3847	72C-268.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
648	71C-137.00	Bến Tre	2248	74A-279.69	Quảng Trị	3848	72C-269.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
649	72A-858.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	2249	74A-283.84	Quảng Trị	3849	72C-275.76	Bà Rịa - Vũng Tàu
650	72A-872.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	2250	74B-017.39	Quảng Trị	3850	72C-276.11	Bà Rịa - Vũng Tàu
651	72A-872.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	2251	74C-146.66	Quảng Trị	3851	72C-278.33	Bà Rịa - Vũng Tàu
652	72A-874.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2252	74D-012.12	Quảng Trị	3852	72C-278.72	Bà Rịa - Vũng Tàu
653	72B-048.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2253	75A-392.29	Thừa Thiên Huế	3853	72C-279.86	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
654	72C-272.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	2254	75A-396.33	Thừa Thiên Huế	3854	73A-372.86	Quảng Bình
655	72C-273.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	2255	75C-160.16	Thừa Thiên Huế	3855	73A-374.44	Quảng Bình
656	73A-370.11	Quảng Bình	2256	75D-009.90	Thừa Thiên Huế	3856	73A-377.78	Quảng Bình
657	73A-370.33	Quảng Bình	2257	76A-326.77	Quảng Ngãi	3857	73A-381.33	Quảng Bình
658	73A-380.66	Quảng Bình	2258	76A-327.33	Quảng Ngãi	3858	73B-019.55	Quảng Bình
659	73B-017.71	Quảng Bình	2259	76A-331.68	Quảng Ngãi	3859	73C-195.44	Quảng Bình
660	73B-018.22	Quảng Bình	2260	76A-333.03	Quảng Ngãi	3860	73C-197.55	Quảng Bình
661	73C-191.68	Quảng Bình	2261	76A-333.77	Quảng Ngãi	3861	73D-010.39	Quảng Bình
662	73C-192.55	Quảng Bình	2262	77A-357.58	Bình Định	3862	74A-282.66	Quảng Trị
663	73C-193.39	Quảng Bình	2263	77A-357.89	Bình Định	3863	74A-285.77	Quảng Trị
664	73C-194.88	Quảng Bình	2264	77A-365.68	Bình Định	3864	74C-146.46	Quảng Trị
665	74A-286.33	Quảng Trị	2265	77B-039.11	Bình Định	3865	74D-012.86	Quảng Trị
666	74B-017.55	Quảng Trị	2266	77B-041.42	Bình Định	3866	74D-013.22	Quảng Trị
667	74C-144.99	Quảng Trị	2267	77C-261.61	Bình Định	3867	74D-014.88	Quảng Trị
668	74C-147.48	Quảng Trị	2268	77C-263.79	Bình Định	3868	75A-396.93	Thừa Thiên Huế
669	74C-147.69	Quảng Trị	2269	77C-266.33	Bình Định	3869	75A-398.55	Thừa Thiên Huế
670	75A-392.39	Thừa Thiên Huế	2270	78A-223.32	Phú Yên	3870	75B-032.55	Thừa Thiên Huế
671	75A-396.89	Thừa Thiên Huế	2271	78A-223.55	Phú Yên	3871	75C-157.68	Thừa Thiên Huế
672	75B-030.55	Thừa Thiên Huế	2272	78B-019.79	Phú Yên	3872	75C-161.44	Thừa Thiên Huế
673	75C-158.11	Thừa Thiên Huế	2273	78B-019.99	Phú Yên	3873	76A-328.86	Quảng Ngãi
674	75C-163.69	Thừa Thiên Huế	2274	78D-006.55	Phú Yên	3874	76A-334.77	Quảng Ngãi
675	75D-011.10	Thừa Thiên Huế	2275	79A-574.57	Khánh Hòa	3875	76D-014.77	Quảng Ngãi
676	75D-012.22	Thừa Thiên Huế	2276	79A-581.00	Khánh Hòa	3876	77A-356.65	Bình Định
677	76A-328.44	Quảng Ngãi	2277	79A-582.11	Khánh Hòa	3877	77B-038.39	Bình Định
678	76A-336.33	Quảng Ngãi	2278	79A-587.58	Khánh Hòa	3878	77C-264.99	Bình Định
679	76B-029.86	Quảng Ngãi	2279	79A-591.69	Khánh Hòa	3879	77C-266.55	Bình Định
680	77A-358.59	Bình Định	2280	79A-592.86	Khánh Hòa	3880	77D-009.99	Bình Định
681	77A-362.62	Bình Định	2281	79A-592.99	Khánh Hòa	3881	78A-216.22	Phú Yên
682	77A-363.11	Bình Định	2282	79A-594.11	Khánh Hòa	3882	78A-220.11	Phú Yên
683	77A-364.89	Bình Định	2283	79C-232.55	Khánh Hòa	3883	78A-226.26	Phú Yên
684	77B-037.55	Bình Định	2284	79D-013.14	Khánh Hòa	3884	78A-226.27	Phú Yên
685	77B-040.04	Bình Định	2285	79D-014.33	Khánh Hòa	3885	78B-019.96	Phú Yên
686	77C-265.77	Bình Định	2286	81A-454.89	Gia Lai	3886	78C-128.79	Phú Yên
687	77C-266.62	Bình Định	2287	81A-473.86	Gia Lai	3887	78D-010.11	Phú Yên
688	78A-221.55	Phú Yên	2288	81A-478.78	Gia Lai	3888	78D-010.22	Phú Yên
689	78A-225.25	Phú Yên	2289	81B-031.99	Gia Lai	3889	79A-587.00	Khánh Hòa
690	78B-020.86	Phú Yên	2290	81C-285.39	Gia Lai	3890	79A-587.88	Khánh Hòa
691	78D-008.08	Phú Yên	2291	81C-297.55	Gia Lai	3891	79A-592.29	Khánh Hòa
692	79A-571.33	Khánh Hòa	2292	81C-298.77	Gia Lai	3892	79C-232.79	Khánh Hòa
693	79A-571.44	Khánh Hòa	2293	81D-013.88	Gia Lai	3893	79D-012.10	Khánh Hòa
694	79A-579.66	Khánh Hòa	2294	82A-158.86	Kon Tum	3894	81A-454.22	Gia Lai

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
695	79A-587.55	Khánh Hòa	2295	82A-163.88	Kon Tum	3895	81A-465.77	Gia Lai
696	79A-593.44	Khánh Hòa	2296	82B-023.44	Kon Tum	3896	81A-469.55	Gia Lai
697	79B-046.33	Khánh Hòa	2297	82C-096.97	Kon Tum	3897	81A-471.47	Gia Lai
698	79C-230.30	Khánh Hòa	2298	82D-011.39	Kon Tum	3898	81A-472.55	Gia Lai
699	79C-234.88	Khánh Hòa	2299	83C-132.69	Sóc Trăng	3899	81A-472.66	Gia Lai
700	79D-013.99	Khánh Hòa	2300	83C-134.44	Sóc Trăng	3900	81C-285.44	Gia Lai
701	81A-460.89	Gia Lai	2301	83C-136.37	Sóc Trăng	3901	81C-297.33	Gia Lai
702	81A-462.39	Gia Lai	2302	84A-154.15	Trà Vinh	3902	81C-298.66	Gia Lai
703	81A-463.00	Gia Lai	2303	84C-124.68	Trà Vinh	3903	82A-164.88	Kon Tum
704	81A-463.36	Gia Lai	2304	84C-127.89	Trà Vinh	3904	82A-165.33	Kon Tum
705	81A-475.74	Gia Lai	2305	84C-128.82	Trà Vinh	3905	82B-021.44	Kon Tum
706	81A-475.77	Gia Lai	2306	85A-148.86	Ninh Thuận	3906	82B-022.68	Kon Tum
707	81A-475.89	Gia Lai	2307	85A-150.88	Ninh Thuận	3907	82D-012.01	Kon Tum
708	81C-285.88	Gia Lai	2308	85A-151.51	Ninh Thuận	3908	83A-195.68	Sóc Trăng
709	81C-287.11	Gia Lai	2309	85B-017.55	Ninh Thuận	3909	83B-025.11	Sóc Trăng
710	81C-288.69	Gia Lai	2310	85B-017.69	Ninh Thuận	3910	83B-026.77	Sóc Trăng
711	81C-293.55	Gia Lai	2311	85D-009.69	Ninh Thuận	3911	83C-132.44	Sóc Trăng
712	81C-294.95	Gia Lai	2312	86A-324.66	Bình Thuận	3912	84A-150.11	Trà Vinh
713	81C-299.00	Gia Lai	2313	86A-327.99	Bình Thuận	3913	84A-151.77	Trà Vinh
714	81D-014.22	Gia Lai	2314	86A-332.86	Bình Thuận	3914	84B-021.55	Trà Vinh
715	82A-159.69	Kon Tum	2315	86B-027.28	Bình Thuận	3915	84C-124.66	Trà Vinh
716	82B-022.66	Kon Tum	2316	86C-213.39	Bình Thuận	3916	84C-126.11	Trà Vinh
717	82B-023.69	Kon Tum	2317	88A-790.39	Vĩnh Phúc	3917	84C-128.11	Trà Vinh
718	83A-199.86	Sóc Trăng	2318	88A-794.88	Vĩnh Phúc	3918	84D-005.79	Trà Vinh
719	83B-025.22	Sóc Trăng	2319	88A-800.55	Vĩnh Phúc	3919	84D-009.09	Trà Vinh
720	83C-134.22	Sóc Trăng	2320	88A-800.80	Vĩnh Phúc	3920	85A-147.69	Ninh Thuận
721	83C-136.55	Sóc Trăng	2321	88A-801.10	Vĩnh Phúc	3921	86A-320.77	Bình Thuận
722	83C-137.79	Sóc Trăng	2322	88A-801.80	Vĩnh Phúc	3922	86A-332.77	Bình Thuận
723	84A-151.11	Trà Vinh	2323	88A-804.05	Vĩnh Phúc	3923	86D-006.86	Bình Thuận
724	84B-020.69	Trà Vinh	2324	88A-815.88	Vĩnh Phúc	3924	88A-789.22	Vĩnh Phúc
725	84B-021.00	Trà Vinh	2325	88A-816.55	Vĩnh Phúc	3925	88A-795.11	Vĩnh Phúc
726	84C-124.89	Trà Vinh	2326	88A-818.55	Vĩnh Phúc	3926	88A-796.00	Vĩnh Phúc
727	84C-128.22	Trà Vinh	2327	88B-021.99	Vĩnh Phúc	3927	88A-797.33	Vĩnh Phúc
728	85A-151.88	Ninh Thuận	2328	88C-318.66	Vĩnh Phúc	3928	88A-809.89	Vĩnh Phúc
729	85B-017.01	Ninh Thuận	2329	88C-320.20	Vĩnh Phúc	3929	88A-813.33	Vĩnh Phúc
730	85D-009.66	Ninh Thuận	2330	88C-321.69	Vĩnh Phúc	3930	88A-822.23	Vĩnh Phúc
731	86A-331.44	Bình Thuận	2331	88C-323.22	Vĩnh Phúc	3931	88A-827.55	Vĩnh Phúc
732	86B-024.79	Bình Thuận	2332	88D-023.22	Vĩnh Phúc	3932	88A-829.89	Vĩnh Phúc
733	86C-210.10	Bình Thuận	2333	89A-538.44	Hưng Yên	3933	88A-830.11	Vĩnh Phúc
734	88A-791.55	Vĩnh Phúc	2334	89A-540.69	Hưng Yên	3934	88A-830.44	Vĩnh Phúc
735	88A-793.22	Vĩnh Phúc	2335	89A-547.88	Hưng Yên	3935	88C-310.22	Vĩnh Phúc

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
736	88A-794.00	Vĩnh Phúc	2336	89A-559.22	Hưng Yên	3936	88C-318.33	Vĩnh Phúc
737	88A-794.89	Vĩnh Phúc	2337	89A-560.99	Hưng Yên	3937	88C-318.89	Vĩnh Phúc
738	88A-815.33	Vĩnh Phúc	2338	89A-563.00	Hưng Yên	3938	88C-321.11	Vĩnh Phúc
739	88A-818.86	Vĩnh Phúc	2339	89A-563.69	Hưng Yên	3939	88C-326.22	Vĩnh Phúc
740	88C-319.22	Vĩnh Phúc	2340	89B-028.69	Hưng Yên	3940	89A-533.35	Hưng Yên
741	88C-322.99	Vĩnh Phúc	2341	89C-346.33	Hưng Yên	3941	89A-536.39	Hưng Yên
742	88C-324.66	Vĩnh Phúc	2342	89C-347.47	Hưng Yên	3942	89A-540.88	Hưng Yên
743	89A-539.55	Hưng Yên	2343	90A-289.66	Hà Nam	3943	89A-548.11	Hưng Yên
744	89A-545.68	Hưng Yên	2344	90A-289.96	Hà Nam	3944	89A-548.84	Hưng Yên
745	89A-549.49	Hưng Yên	2345	90A-299.33	Hà Nam	3945	89A-552.33	Hưng Yên
746	89A-550.77	Hưng Yên	2346	90A-302.22	Hà Nam	3946	89A-553.35	Hưng Yên
747	89A-554.44	Hưng Yên	2347	90C-157.44	Hà Nam	3947	89A-557.75	Hưng Yên
748	89A-557.86	Hưng Yên	2348	90D-011.39	Hà Nam	3948	89A-559.88	Hưng Yên
749	89A-568.11	Hưng Yên	2349	90D-012.77	Hà Nam	3949	89A-562.99	Hưng Yên
750	89B-026.62	Hưng Yên	2350	90D-013.13	Hà Nam	3950	89A-567.00	Hưng Yên
751	89C-350.00	Hưng Yên	2351	90D-013.66	Hà Nam	3951	89B-027.02	Hưng Yên
752	89C-355.66	Hưng Yên	2352	92A-435.36	Quảng Nam	3952	89C-346.44	Hưng Yên
753	89C-355.88	Hưng Yên	2353	92A-436.88	Quảng Nam	3953	89C-352.11	Hưng Yên
754	89C-355.89	Hưng Yên	2354	92A-439.00	Quảng Nam	3954	89C-357.55	Hưng Yên
755	89C-358.35	Hưng Yên	2355	92A-440.99	Quảng Nam	3955	89D-023.89	Hưng Yên
756	89D-024.00	Hưng Yên	2356	92A-445.99	Quảng Nam	3956	90A-290.66	Hà Nam
757	90A-291.77	Hà Nam	2357	92A-446.99	Quảng Nam	3957	90A-293.86	Hà Nam
758	90A-293.22	Hà Nam	2358	92A-448.86	Quảng Nam	3958	90A-301.02	Hà Nam
759	90C-156.44	Hà Nam	2359	92C-260.55	Quảng Nam	3959	90C-154.54	Hà Nam
760	90C-159.69	Hà Nam	2360	92C-262.89	Quảng Nam	3960	90C-157.86	Hà Nam
761	90D-010.88	Hà Nam	2361	92C-263.44	Quảng Nam	3961	90C-158.44	Hà Nam
762	90D-011.10	Hà Nam	2362	92D-016.68	Quảng Nam	3962	90C-158.59	Hà Nam
763	90D-011.89	Hà Nam	2363	93A-506.77	Bình Phước	3963	90C-160.22	Hà Nam
764	90D-013.44	Hà Nam	2364	93A-512.77	Bình Phước	3964	90D-010.68	Hà Nam
765	92A-432.88	Quảng Nam	2365	93A-512.79	Bình Phước	3965	90D-012.89	Hà Nam
766	92A-442.68	Quảng Nam	2366	93A-517.11	Bình Phước	3966	92A-437.89	Quảng Nam
767	92A-444.66	Quảng Nam	2367	93A-524.44	Bình Phước	3967	92A-444.69	Quảng Nam
768	92A-448.11	Quảng Nam	2368	93C-202.69	Bình Phước	3968	92B-042.04	Quảng Nam
769	92C-260.79	Quảng Nam	2369	93C-208.08	Bình Phước	3969	93A-512.39	Bình Phước
770	92C-264.33	Quảng Nam	2370	94A-110.39	Bạc Liêu	3970	93A-513.68	Bình Phước
771	92C-265.89	Quảng Nam	2371	94A-110.99	Bạc Liêu	3971	93A-519.55	Bình Phước
772	93A-510.99	Bình Phước	2372	94A-114.44	Bạc Liêu	3972	93B-023.69	Bình Phước
773	93A-511.51	Bình Phước	2373	94B-015.79	Bạc Liêu	3973	93C-207.44	Bình Phước
774	93A-512.69	Bình Phước	2374	94D-007.44	Bạc Liêu	3974	93D-009.79	Bình Phước
775	93A-514.55	Bình Phước	2375	95A-141.79	Hậu Giang	3975	94A-113.88	Bạc Liêu
776	93C-202.33	Bình Phước	2376	95B-016.44	Hậu Giang	3976	94D-008.79	Bạc Liêu

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
777	94B-014.77	Bạc Liêu	2377	97A-099.33	Bắc Kạn	3977	95A-136.99	Hậu Giang
778	94C-083.83	Bạc Liêu	2378	97D-010.99	Bắc Kạn	3978	95A-141.11	Hậu Giang
779	94C-084.84	Bạc Liêu	2379	98A-864.44	Bắc Giang	3979	95B-017.89	Hậu Giang
780	95A-139.33	Hậu Giang	2380	98A-868.55	Bắc Giang	3980	95B-019.01	Hậu Giang
781	95B-017.00	Hậu Giang	2381	98A-879.87	Bắc Giang	3981	95C-091.68	Hậu Giang
782	95B-017.77	Hậu Giang	2382	98A-888.25	Bắc Giang	3982	95C-092.99	Hậu Giang
783	95B-019.11	Hậu Giang	2383	98A-888.67	Bắc Giang	3983	95D-024.89	Hậu Giang
784	95C-089.33	Hậu Giang	2384	98A-892.77	Bắc Giang	3984	97B-017.22	Bắc Kạn
785	97B-018.77	Bắc Kạn	2385	98A-892.79	Bắc Giang	3985	97C-052.11	Bắc Kạn
786	97C-051.00	Bắc Kạn	2386	98A-896.00	Bắc Giang	3986	97D-009.79	Bắc Kạn
787	97D-007.68	Bắc Kạn	2387	98A-903.04	Bắc Giang	3987	98A-860.77	Bắc Giang
788	97D-008.44	Bắc Kạn	2388	98A-905.89	Bắc Giang	3988	98A-863.66	Bắc Giang
789	98A-861.79	Bắc Giang	2389	98A-912.77	Bắc Giang	3989	98A-872.99	Bắc Giang
790	98A-877.87	Bắc Giang	2390	98B-046.68	Bắc Giang	3990	98A-874.33	Bắc Giang
791	98A-879.77	Bắc Giang	2391	98C-377.89	Bắc Giang	3991	98A-902.88	Bắc Giang
792	98A-892.44	Bắc Giang	2392	98C-391.89	Bắc Giang	3992	98C-376.22	Bắc Giang
793	98A-902.20	Bắc Giang	2393	99A-852.52	Bắc Ninh	3993	98C-388.22	Bắc Giang
794	98A-908.99	Bắc Giang	2394	99A-853.00	Bắc Ninh	3994	98C-393.33	Bắc Giang
795	98A-910.55	Bắc Giang	2395	99A-854.11	Bắc Ninh	3995	99A-852.33	Bắc Ninh
796	98C-377.55	Bắc Giang	2396	99A-861.39	Bắc Ninh	3996	99A-852.39	Bắc Ninh
797	98C-378.00	Bắc Giang	2397	99A-867.39	Bắc Ninh	3997	99A-854.99	Bắc Ninh
798	98C-379.69	Bắc Giang	2398	99A-871.11	Bắc Ninh	3998	99A-863.11	Bắc Ninh
799	98C-387.39	Bắc Giang	2399	99A-874.22	Bắc Ninh	3999	99A-874.47	Bắc Ninh
800	98C-387.68	Bắc Giang	2400	99A-882.99	Bắc Ninh	4000	99A-875.00	Bắc Ninh
801	98C-393.88	Bắc Giang	2401	99A-883.11	Bắc Ninh	4001	99A-880.11	Bắc Ninh
802	98C-395.55	Bắc Giang	2402	99A-883.44	Bắc Ninh	4002	99A-881.79	Bắc Ninh
803	99A-861.62	Bắc Ninh	2403	99A-885.79	Bắc Ninh	4003	99A-889.55	Bắc Ninh
804	99A-874.00	Bắc Ninh	2404	99A-887.55	Bắc Ninh	4004	99B-033.03	Bắc Ninh
805	99A-879.96	Bắc Ninh	2405	99C-336.11	Bắc Ninh	4005	99B-033.68	Bắc Ninh
806	99A-887.00	Bắc Ninh	2406	99C-336.37	Bắc Ninh	4006	99C-335.66	Bắc Ninh
807	99C-338.11	Bắc Ninh	2407	99C-337.99	Bắc Ninh	4007	99C-341.22	Bắc Ninh
808	99C-341.99	Bắc Ninh	2408	99D-026.77	Bắc Ninh	4008	99D-027.00	Bắc Ninh
809	11A-139.03	Cao Bằng	2409	30M-043.18	Hà Nội	4009	11A-138.78	Cao Bằng
810	12A-266.16	Lạng Sơn	2410	30M-051.60	Hà Nội	4010	11B-013.75	Cao Bằng
811	12A-267.58	Lạng Sơn	2411	30M-060.31	Hà Nội	4011	12A-267.04	Lạng Sơn
812	12A-270.73	Lạng Sơn	2412	30M-065.13	Hà Nội	4012	14A-994.04	Quảng Ninh
813	12A-271.48	Lạng Sơn	2413	30M-066.37	Hà Nội	4013	14A-998.76	Quảng Ninh
814	12B-015.84	Lạng Sơn	2414	30M-069.70	Hà Nội	4014	14K-013.05	Quảng Ninh
815	12D-009.46	Lạng Sơn	2415	30M-072.26	Hà Nội	4015	14K-013.71	Quảng Ninh
816	12D-011.31	Lạng Sơn	2416	30M-072.83	Hà Nội	4016	14K-023.08	Quảng Ninh
817	14A-991.75	Quảng Ninh	2417	30M-072.97	Hà Nội	4017	14K-027.06	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
818	14A-993.97	Quảng Ninh	2418	30M-115.45	Hà Nội	4018	14K-027.35	Quảng Ninh
819	14A-996.80	Quảng Ninh	2419	30M-116.60	Hà Nội	4019	14K-037.18	Quảng Ninh
820	14A-998.78	Quảng Ninh	2420	30M-120.08	Hà Nội	4020	14K-040.48	Quảng Ninh
821	14C-459.05	Quảng Ninh	2421	30M-120.85	Hà Nội	4021	14K-040.54	Quảng Ninh
822	14C-459.98	Quảng Ninh	2422	30M-126.54	Hà Nội	4022	14K-044.93	Quảng Ninh
823	14C-467.43	Quảng Ninh	2423	30M-129.10	Hà Nội	4023	15C-482.49	Hải Phòng
824	14K-005.02	Quảng Ninh	2424	30M-140.58	Hà Nội	4024	15C-485.41	Hải Phòng
825	14K-010.85	Quảng Ninh	2425	30M-151.67	Hà Nội	4025	15C-486.71	Hải Phòng
826	14K-031.38	Quảng Ninh	2426	30M-163.52	Hà Nội	4026	15C-497.60	Hải Phòng
827	14K-038.87	Quảng Ninh	2427	30M-173.04	Hà Nội	4027	15D-053.91	Hải Phòng
828	14K-042.52	Quảng Ninh	2428	30M-173.09	Hà Nội	4028	15K-427.92	Hải Phòng
829	14K-044.48	Quảng Ninh	2429	30M-175.87	Hà Nội	4029	15K-427.97	Hải Phòng
830	14K-048.18	Quảng Ninh	2430	30M-180.20	Hà Nội	4030	15K-446.28	Hải Phòng
831	15C-482.18	Hải Phòng	2431	30M-181.80	Hà Nội	4031	15K-452.92	Hải Phòng
832	15C-492.09	Hải Phòng	2432	30M-182.40	Hà Nội	4032	15K-454.62	Hải Phòng
833	15C-493.51	Hải Phòng	2433	30M-212.14	Hà Nội	4033	15K-464.32	Hải Phòng
834	15C-495.80	Hải Phòng	2434	30M-233.20	Hà Nội	4034	15K-468.91	Hải Phòng
835	15D-056.06	Hải Phòng	2435	30M-233.91	Hà Nội	4035	15K-470.35	Hải Phòng
836	15K-426.91	Hải Phòng	2436	30M-247.98	Hà Nội	4036	15K-473.67	Hải Phòng
837	15K-445.70	Hải Phòng	2437	30M-248.15	Hà Nội	4037	15K-475.14	Hải Phòng
838	15K-446.15	Hải Phòng	2438	30M-251.90	Hà Nội	4038	15K-491.23	Hải Phòng
839	15K-446.74	Hải Phòng	2439	30M-253.56	Hà Nội	4039	15K-510.59	Hải Phòng
840	15K-466.81	Hải Phòng	2440	30M-254.29	Hà Nội	4040	17A-494.40	Thái Bình
841	15K-474.29	Hải Phòng	2441	30M-263.16	Hà Nội	4041	17A-503.75	Thái Bình
842	15K-479.53	Hải Phòng	2442	30M-263.49	Hà Nội	4042	17A-509.52	Thái Bình
843	15K-482.85	Hải Phòng	2443	30M-271.64	Hà Nội	4043	17A-510.38	Thái Bình
844	15K-488.20	Hải Phòng	2444	30M-272.18	Hà Nội	4044	17A-511.17	Thái Bình
845	15K-491.47	Hải Phòng	2445	30M-275.36	Hà Nội	4045	17A-511.90	Thái Bình
846	15K-504.98	Hải Phòng	2446	30M-282.20	Hà Nội	4046	17C-217.80	Thái Bình
847	15K-507.58	Hải Phòng	2447	30M-286.23	Hà Nội	4047	17C-219.26	Thái Bình
848	15K-509.53	Hải Phòng	2448	30M-287.05	Hà Nội	4048	18A-498.32	Nam Định
849	15K-512.92	Hải Phòng	2449	30M-288.31	Hà Nội	4049	18A-511.37	Nam Định
850	17A-512.07	Thái Bình	2450	30M-289.48	Hà Nội	4050	18C-179.25	Nam Định
851	18A-499.80	Nam Định	2451	30M-292.87	Hà Nội	4051	18C-181.09	Nam Định
852	18A-504.51	Nam Định	2452	30M-295.27	Hà Nội	4052	19A-720.34	Phú Thọ
853	18A-508.52	Nam Định	2453	30M-296.32	Hà Nội	4053	19A-728.63	Phú Thọ
854	18A-511.30	Nam Định	2454	30M-297.13	Hà Nội	4054	19A-730.82	Phú Thọ
855	18D-016.96	Nam Định	2455	30M-299.78	Hà Nội	4055	19A-738.85	Phú Thọ
856	19A-730.49	Phú Thọ	2456	30M-303.87	Hà Nội	4056	19A-739.76	Phú Thọ
857	19A-735.85	Phú Thọ	2457	30M-314.30	Hà Nội	4057	19A-741.91	Phú Thọ
858	19A-736.34	Phú Thọ	2458	30M-321.35	Hà Nội	4058	19A-747.19	Phú Thọ

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
859	19A-737.52	Phú Thọ	2459	30M-326.24	Hà Nội	4059	19B-030.84	Phú Thọ
860	19A-738.49	Phú Thọ	2460	30M-328.13	Hà Nội	4060	19C-263.82	Phú Thọ
861	19A-748.51	Phú Thọ	2461	30M-329.04	Hà Nội	4061	19C-265.02	Phú Thọ
862	20A-861.20	Thái Nguyên	2462	30M-343.98	Hà Nội	4062	19C-266.10	Phú Thọ
863	20A-862.08	Thái Nguyên	2463	30M-351.01	Hà Nội	4063	19C-266.90	Phú Thọ
864	20A-867.58	Thái Nguyên	2464	30M-358.07	Hà Nội	4064	19C-268.57	Phú Thọ
865	20A-868.26	Thái Nguyên	2465	30M-359.93	Hà Nội	4065	19C-277.20	Phú Thọ
866	20A-869.80	Thái Nguyên	2466	30M-362.24	Hà Nội	4066	19D-021.26	Phú Thọ
867	20A-871.47	Thái Nguyên	2467	30M-365.03	Hà Nội	4067	20A-881.45	Thái Nguyên
868	20A-872.30	Thái Nguyên	2468	30M-368.78	Hà Nội	4068	20A-885.10	Thái Nguyên
869	20A-873.84	Thái Nguyên	2469	30M-368.94	Hà Nội	4069	20A-885.65	Thái Nguyên
870	20A-875.72	Thái Nguyên	2470	30M-376.29	Hà Nội	4070	20A-895.92	Thái Nguyên
871	20A-878.45	Thái Nguyên	2471	30M-379.93	Hà Nội	4071	20A-898.30	Thái Nguyên
872	20A-879.46	Thái Nguyên	2472	30M-386.94	Hà Nội	4072	20A-898.57	Thái Nguyên
873	20A-883.12	Thái Nguyên	2473	30M-389.07	Hà Nội	4073	20A-901.29	Thái Nguyên
874	20A-888.21	Thái Nguyên	2474	30M-391.94	Hà Nội	4074	20A-901.52	Thái Nguyên
875	20A-896.74	Thái Nguyên	2475	30M-393.23	Hà Nội	4075	20A-901.67	Thái Nguyên
876	20A-897.32	Thái Nguyên	2476	30M-393.57	Hà Nội	4076	20B-036.61	Thái Nguyên
877	20A-899.09	Thái Nguyên	2477	30M-394.26	Hà Nội	4077	20C-310.52	Thái Nguyên
878	20A-900.12	Thái Nguyên	2478	30M-395.32	Hà Nội	4078	20C-311.10	Thái Nguyên
879	20A-902.84	Thái Nguyên	2479	30M-398.34	Hà Nội	4079	20C-321.50	Thái Nguyên
880	20A-903.92	Thái Nguyên	2480	30M-408.94	Hà Nội	4080	20D-033.84	Thái Nguyên
881	20C-319.15	Thái Nguyên	2481	30M-413.92	Hà Nội	4081	20D-035.02	Thái Nguyên
882	20C-320.56	Thái Nguyên	2482	51L-899.15	Hồ Chí Minh	4082	21A-222.94	Yên Bái
883	20D-033.07	Thái Nguyên	2483	51L-900.36	Hồ Chí Minh	4083	21A-226.06	Yên Bái
884	21A-231.93	Yên Bái	2484	51L-902.34	Hồ Chí Minh	4084	21A-231.83	Yên Bái
885	21C-113.58	Yên Bái	2485	51L-905.62	Hồ Chí Minh	4085	21C-113.16	Yên Bái
886	21C-114.09	Yên Bái	2486	51L-911.37	Hồ Chí Minh	4086	21C-113.23	Yên Bái
887	21D-007.93	Yên Bái	2487	51L-913.57	Hồ Chí Minh	4087	21C-113.95	Yên Bái
888	22A-271.56	Tuyên Quang	2488	51L-916.90	Hồ Chí Minh	4088	22A-280.96	Tuyên Quang
889	22A-280.47	Tuyên Quang	2489	51L-916.94	Hồ Chí Minh	4089	22A-282.73	Tuyên Quang
890	22A-280.58	Tuyên Quang	2490	51L-922.80	Hồ Chí Minh	4090	22B-018.54	Tuyên Quang
891	22A-281.29	Tuyên Quang	2491	51L-929.78	Hồ Chí Minh	4091	22D-010.65	Tuyên Quang
892	22A-283.01	Tuyên Quang	2492	51L-934.02	Hồ Chí Minh	4092	23A-166.84	Hà Giang
893	22B-018.08	Tuyên Quang	2493	51L-935.13	Hồ Chí Minh	4093	23D-010.20	Hà Giang
894	22B-018.28	Tuyên Quang	2494	51L-935.51	Hồ Chí Minh	4094	24A-320.65	Lào Cai
895	22D-012.53	Tuyên Quang	2495	51L-936.61	Hồ Chí Minh	4095	24A-320.97	Lào Cai
896	23A-167.94	Hà Giang	2496	51L-939.94	Hồ Chí Minh	4096	24B-019.49	Lào Cai
897	23A-170.59	Hà Giang	2497	51L-942.62	Hồ Chí Minh	4097	24C-170.84	Lào Cai
898	23B-012.19	Hà Giang	2498	51L-952.03	Hồ Chí Minh	4098	24D-012.76	Lào Cai
899	23D-009.25	Hà Giang	2499	51L-959.27	Hồ Chí Minh	4099	25D-008.25	Lai Châu

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
900	24A-315.92	Lào Cai	2500	51L-959.76	Hồ Chí Minh	4100	26A-236.05	Sơn La
901	24A-324.30	Lào Cai	2501	51L-963.97	Hồ Chí Minh	4101	26A-240.36	Sơn La
902	24A-326.60	Lào Cai	2502	51L-969.05	Hồ Chí Minh	4102	26A-243.50	Sơn La
903	24B-022.81	Lào Cai	2503	51L-971.31	Hồ Chí Minh	4103	26B-022.27	Sơn La
904	24C-168.27	Lào Cai	2504	51L-973.87	Hồ Chí Minh	4104	26B-022.90	Sơn La
905	24C-168.87	Lào Cai	2505	51L-977.37	Hồ Chí Minh	4105	26C-168.94	Sơn La
906	24D-010.15	Lào Cai	2506	51L-979.12	Hồ Chí Minh	4106	27A-129.45	Điện Biên
907	24D-011.04	Lào Cai	2507	51L-979.90	Hồ Chí Minh	4107	27A-131.76	Điện Biên
908	25A-086.03	Lai Châu	2508	51L-982.21	Hồ Chí Minh	4108	27A-133.28	Điện Biên
909	25C-061.15	Lai Châu	2509	51L-982.84	Hồ Chí Minh	4109	27A-135.25	Điện Biên
910	25D-006.85	Lai Châu	2510	51L-985.95	Hồ Chí Minh	4110	28A-259.27	Hòa Bình
911	26A-238.25	Sơn La	2511	51L-990.49	Hồ Chí Minh	4111	28A-268.74	Hòa Bình
912	26B-021.73	Sơn La	2512	51L-992.90	Hồ Chí Minh	4112	28A-271.67	Hòa Bình
913	26C-168.58	Sơn La	2513	51L-993.91	Hồ Chí Minh	4113	28B-017.85	Hòa Bình
914	26D-013.84	Sơn La	2514	51L-995.05	Hồ Chí Minh	4114	28D-014.80	Hòa Bình
915	27C-075.56	Điện Biên	2515	51L-996.07	Hồ Chí Minh	4115	29B-659.06	Hà Nội
916	27C-076.93	Điện Biên	2516	51L-998.59	Hồ Chí Minh	4116	29D-637.35	Hà Nội
917	28A-259.81	Hòa Bình	2517	51L-999.40	Hồ Chí Minh	4117	29K-330.25	Hà Nội
918	28A-265.23	Hòa Bình	2518	51M-052.51	Hồ Chí Minh	4118	29K-336.21	Hà Nội
919	28A-268.60	Hòa Bình	2519	51M-052.67	Hồ Chí Minh	4119	29K-345.97	Hà Nội
920	28A-268.81	Hòa Bình	2520	51M-055.70	Hồ Chí Minh	4120	29K-353.50	Hà Nội
921	28C-125.32	Hòa Bình	2521	51M-056.74	Hồ Chí Minh	4121	29K-353.71	Hà Nội
922	28C-127.29	Hòa Bình	2522	51M-066.35	Hồ Chí Minh	4122	29K-354.87	Hà Nội
923	28D-011.14	Hòa Bình	2523	51M-067.84	Hồ Chí Minh	4123	29K-361.31	Hà Nội
924	29B-659.05	Hà Nội	2524	51M-071.60	Hồ Chí Minh	4124	29K-362.35	Hà Nội
925	29B-659.91	Hà Nội	2525	51M-079.42	Hồ Chí Minh	4125	29K-368.20	Hà Nội
926	29B-660.08	Hà Nội	2526	51M-081.61	Hồ Chí Minh	4126	29K-382.59	Hà Nội
927	29D-639.59	Hà Nội	2527	51M-082.03	Hồ Chí Minh	4127	29K-389.67	Hà Nội
928	29K-326.28	Hà Nội	2528	51M-085.16	Hồ Chí Minh	4128	29K-392.04	Hà Nội
929	29K-338.12	Hà Nội	2529	51M-092.16	Hồ Chí Minh	4129	29K-397.28	Hà Nội
930	29K-338.97	Hà Nội	2530	51M-095.72	Hồ Chí Minh	4130	29K-398.92	Hà Nội
931	29K-343.26	Hà Nội	2531	51M-097.01	Hồ Chí Minh	4131	29K-400.85	Hà Nội
932	29K-348.92	Hà Nội	2532	51M-098.56	Hồ Chí Minh	4132	29K-407.26	Hà Nội
933	29K-356.90	Hà Nội	2533	51M-112.56	Hồ Chí Minh	4133	29K-415.34	Hà Nội
934	29K-359.71	Hà Nội	2534	51M-123.57	Hồ Chí Minh	4134	29K-422.37	Hà Nội
935	29K-365.10	Hà Nội	2535	51M-128.08	Hồ Chí Minh	4135	29K-432.27	Hà Nội
936	29K-366.17	Hà Nội	2536	51M-133.14	Hồ Chí Minh	4136	29K-432.35	Hà Nội
937	29K-369.07	Hà Nội	2537	51M-133.45	Hồ Chí Minh	4137	29K-435.64	Hà Nội
938	29K-372.04	Hà Nội	2538	51M-135.70	Hồ Chí Minh	4138	29K-437.08	Hà Nội
939	29K-381.05	Hà Nội	2539	51M-142.02	Hồ Chí Minh	4139	29K-437.85	Hà Nội
940	29K-388.23	Hà Nội	2540	51M-157.52	Hồ Chí Minh	4140	29K-441.30	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
941	29K-408.30	Hà Nội	2541	51M-162.48	Hồ Chí Minh	4141	29K-445.19	Hà Nội
942	29K-411.52	Hà Nội	2542	51M-166.20	Hồ Chí Minh	4142	29K-455.06	Hà Nội
943	29K-414.52	Hà Nội	2543	51M-166.84	Hồ Chí Minh	4143	29K-463.07	Hà Nội
944	29K-417.58	Hà Nội	2544	51M-179.49	Hồ Chí Minh	4144	29K-463.48	Hà Nội
945	29K-418.32	Hà Nội	2545	51M-181.34	Hồ Chí Minh	4145	29K-465.17	Hà Nội
946	29K-424.49	Hà Nội	2546	51M-184.67	Hồ Chí Minh	4146	29K-465.48	Hà Nội
947	29K-440.85	Hà Nội	2547	51M-188.32	Hồ Chí Minh	4147	29K-467.34	Hà Nội
948	29K-443.59	Hà Nội	2548	51M-192.05	Hồ Chí Minh	4148	29K-473.63	Hà Nội
949	29K-447.58	Hà Nội	2549	51M-193.15	Hồ Chí Minh	4149	30M-032.80	Hà Nội
950	29K-448.02	Hà Nội	2550	51M-194.03	Hồ Chí Minh	4150	30M-039.54	Hà Nội
951	29K-451.48	Hà Nội	2551	51M-201.74	Hồ Chí Minh	4151	30M-057.30	Hà Nội
952	29K-457.09	Hà Nội	2552	51M-213.35	Hồ Chí Minh	4152	30M-068.47	Hà Nội
953	29K-462.73	Hà Nội	2553	51M-215.04	Hồ Chí Minh	4153	30M-071.95	Hà Nội
954	29K-462.84	Hà Nội	2554	51M-216.01	Hồ Chí Minh	4154	30M-073.30	Hà Nội
955	29K-462.94	Hà Nội	2555	51M-218.78	Hồ Chí Minh	4155	30M-077.34	Hà Nội
956	29K-467.03	Hà Nội	2556	51M-219.09	Hồ Chí Minh	4156	30M-081.13	Hà Nội
957	29K-469.70	Hà Nội	2557	51M-223.27	Hồ Chí Minh	4157	30M-086.27	Hà Nội
958	29K-472.10	Hà Nội	2558	51M-225.40	Hồ Chí Minh	4158	30M-092.56	Hà Nội
959	29K-474.78	Hà Nội	2559	51M-228.93	Hồ Chí Minh	4159	30M-098.20	Hà Nội
960	29K-477.08	Hà Nội	2560	51M-234.31	Hồ Chí Minh	4160	30M-099.78	Hà Nội
961	29K-477.76	Hà Nội	2561	51M-234.95	Hồ Chí Minh	4161	30M-104.80	Hà Nội
962	30M-041.01	Hà Nội	2562	51M-240.94	Hồ Chí Minh	4162	30M-113.62	Hà Nội
963	30M-048.01	Hà Nội	2563	51M-250.47	Hồ Chí Minh	4163	30M-114.92	Hà Nội
964	30M-051.10	Hà Nội	2564	51M-258.15	Hồ Chí Minh	4164	30M-118.82	Hà Nội
965	30M-052.21	Hà Nội	2565	51M-262.70	Hồ Chí Minh	4165	30M-123.87	Hà Nội
966	30M-055.61	Hà Nội	2566	51M-266.47	Hồ Chí Minh	4166	30M-125.83	Hà Nội
967	30M-063.34	Hà Nội	2567	51M-282.97	Hồ Chí Minh	4167	30M-131.60	Hà Nội
968	30M-064.30	Hà Nội	2568	51M-285.07	Hồ Chí Minh	4168	30M-133.50	Hà Nội
969	30M-068.67	Hà Nội	2569	51M-286.07	Hồ Chí Minh	4169	30M-135.29	Hà Nội
970	30M-069.45	Hà Nội	2570	51M-286.27	Hồ Chí Minh	4170	30M-136.84	Hà Nội
971	30M-073.57	Hà Nội	2571	51M-289.78	Hồ Chí Minh	4171	30M-139.58	Hà Nội
972	30M-076.13	Hà Nội	2572	51M-290.83	Hồ Chí Minh	4172	30M-145.48	Hà Nội
973	30M-080.83	Hà Nội	2573	51M-292.12	Hồ Chí Minh	4173	30M-149.32	Hà Nội
974	30M-080.93	Hà Nội	2574	51M-292.91	Hồ Chí Minh	4174	30M-151.74	Hà Nội
975	30M-093.27	Hà Nội	2575	51M-302.73	Hồ Chí Minh	4175	30M-152.57	Hà Nội
976	30M-099.32	Hà Nội	2576	51N-001.34	Hồ Chí Minh	4176	30M-163.51	Hà Nội
977	30M-102.96	Hà Nội	2577	51N-004.60	Hồ Chí Minh	4177	30M-166.60	Hà Nội
978	30M-107.80	Hà Nội	2578	51N-006.04	Hồ Chí Minh	4178	30M-174.05	Hà Nội
979	30M-109.45	Hà Nội	2579	51N-008.27	Hồ Chí Minh	4179	30M-177.74	Hà Nội
980	30M-121.84	Hà Nội	2580	51N-010.65	Hồ Chí Minh	4180	30M-178.26	Hà Nội
981	30M-126.34	Hà Nội	2581	51N-010.83	Hồ Chí Minh	4181	30M-204.76	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
982	30M-132.78	Hà Nội	2582	51N-017.48	Hồ Chí Minh	4182	30M-208.81	Hà Nội
983	30M-133.60	Hà Nội	2583	51N-027.96	Hồ Chí Minh	4183	30M-212.96	Hà Nội
984	30M-139.43	Hà Nội	2584	51N-035.37	Hồ Chí Minh	4184	30M-215.81	Hà Nội
985	30M-159.97	Hà Nội	2585	51N-037.06	Hồ Chí Minh	4185	30M-217.35	Hà Nội
986	30M-170.96	Hà Nội	2586	51N-039.43	Hồ Chí Minh	4186	30M-218.98	Hà Nội
987	30M-184.32	Hà Nội	2587	51N-042.18	Hồ Chí Minh	4187	30M-219.50	Hà Nội
988	30M-196.85	Hà Nội	2588	51N-042.34	Hồ Chí Minh	4188	30M-222.63	Hà Nội
989	30M-200.52	Hà Nội	2589	51N-046.82	Hồ Chí Minh	4189	30M-228.03	Hà Nội
990	30M-202.51	Hà Nội	2590	51N-048.10	Hồ Chí Minh	4190	30M-230.92	Hà Nội
991	30M-204.64	Hà Nội	2591	51N-048.51	Hồ Chí Minh	4191	30M-233.09	Hà Nội
992	30M-211.92	Hà Nội	2592	51N-051.80	Hồ Chí Minh	4192	30M-233.19	Hà Nội
993	30M-215.93	Hà Nội	2593	51N-054.92	Hồ Chí Minh	4193	30M-234.54	Hà Nội
994	30M-217.36	Hà Nội	2594	51N-056.24	Hồ Chí Minh	4194	30M-246.76	Hà Nội
995	30M-218.01	Hà Nội	2595	51N-062.02	Hồ Chí Minh	4195	30M-253.98	Hà Nội
996	30M-218.82	Hà Nội	2596	51N-064.05	Hồ Chí Minh	4196	30M-256.43	Hà Nội
997	30M-221.57	Hà Nội	2597	51N-069.32	Hồ Chí Minh	4197	30M-260.90	Hà Nội
998	30M-225.18	Hà Nội	2598	51N-070.63	Hồ Chí Minh	4198	30M-264.35	Hà Nội
999	30M-226.23	Hà Nội	2599	51N-074.65	Hồ Chí Minh	4199	30M-265.13	Hà Nội
1000	30M-228.72	Hà Nội	2600	51N-075.23	Hồ Chí Minh	4200	30M-266.80	Hà Nội
1001	30M-233.76	Hà Nội	2601	51N-076.31	Hồ Chí Minh	4201	30M-272.19	Hà Nội
1002	30M-234.40	Hà Nội	2602	51N-085.18	Hồ Chí Minh	4202	30M-281.67	Hà Nội
1003	30M-252.48	Hà Nội	2603	51N-089.05	Hồ Chí Minh	4203	30M-283.52	Hà Nội
1004	30M-258.41	Hà Nội	2604	51N-092.21	Hồ Chí Minh	4204	30M-290.05	Hà Nội
1005	30M-265.84	Hà Nội	2605	51N-093.10	Hồ Chí Minh	4205	30M-291.12	Hà Nội
1006	30M-267.07	Hà Nội	2606	51N-093.41	Hồ Chí Minh	4206	30M-295.57	Hà Nội
1007	30M-273.14	Hà Nội	2607	51N-093.82	Hồ Chí Minh	4207	30M-298.05	Hà Nội
1008	30M-281.42	Hà Nội	2608	51N-099.32	Hồ Chí Minh	4208	30M-299.24	Hà Nội
1009	30M-282.74	Hà Nội	2609	51N-102.34	Hồ Chí Minh	4209	30M-306.92	Hà Nội
1010	30M-283.47	Hà Nội	2610	51N-103.12	Hồ Chí Minh	4210	30M-311.27	Hà Nội
1011	30M-283.93	Hà Nội	2611	51N-104.70	Hồ Chí Minh	4211	30M-314.65	Hà Nội
1012	30M-289.62	Hà Nội	2612	51N-109.97	Hồ Chí Minh	4212	30M-328.67	Hà Nội
1013	30M-295.49	Hà Nội	2613	51N-111.84	Hồ Chí Minh	4213	30M-334.40	Hà Nội
1014	30M-295.60	Hà Nội	2614	51N-116.51	Hồ Chí Minh	4214	30M-334.83	Hà Nội
1015	30M-297.93	Hà Nội	2615	51N-118.07	Hồ Chí Minh	4215	30M-337.21	Hà Nội
1016	30M-299.62	Hà Nội	2616	51N-126.38	Hồ Chí Minh	4216	30M-344.84	Hà Nội
1017	30M-300.38	Hà Nội	2617	51N-126.75	Hồ Chí Minh	4217	30M-345.20	Hà Nội
1018	30M-308.56	Hà Nội	2618	51N-129.75	Hồ Chí Minh	4218	30M-351.84	Hà Nội
1019	30M-311.91	Hà Nội	2619	51N-143.21	Hồ Chí Minh	4219	30M-358.75	Hà Nội
1020	30M-315.81	Hà Nội	2620	51N-148.17	Hồ Chí Minh	4220	30M-359.27	Hà Nội
1021	30M-319.09	Hà Nội	2621	11A-135.93	Cao Bằng	4221	30M-361.80	Hà Nội
1022	30M-323.54	Hà Nội	2622	11A-136.98	Cao Bằng	4222	30M-362.75	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1023	30M-327.84	Hà Nội	2623	12B-016.07	Lạng Sơn	4223	30M-363.92	Hà Nội
1024	30M-328.07	Hà Nội	2624	12C-144.46	Lạng Sơn	4224	30M-367.83	Hà Nội
1025	30M-336.54	Hà Nội	2625	14A-990.73	Quảng Ninh	4225	30M-379.17	Hà Nội
1026	30M-342.50	Hà Nội	2626	14A-991.51	Quảng Ninh	4226	30M-379.32	Hà Nội
1027	30M-343.61	Hà Nội	2627	14A-991.57	Quảng Ninh	4227	30M-382.92	Hà Nội
1028	30M-346.45	Hà Nội	2628	14C-455.52	Quảng Ninh	4228	30M-385.08	Hà Nội
1029	30M-350.45	Hà Nội	2629	14C-460.85	Quảng Ninh	4229	30M-385.82	Hà Nội
1030	30M-352.07	Hà Nội	2630	14C-466.13	Quảng Ninh	4230	30M-389.49	Hà Nội
1031	30M-352.30	Hà Nội	2631	14C-467.45	Quảng Ninh	4231	30M-389.63	Hà Nội
1032	30M-366.84	Hà Nội	2632	14K-002.18	Quảng Ninh	4232	30M-391.54	Hà Nội
1033	30M-368.57	Hà Nội	2633	14K-005.43	Quảng Ninh	4233	30M-392.62	Hà Nội
1034	30M-369.32	Hà Nội	2634	14K-006.85	Quảng Ninh	4234	30M-395.21	Hà Nội
1035	30M-381.32	Hà Nội	2635	14K-007.75	Quảng Ninh	4235	30M-399.45	Hà Nội
1036	30M-382.84	Hà Nội	2636	14K-008.19	Quảng Ninh	4236	30M-399.61	Hà Nội
1037	30M-383.46	Hà Nội	2637	14K-018.75	Quảng Ninh	4237	30M-413.12	Hà Nội
1038	30M-392.94	Hà Nội	2638	14K-025.13	Quảng Ninh	4238	30M-413.84	Hà Nội
1039	30M-394.56	Hà Nội	2639	14K-025.50	Quảng Ninh	4239	30M-416.62	Hà Nội
1040	30M-397.04	Hà Nội	2640	14K-026.48	Quảng Ninh	4240	30M-418.42	Hà Nội
1041	30M-398.03	Hà Nội	2641	14K-038.01	Quảng Ninh	4241	30M-419.30	Hà Nội
1042	30M-398.61	Hà Nội	2642	14K-038.61	Quảng Ninh	4242	34A-931.07	Hải Dương
1043	30M-403.45	Hà Nội	2643	14K-045.06	Quảng Ninh	4243	34A-933.73	Hải Dương
1044	30M-404.24	Hà Nội	2644	14K-045.15	Quảng Ninh	4244	34A-951.37	Hải Dương
1045	30M-405.27	Hà Nội	2645	15C-490.34	Hải Phòng	4245	34A-956.27	Hải Dương
1046	30M-410.57	Hà Nội	2646	15C-496.58	Hải Phòng	4246	34A-958.48	Hải Dương
1047	30M-418.31	Hà Nội	2647	15C-497.48	Hải Phòng	4247	34A-958.81	Hải Dương
1048	34A-924.50	Hải Dương	2648	15C-497.73	Hải Phòng	4248	34A-959.62	Hải Dương
1049	34A-926.98	Hải Dương	2649	15D-056.10	Hải Phòng	4249	34A-959.82	Hải Dương
1050	34A-928.04	Hải Dương	2650	15K-425.37	Hải Phòng	4250	34A-964.01	Hải Dương
1051	34A-933.49	Hải Dương	2651	15K-430.54	Hải Phòng	4251	34A-969.51	Hải Dương
1052	34A-939.87	Hải Dương	2652	15K-435.72	Hải Phòng	4252	34A-970.02	Hải Dương
1053	34A-942.83	Hải Dương	2653	15K-442.23	Hải Phòng	4253	34A-970.72	Hải Dương
1054	34A-948.06	Hải Dương	2654	15K-452.41	Hải Phòng	4254	34C-450.32	Hải Dương
1055	34A-948.46	Hải Dương	2655	15K-455.74	Hải Phòng	4255	34D-039.51	Hải Dương
1056	34A-948.65	Hải Dương	2656	15K-460.32	Hải Phòng	4256	35A-478.43	Ninh Bình
1057	34A-949.32	Hải Dương	2657	15K-476.17	Hải Phòng	4257	35A-479.67	Ninh Bình
1058	34A-951.38	Hải Dương	2658	15K-477.49	Hải Phòng	4258	35A-481.01	Ninh Bình
1059	34A-953.50	Hải Dương	2659	15K-482.60	Hải Phòng	4259	35B-022.45	Ninh Bình
1060	34A-955.04	Hải Dương	2660	15K-510.84	Hải Phòng	4260	35B-025.28	Ninh Bình
1061	34A-956.67	Hải Dương	2661	15K-511.76	Hải Phòng	4261	35B-025.58	Ninh Bình
1062	34A-958.03	Hải Dương	2662	17A-495.47	Thái Bình	4262	35C-183.19	Ninh Bình
1063	34A-961.50	Hải Dương	2663	17A-497.08	Thái Bình	4263	36B-050.06	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1064	34A-966.60	Hải Dương	2664	17A-499.46	Thái Bình	4264	36C-572.41	Thanh Hóa
1065	34A-968.90	Hải Dương	2665	17A-502.34	Thái Bình	4265	36C-575.87	Thanh Hóa
1066	34A-973.85	Hải Dương	2666	17A-506.78	Thái Bình	4266	36K-234.08	Thanh Hóa
1067	34A-976.20	Hải Dương	2667	17A-508.02	Thái Bình	4267	36K-238.98	Thanh Hóa
1068	34B-046.84	Hải Dương	2668	17A-510.32	Thái Bình	4268	36K-239.78	Thanh Hóa
1069	34C-434.50	Hải Dương	2669	17A-512.35	Thái Bình	4269	36K-250.76	Thanh Hóa
1070	34C-448.74	Hải Dương	2670	17A-512.73	Thái Bình	4270	36K-267.37	Thanh Hóa
1071	35A-470.48	Ninh Bình	2671	17C-222.50	Thái Bình	4271	36K-268.93	Thanh Hóa
1072	35B-025.41	Ninh Bình	2672	17D-015.52	Thái Bình	4272	36K-271.80	Thanh Hóa
1073	35D-017.30	Ninh Bình	2673	17D-016.18	Thái Bình	4273	36K-277.12	Thanh Hóa
1074	35D-018.64	Ninh Bình	2674	18A-500.07	Nam Định	4274	36K-285.01	Thanh Hóa
1075	36B-050.71	Thanh Hóa	2675	18A-503.45	Nam Định	4275	36K-285.81	Thanh Hóa
1076	36B-050.90	Thanh Hóa	2676	18A-506.12	Nam Định	4276	36K-292.28	Thanh Hóa
1077	36C-556.13	Thanh Hóa	2677	18A-511.62	Nam Định	4277	36K-296.47	Thanh Hóa
1078	36K-232.76	Thanh Hóa	2678	18A-512.27	Nam Định	4278	36K-298.51	Thanh Hóa
1079	36K-234.75	Thanh Hóa	2679	18C-175.12	Nam Định	4279	36K-298.60	Thanh Hóa
1080	36K-241.20	Thanh Hóa	2680	19A-716.04	Phú Thọ	4280	36K-302.16	Thanh Hóa
1081	36K-248.04	Thanh Hóa	2681	19A-718.73	Phú Thọ	4281	36K-305.85	Thanh Hóa
1082	36K-264.40	Thanh Hóa	2682	19A-720.43	Phú Thọ	4282	36K-306.57	Thanh Hóa
1083	36K-268.59	Thanh Hóa	2683	19A-721.35	Phú Thọ	4283	37C-579.48	Nghệ An
1084	36K-280.01	Thanh Hóa	2684	19A-722.53	Phú Thọ	4284	37D-049.27	Nghệ An
1085	36K-283.07	Thanh Hóa	2685	19A-733.15	Phú Thọ	4285	37D-050.92	Nghệ An
1086	36K-296.48	Thanh Hóa	2686	19A-747.62	Phú Thọ	4286	37K-485.32	Nghệ An
1087	36K-299.81	Thanh Hóa	2687	19A-747.82	Phú Thọ	4287	37K-485.91	Nghệ An
1088	37C-575.24	Nghệ An	2688	19A-747.87	Phú Thọ	4288	37K-488.64	Nghệ An
1089	37C-575.93	Nghệ An	2689	19A-749.46	Phú Thọ	4289	37K-489.03	Nghệ An
1090	37C-576.87	Nghệ An	2690	19A-753.94	Phú Thọ	4290	37K-492.43	Nghệ An
1091	37C-579.42	Nghệ An	2691	19B-029.62	Phú Thọ	4291	37K-494.58	Nghệ An
1092	37C-583.30	Nghệ An	2692	19C-264.67	Phú Thọ	4292	37K-499.63	Nghệ An
1093	37K-483.21	Nghệ An	2693	19C-266.60	Phú Thọ	4293	37K-505.07	Nghệ An
1094	37K-487.45	Nghệ An	2694	19C-269.78	Phú Thọ	4294	37K-517.43	Nghệ An
1095	37K-489.76	Nghệ An	2695	19C-276.28	Phú Thọ	4295	37K-517.45	Nghệ An
1096	37K-492.73	Nghệ An	2696	19C-276.57	Phú Thọ	4296	37K-520.82	Nghệ An
1097	37K-507.20	Nghệ An	2697	20A-861.70	Thái Nguyên	4297	37K-535.58	Nghệ An
1098	37K-513.05	Nghệ An	2698	20A-862.34	Thái Nguyên	4298	37K-537.92	Nghệ An
1099	37K-524.74	Nghệ An	2699	20A-862.91	Thái Nguyên	4299	37K-563.01	Nghệ An
1100	37K-525.19	Nghệ An	2700	20A-863.10	Thái Nguyên	4300	37K-563.14	Nghệ An
1101	37K-527.98	Nghệ An	2701	20A-869.20	Thái Nguyên	4301	37K-567.49	Nghệ An
1102	37K-538.37	Nghệ An	2702	20A-878.40	Thái Nguyên	4302	38A-685.78	Hà Tĩnh
1103	37K-553.95	Nghệ An	2703	20A-883.01	Thái Nguyên	4303	38A-689.10	Hà Tĩnh
1104	37K-556.18	Nghệ An	2704	20A-885.20	Thái Nguyên	4304	38A-690.57	Hà Tĩnh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1105	37K-561.04	Nghệ An	2705	20A-885.42	Thái Nguyên	4305	38A-698.48	Hà Tĩnh
1106	37K-562.81	Nghệ An	2706	20A-885.62	Thái Nguyên	4306	38A-701.59	Hà Tĩnh
1107	37K-566.20	Nghệ An	2707	20A-889.61	Thái Nguyên	4307	38A-702.49	Hà Tĩnh
1108	37K-569.60	Nghệ An	2708	20A-891.32	Thái Nguyên	4308	38A-711.01	Hà Tĩnh
1109	37K-571.52	Nghệ An	2709	20A-900.37	Thái Nguyên	4309	38A-711.73	Hà Tĩnh
1110	38A-679.94	Hà Tĩnh	2710	20A-905.52	Thái Nguyên	4310	38B-023.54	Hà Tĩnh
1111	38A-682.26	Hà Tĩnh	2711	20B-036.85	Thái Nguyên	4311	38C-244.49	Hà Tĩnh
1112	38A-683.34	Hà Tĩnh	2712	20C-314.16	Thái Nguyên	4312	38C-250.31	Hà Tĩnh
1113	38A-691.42	Hà Tĩnh	2713	20C-314.21	Thái Nguyên	4313	38C-252.51	Hà Tĩnh
1114	38A-691.60	Hà Tĩnh	2714	21A-226.91	Yên Bái	4314	38C-252.95	Hà Tĩnh
1115	38A-693.95	Hà Tĩnh	2715	21A-229.60	Yên Bái	4315	43A-963.02	Đà Nẵng
1116	38A-697.42	Hà Tĩnh	2716	21A-231.58	Yên Bái	4316	43A-966.72	Đà Nẵng
1117	38C-245.96	Hà Tĩnh	2717	21A-232.25	Yên Bái	4317	43A-969.40	Đà Nẵng
1118	38C-250.71	Hà Tĩnh	2718	22A-274.14	Tuyên Quang	4318	43A-970.48	Đà Nẵng
1119	43A-948.01	Đà Nẵng	2719	23A-165.71	Hà Giang	4319	43A-975.54	Đà Nẵng
1120	43A-950.03	Đà Nẵng	2720	23A-166.76	Hà Giang	4320	43A-976.06	Đà Nẵng
1121	43A-953.47	Đà Nẵng	2721	23A-168.64	Hà Giang	4321	43D-015.84	Đà Nẵng
1122	43A-956.46	Đà Nẵng	2722	23C-090.75	Hà Giang	4322	47A-813.75	Đắk Lắk
1123	43A-970.12	Đà Nẵng	2723	23D-008.72	Hà Giang	4323	47A-815.63	Đắk Lắk
1124	43A-972.54	Đà Nẵng	2724	24A-322.72	Lào Cai	4324	47A-816.03	Đắk Lắk
1125	43A-976.32	Đà Nẵng	2725	24A-325.76	Lào Cai	4325	47A-816.93	Đắk Lắk
1126	43C-320.49	Đà Nẵng	2726	25C-061.23	Lai Châu	4326	47A-822.61	Đắk Lắk
1127	47A-816.94	Đắk Lắk	2727	25C-062.02	Lai Châu	4327	47A-824.15	Đắk Lắk
1128	47A-818.73	Đắk Lắk	2728	25D-010.38	Lai Châu	4328	47A-824.36	Đắk Lắk
1129	47A-826.43	Đắk Lắk	2729	26A-244.71	Sơn La	4329	47A-826.64	Đắk Lắk
1130	47A-832.21	Đắk Lắk	2730	26C-166.24	Sơn La	4330	47A-828.34	Đắk Lắk
1131	47A-839.06	Đắk Lắk	2731	27A-130.18	Điện Biên	4331	47A-828.61	Đắk Lắk
1132	47A-839.81	Đắk Lắk	2732	27B-016.15	Điện Biên	4332	47A-830.65	Đắk Lắk
1133	47A-840.53	Đắk Lắk	2733	28A-260.57	Hòa Bình	4333	47A-834.78	Đắk Lắk
1134	47A-842.23	Đắk Lắk	2734	28A-261.14	Hòa Bình	4334	47A-838.07	Đắk Lắk
1135	47A-842.93	Đắk Lắk	2735	28A-263.91	Hòa Bình	4335	47A-838.93	Đắk Lắk
1136	47A-849.43	Đắk Lắk	2736	28A-266.01	Hòa Bình	4336	47A-846.60	Đắk Lắk
1137	47A-851.62	Đắk Lắk	2737	28A-266.05	Hòa Bình	4337	47A-847.91	Đắk Lắk
1138	47A-852.30	Đắk Lắk	2738	28A-266.21	Hòa Bình	4338	47A-852.34	Đắk Lắk
1139	47A-852.31	Đắk Lắk	2739	28C-122.20	Hòa Bình	4339	47A-854.10	Đắk Lắk
1140	47A-853.45	Đắk Lắk	2740	29B-660.17	Hà Nội	4340	47A-856.26	Đắk Lắk
1141	47A-853.80	Đắk Lắk	2741	29B-661.40	Hà Nội	4341	47A-856.92	Đắk Lắk
1142	47A-854.97	Đắk Lắk	2742	29D-629.48	Hà Nội	4342	47A-858.52	Đắk Lắk
1143	47A-855.45	Đắk Lắk	2743	29D-635.23	Hà Nội	4343	47A-858.93	Đắk Lắk
1144	47A-860.58	Đắk Lắk	2744	29K-336.42	Hà Nội	4344	47C-405.09	Đắk Lắk
1145	47B-044.64	Đắk Lắk	2745	29K-336.52	Hà Nội	4345	47C-417.82	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1146	47C-397.75	Đắk Lắk	2746	29K-356.97	Hà Nội	4346	47D-020.62	Đắk Lắk
1147	47C-399.27	Đắk Lắk	2747	29K-363.90	Hà Nội	4347	48A-251.76	Đắk Nông
1148	47C-401.57	Đắk Lắk	2748	29K-370.04	Hà Nội	4348	48A-253.31	Đắk Nông
1149	47C-412.18	Đắk Lắk	2749	29K-374.29	Hà Nội	4349	48A-258.90	Đắk Nông
1150	47C-413.16	Đắk Lắk	2750	29K-380.12	Hà Nội	4350	48B-013.45	Đắk Nông
1151	47C-422.73	Đắk Lắk	2751	29K-382.02	Hà Nội	4351	48B-013.78	Đắk Nông
1152	47D-021.90	Đắk Lắk	2752	29K-382.16	Hà Nội	4352	48C-117.35	Đắk Nông
1153	48A-251.12	Đắk Nông	2753	29K-384.18	Hà Nội	4353	49A-749.82	Lâm Đồng
1154	48A-252.90	Đắk Nông	2754	29K-386.97	Hà Nội	4354	49A-754.46	Lâm Đồng
1155	49A-746.36	Lâm Đồng	2755	29K-388.25	Hà Nội	4355	49A-755.67	Lâm Đồng
1156	49A-751.87	Lâm Đồng	2756	29K-398.09	Hà Nội	4356	49A-758.14	Lâm Đồng
1157	49A-753.76	Lâm Đồng	2757	29K-399.73	Hà Nội	4357	49A-758.64	Lâm Đồng
1158	49A-756.94	Lâm Đồng	2758	29K-402.16	Hà Nội	4358	49A-759.56	Lâm Đồng
1159	49A-761.63	Lâm Đồng	2759	29K-407.17	Hà Nội	4359	49A-761.07	Lâm Đồng
1160	49A-778.15	Lâm Đồng	2760	29K-412.54	Hà Nội	4360	49A-762.40	Lâm Đồng
1161	49A-778.38	Lâm Đồng	2761	29K-419.32	Hà Nội	4361	49A-771.96	Lâm Đồng
1162	49C-388.82	Lâm Đồng	2762	29K-424.51	Hà Nội	4362	49A-780.98	Lâm Đồng
1163	49C-392.98	Lâm Đồng	2763	29K-432.31	Hà Nội	4363	49C-387.48	Lâm Đồng
1164	49C-393.71	Lâm Đồng	2764	29K-446.03	Hà Nội	4364	49C-391.10	Lâm Đồng
1165	49D-018.14	Lâm Đồng	2765	29K-451.04	Hà Nội	4365	49C-394.56	Lâm Đồng
1166	51B-716.06	Hồ Chí Minh	2766	29K-456.60	Hà Nội	4366	51B-712.82	Hồ Chí Minh
1167	51L-902.32	Hồ Chí Minh	2767	29K-458.43	Hà Nội	4367	51B-713.72	Hồ Chí Minh
1168	51L-903.70	Hồ Chí Minh	2768	29K-458.72	Hà Nội	4368	51E-347.49	Hồ Chí Minh
1169	51L-912.74	Hồ Chí Minh	2769	29K-468.05	Hà Nội	4369	51L-898.04	Hồ Chí Minh
1170	51L-915.13	Hồ Chí Minh	2770	29K-472.75	Hà Nội	4370	51L-899.51	Hồ Chí Minh
1171	51L-916.51	Hồ Chí Minh	2771	34A-921.05	Hải Dương	4371	51L-905.24	Hồ Chí Minh
1172	51L-921.87	Hồ Chí Minh	2772	34A-921.06	Hải Dương	4372	51L-906.43	Hồ Chí Minh
1173	51L-923.30	Hồ Chí Minh	2773	34A-921.67	Hải Dương	4373	51L-916.60	Hồ Chí Minh
1174	51L-925.50	Hồ Chí Minh	2774	34A-921.87	Hải Dương	4374	51L-918.70	Hồ Chí Minh
1175	51L-925.60	Hồ Chí Minh	2775	34A-928.10	Hải Dương	4375	51L-922.70	Hồ Chí Minh
1176	51L-926.04	Hồ Chí Minh	2776	34A-928.54	Hải Dương	4376	51L-930.51	Hồ Chí Minh
1177	51L-926.72	Hồ Chí Minh	2777	34A-929.78	Hải Dương	4377	51L-932.61	Hồ Chí Minh
1178	51L-930.98	Hồ Chí Minh	2778	34A-930.91	Hải Dương	4378	51L-933.67	Hồ Chí Minh
1179	51L-931.70	Hồ Chí Minh	2779	34A-931.38	Hải Dương	4379	51L-946.03	Hồ Chí Minh
1180	51L-932.73	Hồ Chí Minh	2780	34A-933.21	Hải Dương	4380	51L-961.31	Hồ Chí Minh
1181	51L-935.02	Hồ Chí Minh	2781	34A-935.19	Hải Dương	4381	51L-963.50	Hồ Chí Minh
1182	51L-938.52	Hồ Chí Minh	2782	34A-935.92	Hải Dương	4382	51L-966.64	Hồ Chí Minh
1183	51L-948.31	Hồ Chí Minh	2783	34A-936.42	Hải Dương	4383	51L-968.73	Hồ Chí Minh
1184	51L-952.10	Hồ Chí Minh	2784	34A-941.61	Hải Dương	4384	51L-969.73	Hồ Chí Minh
1185	51L-953.43	Hồ Chí Minh	2785	34A-942.18	Hải Dương	4385	51L-973.19	Hồ Chí Minh
1186	51L-953.48	Hồ Chí Minh	2786	34A-943.45	Hải Dương	4386	51L-975.21	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1187	51L-959.23	Hồ Chí Minh	2787	34A-945.62	Hải Dương	4387	51L-978.95	Hồ Chí Minh
1188	51L-961.10	Hồ Chí Minh	2788	34A-948.31	Hải Dương	4388	51L-979.63	Hồ Chí Minh
1189	51L-961.56	Hồ Chí Minh	2789	34A-948.64	Hải Dương	4389	51L-985.70	Hồ Chí Minh
1190	51L-966.50	Hồ Chí Minh	2790	34A-953.61	Hải Dương	4390	51L-985.93	Hồ Chí Minh
1191	51L-975.38	Hồ Chí Minh	2791	34A-954.01	Hải Dương	4391	51L-987.56	Hồ Chí Minh
1192	51L-979.67	Hồ Chí Minh	2792	34A-956.05	Hải Dương	4392	51L-987.96	Hồ Chí Minh
1193	51L-985.10	Hồ Chí Minh	2793	34A-961.10	Hải Dương	4393	51L-988.75	Hồ Chí Minh
1194	51L-993.40	Hồ Chí Minh	2794	34A-963.21	Hải Dương	4394	51L-989.76	Hồ Chí Minh
1195	51M-051.85	Hồ Chí Minh	2795	34A-965.03	Hải Dương	4395	51L-990.12	Hồ Chí Minh
1196	51M-053.32	Hồ Chí Minh	2796	34A-969.75	Hải Dương	4396	51L-991.10	Hồ Chí Minh
1197	51M-055.13	Hồ Chí Minh	2797	34A-970.16	Hải Dương	4397	51L-991.12	Hồ Chí Minh
1198	51M-061.07	Hồ Chí Minh	2798	34A-972.45	Hải Dương	4398	51L-993.57	Hồ Chí Minh
1199	51M-061.90	Hồ Chí Minh	2799	34B-044.30	Hải Dương	4399	51L-998.03	Hồ Chí Minh
1200	51M-061.94	Hồ Chí Minh	2800	34C-438.24	Hải Dương	4400	51M-052.75	Hồ Chí Minh
1201	51M-062.91	Hồ Chí Minh	2801	34C-438.56	Hải Dương	4401	51M-052.85	Hồ Chí Minh
1202	51M-063.87	Hồ Chí Minh	2802	34C-446.78	Hải Dương	4402	51M-057.90	Hồ Chí Minh
1203	51M-066.31	Hồ Chí Minh	2803	35A-464.56	Ninh Bình	4403	51M-062.38	Hồ Chí Minh
1204	51M-067.02	Hồ Chí Minh	2804	35A-467.52	Ninh Bình	4404	51M-063.56	Hồ Chí Minh
1205	51M-071.63	Hồ Chí Minh	2805	35A-468.18	Ninh Bình	4405	51M-065.30	Hồ Chí Minh
1206	51M-077.81	Hồ Chí Minh	2806	35D-017.05	Ninh Bình	4406	51M-070.36	Hồ Chí Minh
1207	51M-081.10	Hồ Chí Minh	2807	35D-018.97	Ninh Bình	4407	51M-075.54	Hồ Chí Minh
1208	51M-083.75	Hồ Chí Minh	2808	36C-561.23	Thanh Hóa	4408	51M-077.38	Hồ Chí Minh
1209	51M-088.72	Hồ Chí Minh	2809	36C-563.02	Thanh Hóa	4409	51M-077.63	Hồ Chí Minh
1210	51M-091.35	Hồ Chí Minh	2810	36C-564.18	Thanh Hóa	4410	51M-095.02	Hồ Chí Minh
1211	51M-100.81	Hồ Chí Minh	2811	36C-569.57	Thanh Hóa	4411	51M-105.74	Hồ Chí Minh
1212	51M-100.97	Hồ Chí Minh	2812	36C-569.82	Thanh Hóa	4412	51M-108.34	Hồ Chí Minh
1213	51M-110.03	Hồ Chí Minh	2813	36K-232.62	Thanh Hóa	4413	51M-112.78	Hồ Chí Minh
1214	51M-112.03	Hồ Chí Minh	2814	36K-233.87	Thanh Hóa	4414	51M-131.63	Hồ Chí Minh
1215	51M-129.07	Hồ Chí Minh	2815	36K-254.50	Thanh Hóa	4415	51M-136.92	Hồ Chí Minh
1216	51M-131.42	Hồ Chí Minh	2816	36K-255.75	Thanh Hóa	4416	51M-137.58	Hồ Chí Minh
1217	51M-136.19	Hồ Chí Minh	2817	36K-265.52	Thanh Hóa	4417	51M-141.01	Hồ Chí Minh
1218	51M-136.83	Hồ Chí Minh	2818	36K-266.57	Thanh Hóa	4418	51M-148.78	Hồ Chí Minh
1219	51M-142.54	Hồ Chí Minh	2819	36K-266.63	Thanh Hóa	4419	51M-152.17	Hồ Chí Minh
1220	51M-144.46	Hồ Chí Minh	2820	36K-266.97	Thanh Hóa	4420	51M-154.42	Hồ Chí Minh
1221	51M-146.35	Hồ Chí Minh	2821	36K-267.08	Thanh Hóa	4421	51M-160.76	Hồ Chí Minh
1222	51M-150.93	Hồ Chí Minh	2822	36K-272.54	Thanh Hóa	4422	51M-165.50	Hồ Chí Minh
1223	51M-153.75	Hồ Chí Minh	2823	36K-278.48	Thanh Hóa	4423	51M-180.04	Hồ Chí Minh
1224	51M-154.49	Hồ Chí Minh	2824	36K-280.90	Thanh Hóa	4424	51M-180.23	Hồ Chí Minh
1225	51M-161.10	Hồ Chí Minh	2825	36K-282.81	Thanh Hóa	4425	51M-186.76	Hồ Chí Minh
1226	51M-167.26	Hồ Chí Minh	2826	36K-283.56	Thanh Hóa	4426	51M-188.09	Hồ Chí Minh
1227	51M-171.32	Hồ Chí Minh	2827	36K-295.08	Thanh Hóa	4427	51M-192.61	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1228	51M-188.54	Hồ Chí Minh	2828	36K-303.65	Thanh Hóa	4428	51M-205.81	Hồ Chí Minh
1229	51M-196.31	Hồ Chí Minh	2829	37B-049.75	Nghệ An	4429	51M-210.05	Hồ Chí Minh
1230	51M-197.25	Hồ Chí Minh	2830	37C-568.98	Nghệ An	4430	51M-215.52	Hồ Chí Minh
1231	51M-202.63	Hồ Chí Minh	2831	37C-571.56	Nghệ An	4431	51M-218.56	Hồ Chí Minh
1232	51M-206.73	Hồ Chí Minh	2832	37C-572.85	Nghệ An	4432	51M-223.61	Hồ Chí Minh
1233	51M-219.48	Hồ Chí Minh	2833	37C-575.52	Nghệ An	4433	51M-226.16	Hồ Chí Minh
1234	51M-229.61	Hồ Chí Minh	2834	37C-577.84	Nghệ An	4434	51M-227.18	Hồ Chí Minh
1235	51M-230.08	Hồ Chí Minh	2835	37C-577.94	Nghệ An	4435	51M-234.12	Hồ Chí Minh
1236	51M-238.61	Hồ Chí Minh	2836	37C-591.60	Nghệ An	4436	51M-240.06	Hồ Chí Minh
1237	51M-239.91	Hồ Chí Minh	2837	37D-048.98	Nghệ An	4437	51M-247.98	Hồ Chí Minh
1238	51M-244.20	Hồ Chí Minh	2838	37K-483.42	Nghệ An	4438	51M-249.25	Hồ Chí Minh
1239	51M-250.82	Hồ Chí Minh	2839	37K-483.82	Nghệ An	4439	51M-251.94	Hồ Chí Minh
1240	51M-251.53	Hồ Chí Minh	2840	37K-493.76	Nghệ An	4440	51M-253.08	Hồ Chí Minh
1241	51M-252.90	Hồ Chí Minh	2841	37K-498.72	Nghệ An	4441	51M-262.51	Hồ Chí Minh
1242	51M-260.43	Hồ Chí Minh	2842	37K-502.28	Nghệ An	4442	51M-262.54	Hồ Chí Minh
1243	51M-262.50	Hồ Chí Minh	2843	37K-503.26	Nghệ An	4443	51M-269.31	Hồ Chí Minh
1244	51M-263.08	Hồ Chí Minh	2844	37K-511.37	Nghệ An	4444	51M-271.67	Hồ Chí Minh
1245	51M-264.09	Hồ Chí Minh	2845	37K-517.08	Nghệ An	4445	51M-275.56	Hồ Chí Minh
1246	51M-264.61	Hồ Chí Minh	2846	37K-520.09	Nghệ An	4446	51M-282.24	Hồ Chí Minh
1247	51M-265.90	Hồ Chí Minh	2847	37K-522.82	Nghệ An	4447	51M-289.80	Hồ Chí Minh
1248	51M-268.03	Hồ Chí Minh	2848	37K-525.70	Nghệ An	4448	51M-296.78	Hồ Chí Minh
1249	51M-268.59	Hồ Chí Minh	2849	37K-537.47	Nghệ An	4449	51M-303.80	Hồ Chí Minh
1250	51M-271.12	Hồ Chí Minh	2850	37K-544.91	Nghệ An	4450	51M-305.95	Hồ Chí Minh
1251	51M-275.35	Hồ Chí Minh	2851	37K-545.41	Nghệ An	4451	51M-309.16	Hồ Chí Minh
1252	51M-276.83	Hồ Chí Minh	2852	37K-546.29	Nghệ An	4452	51N-001.17	Hồ Chí Minh
1253	51M-279.63	Hồ Chí Minh	2853	37K-553.51	Nghệ An	4453	51N-002.90	Hồ Chí Minh
1254	51M-287.51	Hồ Chí Minh	2854	37K-556.45	Nghệ An	4454	51N-009.70	Hồ Chí Minh
1255	51M-288.21	Hồ Chí Minh	2855	37K-558.37	Nghệ An	4455	51N-030.09	Hồ Chí Minh
1256	51M-291.60	Hồ Chí Minh	2856	37K-559.21	Nghệ An	4456	51N-036.28	Hồ Chí Minh
1257	51M-292.27	Hồ Chí Minh	2857	37K-559.67	Nghệ An	4457	51N-054.65	Hồ Chí Minh
1258	51M-292.87	Hồ Chí Minh	2858	37K-561.92	Nghệ An	4458	51N-058.97	Hồ Chí Minh
1259	51M-293.36	Hồ Chí Minh	2859	37K-568.96	Nghệ An	4459	51N-067.94	Hồ Chí Minh
1260	51M-293.52	Hồ Chí Minh	2860	38A-680.53	Hà Tĩnh	4460	51N-071.80	Hồ Chí Minh
1261	51M-293.54	Hồ Chí Minh	2861	38A-689.78	Hà Tĩnh	4461	51N-078.16	Hồ Chí Minh
1262	51M-294.46	Hồ Chí Minh	2862	38A-694.12	Hà Tĩnh	4462	51N-080.43	Hồ Chí Minh
1263	51N-003.76	Hồ Chí Minh	2863	38A-696.31	Hà Tĩnh	4463	51N-081.67	Hồ Chí Minh
1264	51N-007.36	Hồ Chí Minh	2864	38A-706.20	Hà Tĩnh	4464	51N-089.73	Hồ Chí Minh
1265	51N-009.73	Hồ Chí Minh	2865	38C-243.59	Hà Tĩnh	4465	51N-090.38	Hồ Chí Minh
1266	51N-013.02	Hồ Chí Minh	2866	38C-254.08	Hà Tĩnh	4466	51N-090.73	Hồ Chí Minh
1267	51N-023.36	Hồ Chí Minh	2867	38D-022.09	Hà Tĩnh	4467	51N-091.21	Hồ Chí Minh
1268	51N-026.06	Hồ Chí Minh	2868	43A-944.90	Đà Nẵng	4468	51N-091.72	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1269	51N-029.13	Hồ Chí Minh	2869	43A-949.82	Đà Nẵng	4469	51N-096.32	Hồ Chí Minh
1270	51N-031.26	Hồ Chí Minh	2870	43A-952.16	Đà Nẵng	4470	51N-098.20	Hồ Chí Minh
1271	51N-033.07	Hồ Chí Minh	2871	43A-953.20	Đà Nẵng	4471	51N-099.31	Hồ Chí Minh
1272	51N-037.17	Hồ Chí Minh	2872	43A-956.50	Đà Nẵng	4472	51N-099.41	Hồ Chí Minh
1273	51N-038.07	Hồ Chí Minh	2873	43A-958.91	Đà Nẵng	4473	51N-112.32	Hồ Chí Minh
1274	51N-039.58	Hồ Chí Minh	2874	43A-964.92	Đà Nẵng	4474	51N-113.07	Hồ Chí Minh
1275	51N-042.93	Hồ Chí Minh	2875	43A-965.13	Đà Nẵng	4475	51N-123.72	Hồ Chí Minh
1276	51N-042.97	Hồ Chí Minh	2876	43A-969.01	Đà Nẵng	4476	51N-125.64	Hồ Chí Minh
1277	51N-046.02	Hồ Chí Minh	2877	43A-972.43	Đà Nẵng	4477	51N-129.23	Hồ Chí Minh
1278	51N-047.70	Hồ Chí Minh	2878	47A-816.84	Đắk Lắk	4478	51N-132.74	Hồ Chí Minh
1279	51N-049.45	Hồ Chí Minh	2879	47A-820.92	Đắk Lắk	4479	51N-140.16	Hồ Chí Minh
1280	51N-051.21	Hồ Chí Minh	2880	47A-824.53	Đắk Lắk	4480	51N-152.12	Hồ Chí Minh
1281	51N-055.21	Hồ Chí Minh	2881	47A-825.67	Đắk Lắk	4481	51N-153.78	Hồ Chí Minh
1282	51N-062.75	Hồ Chí Minh	2882	47A-831.34	Đắk Lắk	4482	51N-155.97	Hồ Chí Minh
1283	51N-066.19	Hồ Chí Minh	2883	47A-833.07	Đắk Lắk	4483	60B-078.06	Đồng Nai
1284	51N-067.17	Hồ Chí Minh	2884	47A-836.45	Đắk Lắk	4484	60C-764.63	Đồng Nai
1285	51N-068.41	Hồ Chí Minh	2885	47A-837.74	Đắk Lắk	4485	60C-771.91	Đồng Nai
1286	51N-078.01	Hồ Chí Minh	2886	47A-839.21	Đắk Lắk	4486	60C-772.62	Đồng Nai
1287	51N-083.13	Hồ Chí Minh	2887	47A-841.96	Đắk Lắk	4487	60C-781.41	Đồng Nai
1288	51N-086.90	Hồ Chí Minh	2888	47A-842.04	Đắk Lắk	4488	60C-789.30	Đồng Nai
1289	51N-089.20	Hồ Chí Minh	2889	47A-846.31	Đắk Lắk	4489	60C-791.52	Đồng Nai
1290	51N-092.73	Hồ Chí Minh	2890	47A-850.40	Đắk Lắk	4490	60K-625.75	Đồng Nai
1291	51N-095.92	Hồ Chí Minh	2891	47C-398.97	Đắk Lắk	4491	60K-627.75	Đồng Nai
1292	51N-098.80	Hồ Chí Minh	2892	47C-402.35	Đắk Lắk	4492	60K-627.93	Đồng Nai
1293	51N-101.31	Hồ Chí Minh	2893	47C-403.94	Đắk Lắk	4493	60K-628.34	Đồng Nai
1294	51N-115.60	Hồ Chí Minh	2894	47C-416.32	Đắk Lắk	4494	60K-634.08	Đồng Nai
1295	51N-115.90	Hồ Chí Minh	2895	47D-025.54	Đắk Lắk	4495	60K-638.48	Đồng Nai
1296	51N-116.43	Hồ Chí Minh	2896	48A-253.26	Đắk Nông	4496	60K-639.47	Đồng Nai
1297	51N-127.64	Hồ Chí Minh	2897	48A-255.20	Đắk Nông	4497	60K-639.48	Đồng Nai
1298	51N-133.25	Hồ Chí Minh	2898	48A-256.84	Đắk Nông	4498	60K-640.93	Đồng Nai
1299	51N-154.42	Hồ Chí Minh	2899	48A-259.76	Đắk Nông	4499	60K-641.34	Đồng Nai
1300	60B-080.75	Đồng Nai	2900	48A-259.82	Đắk Nông	4500	60K-642.60	Đồng Nai
1301	60C-758.93	Đồng Nai	2901	48A-259.84	Đắk Nông	4501	60K-646.19	Đồng Nai
1302	60C-762.70	Đồng Nai	2902	48A-260.02	Đắk Nông	4502	60K-658.40	Đồng Nai
1303	60C-765.13	Đồng Nai	2903	48B-013.73	Đắk Nông	4503	60K-661.84	Đồng Nai
1304	60C-766.35	Đồng Nai	2904	48B-014.95	Đắk Nông	4504	60K-666.32	Đồng Nai
1305	60C-769.48	Đồng Nai	2905	48C-116.70	Đắk Nông	4505	60K-673.21	Đồng Nai
1306	60C-782.32	Đồng Nai	2906	48C-122.62	Đắk Nông	4506	60K-681.31	Đồng Nai
1307	60C-788.52	Đồng Nai	2907	48C-123.01	Đắk Nông	4507	60K-681.95	Đồng Nai
1308	60D-025.97	Đồng Nai	2908	49A-747.06	Lâm Đồng	4508	60K-691.90	Đồng Nai
1309	60K-619.57	Đồng Nai	2909	49A-751.18	Lâm Đồng	4509	60K-691.93	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1310	60K-621.60	Đồng Nai	2910	49A-754.65	Lâm Đồng	4510	60K-692.20	Đồng Nai
1311	60K-622.71	Đồng Nai	2911	49A-757.84	Lâm Đồng	4511	60K-692.87	Đồng Nai
1312	60K-637.19	Đồng Nai	2912	49A-761.32	Lâm Đồng	4512	60K-696.31	Đồng Nai
1313	60K-638.37	Đồng Nai	2913	49A-778.56	Lâm Đồng	4513	61B-047.23	Bình Dương
1314	60K-643.09	Đồng Nai	2914	49C-390.16	Lâm Đồng	4514	61C-622.93	Bình Dương
1315	60K-658.93	Đồng Nai	2915	49C-390.50	Lâm Đồng	4515	61C-623.12	Bình Dương
1316	60K-665.30	Đồng Nai	2916	49C-392.91	Lâm Đồng	4516	61C-629.50	Bình Dương
1317	60K-672.92	Đồng Nai	2917	49C-393.82	Lâm Đồng	4517	61C-631.12	Bình Dương
1318	60K-673.05	Đồng Nai	2918	51B-713.50	Hồ Chí Minh	4518	61C-632.03	Bình Dương
1319	60K-679.27	Đồng Nai	2919	51E-349.41	Hồ Chí Minh	4519	61C-632.82	Bình Dương
1320	60K-680.59	Đồng Nai	2920	60C-768.30	Đồng Nai	4520	61C-633.42	Bình Dương
1321	60K-683.48	Đồng Nai	2921	60C-768.47	Đồng Nai	4521	61C-636.95	Bình Dương
1322	60K-684.04	Đồng Nai	2922	60C-769.34	Đồng Nai	4522	61C-638.13	Bình Dương
1323	60K-691.59	Đồng Nai	2923	60C-776.09	Đồng Nai	4523	61C-638.76	Bình Dương
1324	60K-692.12	Đồng Nai	2924	60C-786.98	Đồng Nai	4524	61C-639.31	Bình Dương
1325	60K-695.87	Đồng Nai	2925	60C-789.42	Đồng Nai	4525	61C-640.73	Bình Dương
1326	60K-696.07	Đồng Nai	2926	60D-025.51	Đồng Nai	4526	61K-521.84	Bình Dương
1327	60K-696.57	Đồng Nai	2927	60K-621.05	Đồng Nai	4527	61K-526.75	Bình Dương
1328	60K-698.54	Đồng Nai	2928	60K-635.05	Đồng Nai	4528	61K-532.92	Bình Dương
1329	60K-699.37	Đồng Nai	2929	60K-638.97	Đồng Nai	4529	61K-538.91	Bình Dương
1330	60K-699.40	Đồng Nai	2930	60K-639.57	Đồng Nai	4530	61K-545.82	Bình Dương
1331	61C-612.60	Bình Dương	2931	60K-643.52	Đồng Nai	4531	61K-546.27	Bình Dương
1332	61C-619.65	Bình Dương	2932	60K-645.75	Đồng Nai	4532	61K-555.91	Bình Dương
1333	61C-631.92	Bình Dương	2933	60K-648.87	Đồng Nai	4533	61K-558.02	Bình Dương
1334	61C-635.84	Bình Dương	2934	60K-651.20	Đồng Nai	4534	61K-560.92	Bình Dương
1335	61K-521.10	Bình Dương	2935	60K-652.02	Đồng Nai	4535	61K-561.01	Bình Dương
1336	61K-523.14	Bình Dương	2936	60K-654.60	Đồng Nai	4536	61K-563.53	Bình Dương
1337	61K-561.73	Bình Dương	2937	60K-656.94	Đồng Nai	4537	61K-565.93	Bình Dương
1338	61K-565.37	Bình Dương	2938	60K-661.49	Đồng Nai	4538	61K-576.06	Bình Dương
1339	61K-568.27	Bình Dương	2939	60K-663.59	Đồng Nai	4539	61K-576.18	Bình Dương
1340	61K-569.13	Bình Dương	2940	60K-664.40	Đồng Nai	4540	61K-581.01	Bình Dương
1341	61K-569.32	Bình Dương	2941	60K-668.76	Đồng Nai	4541	61K-581.76	Bình Dương
1342	61K-588.38	Bình Dương	2942	60K-676.78	Đồng Nai	4542	61K-582.54	Bình Dương
1343	61K-589.92	Bình Dương	2943	60K-680.18	Đồng Nai	4543	61K-582.76	Bình Dương
1344	61K-591.32	Bình Dương	2944	60K-683.42	Đồng Nai	4544	61K-589.37	Bình Dương
1345	61K-591.84	Bình Dương	2945	60K-688.42	Đồng Nai	4545	61K-589.45	Bình Dương
1346	61K-595.12	Bình Dương	2946	60K-691.56	Đồng Nai	4546	61K-591.73	Bình Dương
1347	61K-598.94	Bình Dương	2947	60K-693.54	Đồng Nai	4547	61K-595.16	Bình Dương
1348	61K-599.01	Bình Dương	2948	60K-693.60	Đồng Nai	4548	61K-596.31	Bình Dương
1349	62A-481.06	Long An	2949	60K-700.54	Đồng Nai	4549	62A-473.75	Long An
1350	62A-486.37	Long An	2950	61B-048.17	Bình Dương	4550	62A-476.87	Long An

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1351	62B-033.17	Long An	2951	61C-614.40	Bình Dương	4551	62A-481.13	Long An
1352	62B-033.25	Long An	2952	61C-626.75	Bình Dương	4552	62A-482.12	Long An
1353	62B-033.83	Long An	2953	61C-632.76	Bình Dương	4553	62A-488.19	Long An
1354	62C-222.73	Long An	2954	61C-639.21	Bình Dương	4554	62B-032.75	Long An
1355	62C-226.46	Long An	2955	61C-641.30	Bình Dương	4555	62B-034.65	Long An
1356	63A-324.49	Tiền Giang	2956	61D-024.34	Bình Dương	4556	63A-332.58	Tiền Giang
1357	63A-325.92	Tiền Giang	2957	61K-530.70	Bình Dương	4557	63A-336.05	Tiền Giang
1358	63A-327.35	Tiền Giang	2958	61K-537.92	Bình Dương	4558	63B-036.49	Tiền Giang
1359	63A-331.91	Tiền Giang	2959	61K-557.67	Bình Dương	4559	63C-234.20	Tiền Giang
1360	63A-332.60	Tiền Giang	2960	61K-561.50	Bình Dương	4560	64A-204.07	Vĩnh Long
1361	63A-332.87	Tiền Giang	2961	61K-565.61	Bình Dương	4561	64A-205.70	Vĩnh Long
1362	63A-335.29	Tiền Giang	2962	61K-568.07	Bình Dương	4562	64A-210.03	Vĩnh Long
1363	63B-035.75	Tiền Giang	2963	61K-568.31	Bình Dương	4563	64D-008.65	Vĩnh Long
1364	63B-036.84	Tiền Giang	2964	61K-573.08	Bình Dương	4564	65A-518.76	Cần Thơ
1365	63D-012.54	Tiền Giang	2965	61K-575.90	Bình Dương	4565	65A-524.90	Cần Thơ
1366	63D-012.97	Tiền Giang	2966	61K-579.29	Bình Dương	4566	65A-528.72	Cần Thơ
1367	64A-203.70	Vĩnh Long	2967	61K-581.13	Bình Dương	4567	65B-027.52	Cần Thơ
1368	64A-204.65	Vĩnh Long	2968	61K-584.17	Bình Dương	4568	65C-265.36	Cần Thơ
1369	64A-213.20	Vĩnh Long	2969	61K-586.76	Bình Dương	4569	65D-012.71	Cần Thơ
1370	64A-213.51	Vĩnh Long	2970	61K-593.87	Bình Dương	4570	66A-301.93	Đồng Tháp
1371	64B-019.54	Vĩnh Long	2971	61K-594.85	Bình Dương	4571	66A-308.78	Đồng Tháp
1372	64C-135.17	Vĩnh Long	2972	61K-598.12	Bình Dương	4572	66A-310.49	Đồng Tháp
1373	64C-138.75	Vĩnh Long	2973	61K-599.51	Bình Dương	4573	66A-317.19	Đồng Tháp
1374	64D-008.43	Vĩnh Long	2974	62A-488.70	Long An	4574	66C-186.35	Đồng Tháp
1375	64D-009.87	Vĩnh Long	2975	62A-489.36	Long An	4575	67A-329.64	An Giang
1376	65A-518.67	Cần Thơ	2976	62C-217.57	Long An	4576	67A-331.34	An Giang
1377	65A-524.95	Cần Thơ	2977	62C-223.82	Long An	4577	67A-335.67	An Giang
1378	65A-526.58	Cần Thơ	2978	62C-224.70	Long An	4578	67A-345.24	An Giang
1379	65A-528.62	Cần Thơ	2979	62C-226.53	Long An	4579	68A-366.52	Kiên Giang
1380	65A-532.36	Cần Thơ	2980	63A-327.47	Tiền Giang	4580	68A-368.01	Kiên Giang
1381	65A-533.23	Cần Thơ	2981	63A-330.19	Tiền Giang	4581	68A-368.07	Kiên Giang
1382	65B-026.75	Cần Thơ	2982	63A-333.70	Tiền Giang	4582	68A-374.63	Kiên Giang
1383	66A-314.30	Đồng Tháp	2983	63C-229.18	Tiền Giang	4583	68A-381.92	Kiên Giang
1384	66A-318.04	Đồng Tháp	2984	63D-012.35	Tiền Giang	4584	69A-170.97	Cà Mau
1385	66A-318.51	Đồng Tháp	2985	63D-012.73	Tiền Giang	4585	69A-174.97	Cà Mau
1386	66D-014.84	Đồng Tháp	2986	63D-014.49	Tiền Giang	4586	69C-104.32	Cà Mau
1387	67A-336.30	An Giang	2987	64A-212.61	Vĩnh Long	4587	70A-586.23	Tây Ninh
1388	67A-339.51	An Giang	2988	64A-213.25	Vĩnh Long	4588	70A-586.60	Tây Ninh
1389	67A-339.54	An Giang	2989	64B-019.62	Vĩnh Long	4589	70A-591.03	Tây Ninh
1390	67A-339.60	An Giang	2990	64B-019.80	Vĩnh Long	4590	70A-598.28	Tây Ninh
1391	67A-345.12	An Giang	2991	64C-135.96	Vĩnh Long	4591	70A-600.31	Tây Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1392	67A-345.92	An Giang	2992	64C-136.95	Vĩnh Long	4592	70A-601.13	Tây Ninh
1393	67C-189.37	An Giang	2993	65A-515.70	Cần Thơ	4593	70A-607.73	Tây Ninh
1394	67C-195.18	An Giang	2994	65A-519.81	Cần Thơ	4594	70C-215.83	Tây Ninh
1395	67D-010.90	An Giang	2995	65A-520.27	Cần Thơ	4595	71A-212.91	Bến Tre
1396	68A-366.05	Kiên Giang	2996	65A-520.38	Cần Thơ	4596	71A-213.43	Bến Tre
1397	68C-184.98	Kiên Giang	2997	65A-529.95	Cần Thơ	4597	71A-213.97	Bến Tre
1398	69B-015.72	Cà Mau	2998	66A-318.56	Đồng Tháp	4598	71A-215.71	Bến Tre
1399	69D-005.67	Cà Mau	2999	66B-024.31	Đồng Tháp	4599	71A-219.01	Bến Tre
1400	69D-008.87	Cà Mau	3000	66B-024.98	Đồng Tháp	4600	71A-219.03	Bến Tre
1401	70A-585.06	Tây Ninh	3001	66C-186.40	Đồng Tháp	4601	71A-223.71	Bến Tre
1402	70A-585.21	Tây Ninh	3002	66C-186.46	Đồng Tháp	4602	71B-025.67	Bến Tre
1403	70A-585.38	Tây Ninh	3003	66C-188.58	Đồng Tháp	4603	72A-846.75	Bà Rịa - Vũng Tàu
1404	70A-591.48	Tây Ninh	3004	66D-013.63	Đồng Tháp	4604	72A-855.93	Bà Rịa - Vũng Tàu
1405	70A-591.87	Tây Ninh	3005	67B-031.83	An Giang	4605	72A-863.07	Bà Rịa - Vũng Tàu
1406	70A-592.75	Tây Ninh	3006	68A-377.49	Kiên Giang	4606	72A-865.05	Bà Rịa - Vũng Tàu
1407	70A-592.80	Tây Ninh	3007	68A-380.28	Kiên Giang	4607	72A-867.80	Bà Rịa - Vũng Tàu
1408	70A-592.82	Tây Ninh	3008	68B-036.57	Kiên Giang	4608	72A-881.71	Bà Rịa - Vũng Tàu
1409	70A-603.75	Tây Ninh	3009	68B-037.36	Kiên Giang	4609	72A-882.57	Bà Rịa - Vũng Tàu
1410	70A-608.12	Tây Ninh	3010	68C-178.23	Kiên Giang	4610	72A-884.42	Bà Rịa - Vũng Tàu
1411	70C-214.35	Tây Ninh	3011	68C-181.34	Kiên Giang	4611	72B-047.34	Bà Rịa - Vũng Tàu
1412	70C-215.72	Tây Ninh	3012	69A-175.81	Cà Mau	4612	72C-265.52	Bà Rịa - Vũng Tàu
1413	70D-012.61	Tây Ninh	3013	69B-013.45	Cà Mau	4613	72C-268.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
1414	72A-846.31	Bà Rịa - Vũng Tàu	3014	69B-017.15	Cà Mau	4614	72C-273.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
1415	72A-856.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	3015	69C-105.15	Cà Mau	4615	72C-277.25	Bà Rịa - Vũng Tàu
1416	72A-856.46	Bà Rịa - Vũng Tàu	3016	69C-106.18	Cà Mau	4616	72C-278.91	Bà Rịa - Vũng Tàu
1417	72A-860.21	Bà Rịa - Vũng Tàu	3017	69C-109.82	Cà Mau	4617	72C-281.58	Bà Rịa - Vũng Tàu
1418	72A-862.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	3018	70A-585.93	Tây Ninh	4618	73A-379.78	Quảng Bình
1419	72A-863.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	3019	70A-588.83	Tây Ninh	4619	73A-383.21	Quảng Bình
1420	72A-864.48	Bà Rịa - Vũng Tàu	3020	70A-596.61	Tây Ninh	4620	73B-017.53	Quảng Bình
1421	72A-864.92	Bà Rịa - Vũng Tàu	3021	70A-601.09	Tây Ninh	4621	73C-192.59	Quảng Bình
1422	72A-867.19	Bà Rịa - Vũng Tàu	3022	70A-602.54	Tây Ninh	4622	73C-192.61	Quảng Bình
1423	72A-868.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	3023	70A-606.48	Tây Ninh	4623	73C-194.46	Quảng Bình
1424	72A-884.74	Bà Rịa - Vũng Tàu	3024	70B-034.16	Tây Ninh	4624	73D-008.58	Quảng Bình
1425	72C-265.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	3025	70B-035.76	Tây Ninh	4625	74A-282.78	Quảng Trị
1426	72C-265.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	3026	70C-213.26	Tây Ninh	4626	74C-144.73	Quảng Trị
1427	73A-378.58	Quảng Bình	3027	70C-215.30	Tây Ninh	4627	74C-147.49	Quảng Trị
1428	73A-381.16	Quảng Bình	3028	71A-222.94	Bến Tre	4628	74C-148.90	Quảng Trị
1429	73A-381.20	Quảng Bình	3029	71A-223.03	Bến Tre	4629	74D-012.04	Quảng Trị
1430	73A-382.04	Quảng Bình	3030	71B-023.97	Bến Tre	4630	75A-387.57	Thừa Thiên Huế
1431	73A-382.54	Quảng Bình	3031	72A-843.61	Bà Rịa - Vũng Tàu	4631	75A-388.53	Thừa Thiên Huế
1432	73A-383.04	Quảng Bình	3032	72A-848.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	4632	75A-393.32	Thừa Thiên Huế

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1433	73B-018.61	Quảng Bình	3033	72A-848.91	Bà Rịa - Vũng Tàu	4633	75A-395.81	Thừa Thiên Huế
1434	73C-192.27	Quảng Bình	3034	72A-855.37	Bà Rịa - Vũng Tàu	4634	75A-396.46	Thừa Thiên Huế
1435	73C-196.15	Quảng Bình	3035	72A-856.91	Bà Rịa - Vũng Tàu	4635	75A-397.25	Thừa Thiên Huế
1436	74A-282.07	Quảng Trị	3036	72A-862.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	4636	75A-398.87	Thừa Thiên Huế
1437	74A-282.27	Quảng Trị	3037	72A-866.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	4637	75C-164.81	Thừa Thiên Huế
1438	74A-284.94	Quảng Trị	3038	72A-879.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	4638	75D-009.76	Thừa Thiên Huế
1439	74C-145.28	Quảng Trị	3039	72A-879.31	Bà Rịa - Vũng Tàu	4639	76A-325.31	Quảng Ngãi
1440	75A-396.78	Thừa Thiên Huế	3040	72A-882.01	Bà Rịa - Vũng Tàu	4640	76A-325.96	Quảng Ngãi
1441	75D-012.76	Thừa Thiên Huế	3041	72A-882.24	Bà Rịa - Vũng Tàu	4641	76A-329.82	Quảng Ngãi
1442	76A-325.07	Quảng Ngãi	3042	72B-047.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	4642	76A-337.17	Quảng Ngãi
1443	76A-325.42	Quảng Ngãi	3043	72C-269.01	Bà Rịa - Vũng Tàu	4643	76B-027.56	Quảng Ngãi
1444	76A-335.30	Quảng Ngãi	3044	72C-269.46	Bà Rịa - Vũng Tàu	4644	77A-357.43	Bình Định
1445	76B-029.25	Quảng Ngãi	3045	72C-271.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	4645	77A-361.78	Bình Định
1446	76C-179.09	Quảng Ngãi	3046	72C-273.71	Bà Rịa - Vũng Tàu	4646	77A-364.96	Bình Định
1447	76D-012.62	Quảng Ngãi	3047	72C-275.28	Bà Rịa - Vũng Tàu	4647	77A-371.78	Bình Định
1448	76D-014.87	Quảng Ngãi	3048	72C-276.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	4648	78A-218.40	Phú Yên
1449	77A-356.10	Bình Định	3049	72C-277.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	4649	78A-220.76	Phú Yên
1450	77A-356.37	Bình Định	3050	73A-369.57	Quảng Bình	4650	78A-221.07	Phú Yên
1451	77A-356.94	Bình Định	3051	73A-369.60	Quảng Bình	4651	78A-221.57	Phú Yên
1452	77A-358.03	Bình Định	3052	73C-196.76	Quảng Bình	4652	78A-223.80	Phú Yên
1453	77C-261.96	Bình Định	3053	73D-010.05	Quảng Bình	4653	78B-019.81	Phú Yên
1454	78A-221.20	Phú Yên	3054	74A-281.54	Quảng Trị	4654	78C-128.62	Phú Yên
1455	78A-224.53	Phú Yên	3055	74A-281.60	Quảng Trị	4655	79A-574.37	Khánh Hòa
1456	78B-020.23	Phú Yên	3056	74A-283.97	Quảng Trị	4656	79A-576.64	Khánh Hòa
1457	78B-022.04	Phú Yên	3057	74A-285.43	Quảng Trị	4657	79A-578.43	Khánh Hòa
1458	79A-569.45	Khánh Hòa	3058	75A-387.56	Thừa Thiên Huế	4658	79A-580.78	Khánh Hòa
1459	79A-570.12	Khánh Hòa	3059	75A-395.10	Thừa Thiên Huế	4659	79A-581.67	Khánh Hòa
1460	79A-581.51	Khánh Hòa	3060	75A-396.80	Thừa Thiên Huế	4660	79A-583.21	Khánh Hòa
1461	79A-581.98	Khánh Hòa	3061	75A-397.65	Thừa Thiên Huế	4661	79A-585.75	Khánh Hòa
1462	79A-585.51	Khánh Hòa	3062	75A-400.03	Thừa Thiên Huế	4662	79A-586.37	Khánh Hòa
1463	79A-588.37	Khánh Hòa	3063	75B-031.84	Thừa Thiên Huế	4663	79A-592.51	Khánh Hòa
1464	79A-593.75	Khánh Hòa	3064	75C-159.01	Thừa Thiên Huế	4664	79B-045.34	Khánh Hòa
1465	79C-230.51	Khánh Hòa	3065	76A-329.37	Quảng Ngãi	4665	79B-045.41	Khánh Hòa
1466	79C-234.12	Khánh Hòa	3066	76A-331.42	Quảng Ngãi	4666	79C-229.23	Khánh Hòa
1467	79D-014.48	Khánh Hòa	3067	76A-333.91	Quảng Ngãi	4667	81A-456.49	Gia Lai
1468	81A-456.03	Gia Lai	3068	76A-337.19	Quảng Ngãi	4668	81A-456.90	Gia Lai
1469	81A-456.95	Gia Lai	3069	76B-029.09	Quảng Ngãi	4669	81A-457.47	Gia Lai
1470	81A-466.84	Gia Lai	3070	76C-180.03	Quảng Ngãi	4670	81A-475.93	Gia Lai
1471	81A-473.59	Gia Lai	3071	76D-012.93	Quảng Ngãi	4671	81A-477.73	Gia Lai
1472	81C-284.42	Gia Lai	3072	76D-015.02	Quảng Ngãi	4672	81C-291.90	Gia Lai
1473	81C-288.34	Gia Lai	3073	77A-358.84	Bình Định	4673	81C-292.78	Gia Lai

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1474	81D-015.84	Gia Lai	3074	77A-362.87	Bình Định	4674	81C-298.49	Gia Lai
1475	82A-164.01	Kon Tum	3075	77A-363.10	Bình Định	4675	82A-162.49	Kon Tum
1476	82C-097.75	Kon Tum	3076	77A-363.92	Bình Định	4676	82D-010.93	Kon Tum
1477	82C-098.35	Kon Tum	3077	77A-371.52	Bình Định	4677	83B-026.46	Sóc Trăng
1478	82C-098.85	Kon Tum	3078	77B-037.83	Bình Định	4678	83C-136.62	Sóc Trăng
1479	82D-011.02	Kon Tum	3079	77B-038.07	Bình Định	4679	83D-008.63	Sóc Trăng
1480	82D-012.78	Kon Tum	3080	78A-215.70	Phú Yên	4680	83D-009.02	Sóc Trăng
1481	83A-193.59	Sóc Trăng	3081	78A-215.78	Phú Yên	4681	83D-010.40	Sóc Trăng
1482	83A-195.31	Sóc Trăng	3082	78A-220.18	Phú Yên	4682	83D-011.97	Sóc Trăng
1483	83A-196.24	Sóc Trăng	3083	78A-225.97	Phú Yên	4683	84C-127.14	Trà Vinh
1484	83A-196.78	Sóc Trăng	3084	78B-021.96	Phú Yên	4684	85A-150.19	Ninh Thuận
1485	83A-199.67	Sóc Trăng	3085	78D-009.75	Phú Yên	4685	85C-088.05	Ninh Thuận
1486	83B-024.70	Sóc Trăng	3086	79A-569.05	Khánh Hòa	4686	85D-007.03	Ninh Thuận
1487	83C-133.05	Sóc Trăng	3087	79A-585.27	Khánh Hòa	4687	86A-329.13	Bình Thuận
1488	84A-152.38	Trà Vinh	3088	79A-589.64	Khánh Hòa	4688	86A-331.06	Bình Thuận
1489	84A-153.73	Trà Vinh	3089	79C-232.40	Khánh Hòa	4689	86A-332.71	Bình Thuận
1490	84B-020.82	Trà Vinh	3090	79C-232.58	Khánh Hòa	4690	86C-210.48	Bình Thuận
1491	84C-127.49	Trà Vinh	3091	79D-011.27	Khánh Hòa	4691	86D-008.57	Bình Thuận
1492	85A-151.02	Ninh Thuận	3092	81A-459.60	Gia Lai	4692	86D-009.24	Bình Thuận
1493	85A-151.95	Ninh Thuận	3093	81A-468.32	Gia Lai	4693	88A-789.52	Vĩnh Phúc
1494	85C-085.28	Ninh Thuận	3094	81A-477.70	Gia Lai	4694	88A-795.10	Vĩnh Phúc
1495	85C-086.45	Ninh Thuận	3095	81A-479.65	Gia Lai	4695	88A-800.57	Vĩnh Phúc
1496	85D-008.91	Ninh Thuận	3096	81C-283.31	Gia Lai	4696	88A-810.96	Vĩnh Phúc
1497	86A-324.15	Bình Thuận	3097	81C-288.87	Gia Lai	4697	88A-815.97	Vĩnh Phúc
1498	86A-328.34	Bình Thuận	3098	81C-292.56	Gia Lai	4698	88A-817.16	Vĩnh Phúc
1499	88A-789.13	Vĩnh Phúc	3099	81C-294.72	Gia Lai	4699	88A-819.49	Vĩnh Phúc
1500	88A-791.35	Vĩnh Phúc	3100	81C-294.76	Gia Lai	4700	88A-826.91	Vĩnh Phúc
1501	88A-798.47	Vĩnh Phúc	3101	81C-299.07	Gia Lai	4701	88A-827.92	Vĩnh Phúc
1502	88A-801.51	Vĩnh Phúc	3102	81C-300.28	Gia Lai	4702	88A-829.09	Vĩnh Phúc
1503	88A-808.12	Vĩnh Phúc	3103	81D-017.49	Gia Lai	4703	88A-829.23	Vĩnh Phúc
1504	88A-811.80	Vĩnh Phúc	3104	82A-159.70	Kon Tum	4704	88A-829.93	Vĩnh Phúc
1505	88A-814.09	Vĩnh Phúc	3105	83A-200.49	Sóc Trăng	4705	88A-830.12	Vĩnh Phúc
1506	88A-815.90	Vĩnh Phúc	3106	83C-132.82	Sóc Trăng	4706	88B-022.10	Vĩnh Phúc
1507	88A-819.32	Vĩnh Phúc	3107	83C-134.48	Sóc Trăng	4707	88C-310.05	Vĩnh Phúc
1508	88A-823.31	Vĩnh Phúc	3108	83C-136.34	Sóc Trăng	4708	88D-021.53	Vĩnh Phúc
1509	88A-826.14	Vĩnh Phúc	3109	83C-137.32	Sóc Trăng	4709	89A-544.41	Hưng Yên
1510	88A-828.80	Vĩnh Phúc	3110	83C-137.52	Sóc Trăng	4710	89A-547.21	Hưng Yên
1511	88C-311.52	Vĩnh Phúc	3111	84A-151.76	Trà Vinh	4711	89A-548.50	Hưng Yên
1512	88C-312.45	Vĩnh Phúc	3112	85A-147.37	Ninh Thuận	4712	89A-553.23	Hưng Yên
1513	88C-319.35	Vĩnh Phúc	3113	85A-147.61	Ninh Thuận	4713	89A-556.43	Hưng Yên
1514	88D-022.87	Vĩnh Phúc	3114	85A-149.10	Ninh Thuận	4714	89A-556.51	Hưng Yên

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1515	89A-533.96	Hưng Yên	3115	85A-152.18	Ninh Thuận	4715	89A-562.30	Hưng Yên
1516	89A-535.26	Hưng Yên	3116	85C-086.49	Ninh Thuận	4716	89A-563.34	Hưng Yên
1517	89A-535.94	Hưng Yên	3117	86A-328.97	Bình Thuận	4717	89A-564.53	Hưng Yên
1518	89A-537.91	Hưng Yên	3118	86A-329.80	Bình Thuận	4718	89A-566.81	Hưng Yên
1519	89A-538.50	Hưng Yên	3119	86A-329.97	Bình Thuận	4719	89C-345.75	Hưng Yên
1520	89A-538.82	Hưng Yên	3120	86A-334.05	Bình Thuận	4720	89C-352.63	Hưng Yên
1521	89A-540.08	Hưng Yên	3121	86A-334.26	Bình Thuận	4721	89C-354.91	Hưng Yên
1522	89A-550.06	Hưng Yên	3122	86C-208.95	Bình Thuận	4722	89C-355.38	Hưng Yên
1523	89A-554.58	Hưng Yên	3123	86C-210.18	Bình Thuận	4723	90A-288.92	Hà Nam
1524	89A-559.13	Hưng Yên	3124	86D-008.85	Bình Thuận	4724	90A-289.13	Hà Nam
1525	89A-559.60	Hưng Yên	3125	88A-791.73	Vĩnh Phúc	4725	90A-289.50	Hà Nam
1526	89A-563.41	Hưng Yên	3126	88A-796.83	Vĩnh Phúc	4726	90A-292.94	Hà Nam
1527	89A-565.52	Hưng Yên	3127	88A-802.75	Vĩnh Phúc	4727	90A-298.46	Hà Nam
1528	89A-567.31	Hưng Yên	3128	88A-804.34	Vĩnh Phúc	4728	90A-302.27	Hà Nam
1529	89C-347.61	Hưng Yên	3129	88A-805.67	Vĩnh Phúc	4729	90D-011.09	Hà Nam
1530	89C-349.29	Hưng Yên	3130	88A-811.57	Vĩnh Phúc	4730	92A-440.65	Quảng Nam
1531	89D-026.56	Hưng Yên	3131	88A-813.32	Vĩnh Phúc	4731	92A-449.57	Quảng Nam
1532	90A-287.64	Hà Nam	3132	88A-813.42	Vĩnh Phúc	4732	92C-258.28	Quảng Nam
1533	90A-288.20	Hà Nam	3133	88A-814.23	Vĩnh Phúc	4733	92C-264.38	Quảng Nam
1534	90A-294.87	Hà Nam	3134	88A-817.45	Vĩnh Phúc	4734	93A-511.17	Bình Phước
1535	90C-154.80	Hà Nam	3135	88A-818.97	Vĩnh Phúc	4735	93A-512.95	Bình Phước
1536	92A-440.25	Quảng Nam	3136	88A-822.80	Vĩnh Phúc	4736	93A-517.10	Bình Phước
1537	92A-446.10	Quảng Nam	3137	88A-825.61	Vĩnh Phúc	4737	93A-518.75	Bình Phước
1538	92C-261.35	Quảng Nam	3138	88A-826.92	Vĩnh Phúc	4738	93A-519.01	Bình Phước
1539	92C-262.42	Quảng Nam	3139	88A-828.30	Vĩnh Phúc	4739	93A-523.12	Bình Phước
1540	92D-015.72	Quảng Nam	3140	88A-829.60	Vĩnh Phúc	4740	93A-525.21	Bình Phước
1541	93A-507.10	Bình Phước	3141	88C-310.38	Vĩnh Phúc	4741	93C-200.27	Bình Phước
1542	93A-513.60	Bình Phước	3142	88C-312.01	Vĩnh Phúc	4742	93C-201.71	Bình Phước
1543	93A-515.27	Bình Phước	3143	88C-312.70	Vĩnh Phúc	4743	93C-203.47	Bình Phước
1544	93A-518.82	Bình Phước	3144	88C-313.38	Vĩnh Phúc	4744	93C-204.31	Bình Phước
1545	93A-522.18	Bình Phước	3145	88C-313.50	Vĩnh Phúc	4745	93D-009.07	Bình Phước
1546	93B-023.65	Bình Phước	3146	88C-318.75	Vĩnh Phúc	4746	94C-087.71	Bạc Liêu
1547	93C-204.54	Bình Phước	3147	88C-321.04	Vĩnh Phúc	4747	94D-008.28	Bạc Liêu
1548	93C-206.09	Bình Phước	3148	88C-325.41	Vĩnh Phúc	4748	95A-139.75	Hậu Giang
1549	93C-206.16	Bình Phước	3149	88D-021.93	Vĩnh Phúc	4749	95A-141.70	Hậu Giang
1550	94C-084.70	Bạc Liêu	3150	88D-023.30	Vĩnh Phúc	4750	95D-024.67	Hậu Giang
1551	94D-005.80	Bạc Liêu	3151	89A-552.92	Hưng Yên	4751	97A-098.80	Bắc Kạn
1552	94D-006.30	Bạc Liêu	3152	89A-553.72	Hưng Yên	4752	97A-098.92	Bắc Kạn
1553	95B-017.80	Hậu Giang	3153	89A-561.02	Hưng Yên	4753	97B-015.50	Bắc Kạn
1554	97B-018.09	Bắc Kạn	3154	89A-561.30	Hưng Yên	4754	97C-053.25	Bắc Kạn
1555	97C-052.65	Bắc Kạn	3155	89A-566.32	Hưng Yên	4755	98A-859.78	Bắc Giang

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1556	97D-008.06	Bắc Kạn	3156	89C-348.70	Hưng Yên	4756	98A-860.47	Bắc Giang
1557	98A-872.60	Bắc Giang	3157	89C-354.72	Hưng Yên	4757	98A-861.57	Bắc Giang
1558	98A-876.05	Bắc Giang	3158	89C-357.93	Hưng Yên	4758	98A-865.64	Bắc Giang
1559	98A-878.10	Bắc Giang	3159	89D-025.32	Hưng Yên	4759	98A-867.15	Bắc Giang
1560	98A-878.18	Bắc Giang	3160	90A-287.80	Hà Nam	4760	98A-872.76	Bắc Giang
1561	98A-881.42	Bắc Giang	3161	90A-288.46	Hà Nam	4761	98A-875.01	Bắc Giang
1562	98A-882.42	Bắc Giang	3162	90A-297.83	Hà Nam	4762	98A-875.59	Bắc Giang
1563	98A-883.71	Bắc Giang	3163	90B-015.65	Hà Nam	4763	98A-878.52	Bắc Giang
1564	98A-884.83	Bắc Giang	3164	90C-155.49	Hà Nam	4764	98A-883.35	Bắc Giang
1565	98A-886.82	Bắc Giang	3165	92A-439.17	Quảng Nam	4765	98A-888.52	Bắc Giang
1566	98A-889.04	Bắc Giang	3166	92A-439.40	Quảng Nam	4766	98A-895.24	Bắc Giang
1567	98A-890.59	Bắc Giang	3167	92A-444.74	Quảng Nam	4767	98A-896.53	Bắc Giang
1568	98A-893.76	Bắc Giang	3168	92B-040.62	Quảng Nam	4768	98A-896.58	Bắc Giang
1569	98A-898.32	Bắc Giang	3169	92D-014.90	Quảng Nam	4769	98A-898.10	Bắc Giang
1570	98A-901.93	Bắc Giang	3170	93A-511.64	Bình Phước	4770	98A-902.96	Bắc Giang
1571	98A-909.75	Bắc Giang	3171	93A-514.67	Bình Phước	4771	98A-903.73	Bắc Giang
1572	98A-912.58	Bắc Giang	3172	93C-202.76	Bình Phước	4772	98A-906.72	Bắc Giang
1573	98A-913.01	Bắc Giang	3173	93C-207.81	Bình Phước	4773	98C-381.32	Bắc Giang
1574	98B-045.65	Bắc Giang	3174	94A-113.20	Bạc Liêu	4774	98C-381.64	Bắc Giang
1575	98C-384.53	Bắc Giang	3175	95A-138.97	Hậu Giang	4775	98C-385.05	Bắc Giang
1576	98C-397.07	Bắc Giang	3176	95A-143.92	Hậu Giang	4776	98C-387.18	Bắc Giang
1577	98D-021.97	Bắc Giang	3177	97B-018.56	Bắc Kạn	4777	98C-395.27	Bắc Giang
1578	99A-851.05	Bắc Ninh	3178	98A-859.51	Bắc Giang	4778	98D-023.37	Bắc Giang
1579	99A-851.32	Bắc Ninh	3179	98A-859.63	Bắc Giang	4779	99A-852.04	Bắc Ninh
1580	99A-852.20	Bắc Ninh	3180	98A-866.76	Bắc Giang	4780	99A-860.92	Bắc Ninh
1581	99A-852.60	Bắc Ninh	3181	98A-886.48	Bắc Giang	4781	99A-862.09	Bắc Ninh
1582	99A-856.30	Bắc Ninh	3182	98A-893.17	Bắc Giang	4782	99A-862.73	Bắc Ninh
1583	99A-861.08	Bắc Ninh	3183	98A-895.03	Bắc Giang	4783	99A-865.87	Bắc Ninh
1584	99A-861.23	Bắc Ninh	3184	98A-897.42	Bắc Giang	4784	99A-866.43	Bắc Ninh
1585	99A-861.94	Bắc Ninh	3185	98A-898.73	Bắc Giang	4785	99A-867.62	Bắc Ninh
1586	99A-865.30	Bắc Ninh	3186	98A-902.56	Bắc Giang	4786	99A-869.19	Bắc Ninh
1587	99A-869.12	Bắc Ninh	3187	98A-909.12	Bắc Giang	4787	99A-873.14	Bắc Ninh
1588	99A-869.81	Bắc Ninh	3188	98A-912.02	Bắc Giang	4788	99A-874.13	Bắc Ninh
1589	99A-870.10	Bắc Ninh	3189	98B-047.26	Bắc Giang	4789	99A-877.16	Bắc Ninh
1590	99A-875.92	Bắc Ninh	3190	98C-392.21	Bắc Giang	4790	99A-879.02	Bắc Ninh
1591	99A-878.54	Bắc Ninh	3191	99A-860.28	Bắc Ninh	4791	99A-880.93	Bắc Ninh
1592	99A-881.27	Bắc Ninh	3192	99A-862.98	Bắc Ninh	4792	99A-885.71	Bắc Ninh
1593	99A-881.80	Bắc Ninh	3193	99A-869.35	Bắc Ninh	4793	99A-889.10	Bắc Ninh
1594	99A-883.12	Bắc Ninh	3194	99A-871.58	Bắc Ninh	4794	99A-891.15	Bắc Ninh
1595	99A-887.81	Bắc Ninh	3195	99A-877.21	Bắc Ninh	4795	99A-892.34	Bắc Ninh
1596	99A-889.38	Bắc Ninh	3196	99A-889.46	Bắc Ninh	4796	99A-892.51	Bắc Ninh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 08h30'-08h55'			Thời gian đấu giá: 09h15'-09h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**
1597	99A-891.84	Bắc Ninh	3197	99B-031.71	Bắc Ninh	4797	99A-893.84	Bắc Ninh
1598	99A-892.04	Bắc Ninh	3198	99C-331.36	Bắc Ninh	4798	99A-896.03	Bắc Ninh
1599	99A-892.27	Bắc Ninh	3199	99C-336.52	Bắc Ninh	4799	99C-331.48	Bắc Ninh
1600	99A-894.24	Bắc Ninh	3200	99C-340.62	Bắc Ninh	4800	99C-331.59	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
4801	51E-333.33	Hồ Chí Minh	6401	14A-996.96	Quảng Ninh			
4802	14A-933.33	Quảng Ninh	6402	30L-999.90	Hà Nội			
4803	36C-579.79	Thanh Hóa	6403	37K-555.58	Nghệ An			
4804	98A-866.99	Bắc Giang	6404	60K-698.98	Đồng Nai			
4805	17C-222.21	Thái Bình	6405	17C-222.27	Thái Bình			
4806	18A-500.00	Nam Định	6406	22D-012.34	Tuyên Quang			
4807	21A-222.21	Yên Bái	6407	29K-477.77	Hà Nội			
4808	30M-199.97	Hà Nội	6408	30M-088.98	Hà Nội			
4809	30M-286.88	Hà Nội	6409	30M-090.90	Hà Nội			
4810	36K-248.88	Thanh Hóa	6410	36C-566.99	Thanh Hóa			
4811	38A-706.66	Hà Tĩnh	6411	48A-222.21	Đắk Nông			
4812	51L-958.88	Hồ Chí Minh	6412	51N-009.99	Hồ Chí Minh			
4813	51L-985.85	Hồ Chí Minh	6413	68A-365.55	Kiên Giang			
4814	51N-096.99	Hồ Chí Minh	6414	77B-039.39	Bình Định			
4815	60K-666.16	Đồng Nai	6415	82C-098.98	Kon Tum			
4816	70A-599.66	Tây Ninh	6416	98C-396.66	Bắc Giang			
4817	98A-896.66	Bắc Giang	6417	17A-498.99	Thái Bình			
4818	12A-267.77	Lạng Sơn	6418	20A-879.88	Thái Nguyên			
4819	14C-449.99	Quảng Ninh	6419	22A-222.69	Tuyên Quang			
4820	19A-588.55	Phú Thọ	6420	29K-366.86	Hà Nội			
4821	19A-747.77	Phú Thọ	6421	29K-397.98	Hà Nội			
4822	20A-905.55	Thái Nguyên	6422	30K-973.33	Hà Nội			
4823	22D-009.99	Tuyên Quang	6423	30M-081.81	Hà Nội			
4824	30L-599.93	Hà Nội	6424	30M-171.61	Hà Nội			
4825	30M-195.99	Hà Nội	6425	30M-297.61	Hà Nội			
4826	30M-198.68	Hà Nội	6426	37K-488.86	Nghệ An			
4827	30M-366.63	Hà Nội	6427	37K-556.86	Nghệ An			
4828	30M-399.97	Hà Nội	6428	38A-696.92	Hà Tĩnh			
4829	34A-919.81	Hải Dương	6429	38A-699.60	Hà Tĩnh			
4830	37K-285.89	Nghệ An	6430	38A-699.97	Hà Tĩnh			
4831	37K-555.33	Nghệ An	6431	48D-009.99	Đắk Nông			
4832	43A-969.92	Đà Nẵng	6432	49A-755.57	Lâm Đồng			
4833	47A-629.29	Đắk Lắk	6433	49A-776.78	Lâm Đồng			
4834	48A-193.39	Đắk Nông	6434	51L-521.25	Hồ Chí Minh			
4835	51L-898.80	Hồ Chí Minh	6435	51L-992.68	Hồ Chí Minh			
4836	51L-898.84	Hồ Chí Minh	6436	51M-225.55	Hồ Chí Minh			
4837	51L-898.94	Hồ Chí Minh	6437	51N-111.79	Hồ Chí Minh			
4838	51L-966.62	Hồ Chí Minh	6438	60C-787.77	Đồng Nai			
4839	51M-099.90	Hồ Chí Minh	6439	60K-635.55	Đồng Nai			
4840	51M-188.89	Hồ Chí Minh	6440	70A-527.77	Tây Ninh			
4841	60C-793.94	Đồng Nai	6441	77A-368.66	Bình Định			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4842	65C-279.39	Cần Thơ	6442	93A-455.88	Bình Phước			
4843	72A-858.59	Bà Rịa - Vũng Tàu	6443	95A-139.99	Hậu Giang			
4844	82A-122.33	Kon Tum	6444	30M-041.22	Hà Nội			
4845	93A-468.99	Bình Phước	6445	30M-064.44	Hà Nội			
4846	94A-111.38	Bạc Liêu	6446	30M-065.86	Hà Nội			
4847	30M-029.89	Hà Nội	6447	30M-082.11	Hà Nội			
4848	30M-032.66	Hà Nội	6448	30M-087.11	Hà Nội			
4849	30M-035.39	Hà Nội	6449	30M-091.89	Hà Nội			
4850	30M-039.96	Hà Nội	6450	30M-091.90	Hà Nội			
4851	30M-042.00	Hà Nội	6451	30M-093.99	Hà Nội			
4852	30M-042.22	Hà Nội	6452	30M-096.22	Hà Nội			
4853	30M-047.44	Hà Nội	6453	30M-109.86	Hà Nội			
4854	30M-061.11	Hà Nội	6454	30M-113.77	Hà Nội			
4855	30M-061.66	Hà Nội	6455	30M-143.88	Hà Nội			
4856	30M-073.22	Hà Nội	6456	30M-154.00	Hà Nội			
4857	30M-080.11	Hà Nội	6457	30M-163.22	Hà Nội			
4858	30M-088.00	Hà Nội	6458	30M-186.11	Hà Nội			
4859	30M-090.68	Hà Nội	6459	30M-187.18	Hà Nội			
4860	30M-097.39	Hà Nội	6460	30M-198.44	Hà Nội			
4861	30M-120.39	Hà Nội	6461	30M-208.11	Hà Nội			
4862	30M-133.69	Hà Nội	6462	30M-209.86	Hà Nội			
4863	30M-136.55	Hà Nội	6463	30M-212.69	Hà Nội			
4864	30M-139.68	Hà Nội	6464	30M-222.45	Hà Nội			
4865	30M-152.88	Hà Nội	6465	30M-225.11	Hà Nội			
4866	30M-156.15	Hà Nội	6466	30M-225.39	Hà Nội			
4867	30M-157.69	Hà Nội	6467	30M-247.24	Hà Nội			
4868	30M-160.44	Hà Nội	6468	30M-264.68	Hà Nội			
4869	30M-177.11	Hà Nội	6469	30M-267.66	Hà Nội			
4870	30M-177.69	Hà Nội	6470	30M-280.11	Hà Nội			
4871	30M-178.77	Hà Nội	6471	30M-280.89	Hà Nội			
4872	30M-180.22	Hà Nội	6472	30M-281.88	Hà Nội			
4873	30M-181.89	Hà Nội	6473	30M-288.11	Hà Nội			
4874	30M-184.85	Hà Nội	6474	30M-292.11	Hà Nội			
4875	30M-196.86	Hà Nội	6475	30M-298.77	Hà Nội			
4876	30M-197.55	Hà Nội	6476	30M-300.77	Hà Nội			
4877	30M-203.39	Hà Nội	6477	30M-307.00	Hà Nội			
4878	30M-206.07	Hà Nội	6478	30M-308.33	Hà Nội			
4879	30M-206.89	Hà Nội	6479	30M-309.69	Hà Nội			
4880	30M-222.47	Hà Nội	6480	30M-314.69	Hà Nội			
4881	30M-225.33	Hà Nội	6481	30M-316.77	Hà Nội			
4882	30M-227.22	Hà Nội	6482	30M-327.33	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4883	30M-227.33	Hà Nội	6483	30M-329.66	Hà Nội			
4884	30M-229.79	Hà Nội	6484	30M-330.69	Hà Nội			
4885	30M-230.69	Hà Nội	6485	30M-332.79	Hà Nội			
4886	30M-230.88	Hà Nội	6486	30M-334.55	Hà Nội			
4887	30M-235.39	Hà Nội	6487	30M-336.44	Hà Nội			
4888	30M-249.11	Hà Nội	6488	30M-338.22	Hà Nội			
4889	30M-250.05	Hà Nội	6489	30M-340.40	Hà Nội			
4890	30M-250.39	Hà Nội	6490	30M-341.55	Hà Nội			
4891	30M-254.69	Hà Nội	6491	30M-350.89	Hà Nội			
4892	30M-255.22	Hà Nội	6492	30M-364.46	Hà Nội			
4893	30M-256.33	Hà Nội	6493	30M-365.33	Hà Nội			
4894	30M-257.57	Hà Nội	6494	30M-372.68	Hà Nội			
4895	30M-260.99	Hà Nội	6495	30M-380.22	Hà Nội			
4896	30M-268.33	Hà Nội	6496	30M-405.04	Hà Nội			
4897	30M-278.39	Hà Nội	6497	30M-412.39	Hà Nội			
4898	30M-278.55	Hà Nội	6498	30M-413.89	Hà Nội			
4899	30M-288.44	Hà Nội	6499	30M-415.88	Hà Nội			
4900	30M-301.68	Hà Nội	6500	30M-418.81	Hà Nội			
4901	30M-311.79	Hà Nội	6501	51L-905.69	Hồ Chí Minh			
4902	30M-312.77	Hà Nội	6502	51L-908.80	Hồ Chí Minh			
4903	30M-312.88	Hà Nội	6503	51L-913.00	Hồ Chí Minh			
4904	30M-325.77	Hà Nội	6504	51L-916.55	Hồ Chí Minh			
4905	30M-334.43	Hà Nội	6505	51L-917.44	Hồ Chí Minh			
4906	30M-343.22	Hà Nội	6506	51L-920.00	Hồ Chí Minh			
4907	30M-345.39	Hà Nội	6507	51L-930.89	Hồ Chí Minh			
4908	30M-350.66	Hà Nội	6508	51L-939.77	Hồ Chí Minh			
4909	30M-358.00	Hà Nội	6509	51L-942.44	Hồ Chí Minh			
4910	30M-364.63	Hà Nội	6510	51L-948.68	Hồ Chí Minh			
4911	30M-364.79	Hà Nội	6511	51L-959.68	Hồ Chí Minh			
4912	30M-371.69	Hà Nội	6512	51L-962.22	Hồ Chí Minh			
4913	30M-391.79	Hà Nội	6513	51L-970.22	Hồ Chí Minh			
4914	30M-394.39	Hà Nội	6514	51L-983.89	Hồ Chí Minh			
4915	30M-398.86	Hà Nội	6515	51L-984.79	Hồ Chí Minh			
4916	30M-401.11	Hà Nội	6516	51L-993.68	Hồ Chí Minh			
4917	30M-402.86	Hà Nội	6517	51L-996.55	Hồ Chí Minh			
4918	30M-408.00	Hà Nội	6518	51M-057.89	Hồ Chí Minh			
4919	30M-421.89	Hà Nội	6519	51M-064.79	Hồ Chí Minh			
4920	51L-903.68	Hồ Chí Minh	6520	51M-071.86	Hồ Chí Minh			
4921	51L-903.99	Hồ Chí Minh	6521	51M-073.79	Hồ Chí Minh			
4922	51L-908.99	Hồ Chí Minh	6522	51M-097.33	Hồ Chí Minh			
4923	51L-911.55	Hồ Chí Minh	6523	51M-106.69	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4924	51L-916.11	Hồ Chí Minh	6524	51M-107.07	Hồ Chí Minh			
4925	51L-920.11	Hồ Chí Minh	6525	51M-107.22	Hồ Chí Minh			
4926	51L-925.77	Hồ Chí Minh	6526	51M-110.77	Hồ Chí Minh			
4927	51L-931.39	Hồ Chí Minh	6527	51M-118.00	Hồ Chí Minh			
4928	51L-938.00	Hồ Chí Minh	6528	51M-121.11	Hồ Chí Minh			
4929	51L-938.79	Hồ Chí Minh	6529	51M-131.13	Hồ Chí Minh			
4930	51L-938.83	Hồ Chí Minh	6530	51M-134.11	Hồ Chí Minh			
4931	51L-946.69	Hồ Chí Minh	6531	51M-137.38	Hồ Chí Minh			
4932	51L-949.89	Hồ Chí Minh	6532	51M-142.88	Hồ Chí Minh			
4933	51L-950.86	Hồ Chí Minh	6533	51M-146.00	Hồ Chí Minh			
4934	51L-957.59	Hồ Chí Minh	6534	51M-160.61	Hồ Chí Minh			
4935	51L-961.88	Hồ Chí Minh	6535	51M-171.79	Hồ Chí Minh			
4936	51L-966.39	Hồ Chí Minh	6536	51M-174.44	Hồ Chí Minh			
4937	51L-971.77	Hồ Chí Minh	6537	51M-179.17	Hồ Chí Minh			
4938	51L-976.89	Hồ Chí Minh	6538	51M-192.68	Hồ Chí Minh			
4939	51L-977.69	Hồ Chí Minh	6539	51M-209.69	Hồ Chí Minh			
4940	51L-978.55	Hồ Chí Minh	6540	51M-218.19	Hồ Chí Minh			
4941	51L-979.89	Hồ Chí Minh	6541	51M-231.55	Hồ Chí Minh			
4942	51L-980.79	Hồ Chí Minh	6542	51M-233.44	Hồ Chí Minh			
4943	51L-987.22	Hồ Chí Minh	6543	51M-235.36	Hồ Chí Minh			
4944	51L-988.77	Hồ Chí Minh	6544	51M-240.77	Hồ Chí Minh			
4945	51M-054.39	Hồ Chí Minh	6545	51M-248.00	Hồ Chí Minh			
4946	51M-055.86	Hồ Chí Minh	6546	51M-257.69	Hồ Chí Minh			
4947	51M-058.00	Hồ Chí Minh	6547	51M-264.11	Hồ Chí Minh			
4948	51M-058.50	Hồ Chí Minh	6548	51M-271.89	Hồ Chí Minh			
4949	51M-067.66	Hồ Chí Minh	6549	51M-274.79	Hồ Chí Minh			
4950	51M-072.27	Hồ Chí Minh	6550	51M-288.00	Hồ Chí Minh			
4951	51M-080.77	Hồ Chí Minh	6551	51M-289.22	Hồ Chí Minh			
4952	51M-092.79	Hồ Chí Minh	6552	51M-294.66	Hồ Chí Minh			
4953	51M-094.09	Hồ Chí Minh	6553	51M-295.22	Hồ Chí Minh			
4954	51M-097.89	Hồ Chí Minh	6554	51M-303.11	Hồ Chí Minh			
4955	51M-104.00	Hồ Chí Minh	6555	51M-303.79	Hồ Chí Minh			
4956	51M-113.68	Hồ Chí Minh	6556	51M-307.30	Hồ Chí Minh			
4957	51M-115.89	Hồ Chí Minh	6557	51M-307.39	Hồ Chí Minh			
4958	51M-120.21	Hồ Chí Minh	6558	51M-311.69	Hồ Chí Minh			
4959	51M-137.55	Hồ Chí Minh	6559	51N-000.14	Hồ Chí Minh			
4960	51M-141.86	Hồ Chí Minh	6560	51N-000.25	Hồ Chí Minh			
4961	51M-143.66	Hồ Chí Minh	6561	51N-008.33	Hồ Chí Minh			
4962	51M-151.55	Hồ Chí Minh	6562	51N-010.00	Hồ Chí Minh			
4963	51M-157.39	Hồ Chí Minh	6563	51N-012.79	Hồ Chí Minh			
4964	51M-158.69	Hồ Chí Minh	6564	51N-016.68	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
4965	51M-159.68	Hồ Chí Minh	6565	51N-025.26	Hồ Chí Minh			
4966	51M-164.61	Hồ Chí Minh	6566	51N-028.44	Hồ Chí Minh			
4967	51M-165.33	Hồ Chí Minh	6567	51N-029.79	Hồ Chí Minh			
4968	51M-167.69	Hồ Chí Minh	6568	51N-036.99	Hồ Chí Minh			
4969	51M-168.44	Hồ Chí Minh	6569	51N-043.11	Hồ Chí Minh			
4970	51M-170.86	Hồ Chí Minh	6570	51N-052.66	Hồ Chí Minh			
4971	51M-174.77	Hồ Chí Minh	6571	51N-053.99	Hồ Chí Minh			
4972	51M-184.00	Hồ Chí Minh	6572	51N-058.85	Hồ Chí Minh			
4973	51M-188.79	Hồ Chí Minh	6573	51N-066.55	Hồ Chí Minh			
4974	51M-191.00	Hồ Chí Minh	6574	51N-068.44	Hồ Chí Minh			
4975	51M-192.29	Hồ Chí Minh	6575	51N-082.89	Hồ Chí Minh			
4976	51M-208.02	Hồ Chí Minh	6576	51N-084.85	Hồ Chí Minh			
4977	51M-209.88	Hồ Chí Minh	6577	51N-087.87	Hồ Chí Minh			
4978	51M-213.69	Hồ Chí Minh	6578	51N-101.00	Hồ Chí Minh			
4979	51M-214.66	Hồ Chí Minh	6579	51N-102.99	Hồ Chí Minh			
4980	51M-215.79	Hồ Chí Minh	6580	51N-112.66	Hồ Chí Minh			
4981	51M-219.99	Hồ Chí Minh	6581	51N-116.22	Hồ Chí Minh			
4982	51M-222.45	Hồ Chí Minh	6582	51N-118.77	Hồ Chí Minh			
4983	51M-231.22	Hồ Chí Minh	6583	51N-123.86	Hồ Chí Minh			
4984	51M-231.33	Hồ Chí Minh	6584	51N-127.11	Hồ Chí Minh			
4985	51M-236.44	Hồ Chí Minh	6585	51N-136.33	Hồ Chí Minh			
4986	51M-239.32	Hồ Chí Minh	6586	51N-138.55	Hồ Chí Minh			
4987	51M-255.69	Hồ Chí Minh	6587	51N-148.68	Hồ Chí Minh			
4988	51M-271.99	Hồ Chí Minh	6588	51N-149.86	Hồ Chí Minh			
4989	51M-272.77	Hồ Chí Minh	6589	51N-150.22	Hồ Chí Minh			
4990	51M-286.33	Hồ Chí Minh	6590	51N-155.39	Hồ Chí Minh			
4991	51M-286.55	Hồ Chí Minh	6591	11A-137.68	Cao Bằng			
4992	51M-301.00	Hồ Chí Minh	6592	11C-090.00	Cao Bằng			
4993	51M-306.68	Hồ Chí Minh	6593	11D-011.69	Cao Bằng			
4994	51N-006.69	Hồ Chí Minh	6594	12A-266.22	Lạng Sơn			
4995	51N-013.55	Hồ Chí Minh	6595	12A-269.22	Lạng Sơn			
4996	51N-016.10	Hồ Chí Minh	6596	12A-271.33	Lạng Sơn			
4997	51N-020.02	Hồ Chí Minh	6597	12B-017.88	Lạng Sơn			
4998	51N-028.79	Hồ Chí Minh	6598	12C-144.69	Lạng Sơn			
4999	51N-036.69	Hồ Chí Minh	6599	14A-992.39	Quảng Ninh			
5000	51N-038.55	Hồ Chí Minh	6600	14C-465.68	Quảng Ninh			
5001	51N-051.88	Hồ Chí Minh	6601	14C-469.33	Quảng Ninh			
5002	51N-051.89	Hồ Chí Minh	6602	14D-032.55	Quảng Ninh			
5003	51N-052.33	Hồ Chí Minh	6603	14K-002.33	Quảng Ninh			
5004	51N-054.45	Hồ Chí Minh	6604	14K-004.40	Quảng Ninh			
5005	51N-054.77	Hồ Chí Minh	6605	14K-007.79	Quảng Ninh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5006	51N-054.89	Hồ Chí Minh	6606	14K-012.77	Quảng Ninh			
5007	51N-058.33	Hồ Chí Minh	6607	14K-015.99	Quảng Ninh			
5008	51N-058.44	Hồ Chí Minh	6608	14K-027.27	Quảng Ninh			
5009	51N-058.79	Hồ Chí Minh	6609	14K-030.00	Quảng Ninh			
5010	51N-065.00	Hồ Chí Minh	6610	14K-035.44	Quảng Ninh			
5011	51N-069.44	Hồ Chí Minh	6611	14K-038.99	Quảng Ninh			
5012	51N-072.86	Hồ Chí Minh	6612	14K-048.39	Quảng Ninh			
5013	51N-073.55	Hồ Chí Minh	6613	15B-055.50	Hải Phòng			
5014	51N-076.99	Hồ Chí Minh	6614	15B-057.44	Hải Phòng			
5015	51N-077.00	Hồ Chí Minh	6615	15K-425.25	Hải Phòng			
5016	51N-080.33	Hồ Chí Minh	6616	15K-435.89	Hải Phòng			
5017	51N-087.88	Hồ Chí Minh	6617	15K-442.66	Hải Phòng			
5018	51N-093.55	Hồ Chí Minh	6618	15K-443.34	Hải Phòng			
5019	51N-094.44	Hồ Chí Minh	6619	15K-449.96	Hải Phòng			
5020	51N-094.79	Hồ Chí Minh	6620	15K-453.99	Hải Phòng			
5021	51N-100.77	Hồ Chí Minh	6621	15K-454.99	Hải Phòng			
5022	51N-105.77	Hồ Chí Minh	6622	15K-455.86	Hải Phòng			
5023	51N-107.00	Hồ Chí Minh	6623	15K-457.00	Hải Phòng			
5024	51N-107.08	Hồ Chí Minh	6624	15K-458.55	Hải Phòng			
5025	51N-110.77	Hồ Chí Minh	6625	15K-459.69	Hải Phòng			
5026	51N-111.47	Hồ Chí Minh	6626	15K-471.71	Hải Phòng			
5027	51N-118.68	Hồ Chí Minh	6627	15K-492.79	Hải Phòng			
5028	51N-119.95	Hồ Chí Minh	6628	15K-497.86	Hải Phòng			
5029	11A-135.44	Cao Bằng	6629	15K-501.39	Hải Phòng			
5030	11A-138.83	Cao Bằng	6630	15K-502.69	Hải Phòng			
5031	11A-140.69	Cao Bằng	6631	15K-506.69	Hải Phòng			
5032	11B-015.15	Cao Bằng	6632	15K-513.55	Hải Phòng			
5033	11C-087.66	Cao Bằng	6633	17A-499.79	Thái Bình			
5034	11D-009.69	Cao Bằng	6634	17A-507.99	Thái Bình			
5035	12A-271.79	Lạng Sơn	6635	17B-029.22	Thái Bình			
5036	12B-015.66	Lạng Sơn	6636	17B-032.88	Thái Bình			
5037	12B-015.77	Lạng Sơn	6637	17C-215.89	Thái Bình			
5038	14A-990.11	Quảng Ninh	6638	17C-222.66	Thái Bình			
5039	14A-990.89	Quảng Ninh	6639	17D-015.00	Thái Bình			
5040	14A-994.00	Quảng Ninh	6640	17D-015.01	Thái Bình			
5041	14A-999.37	Quảng Ninh	6641	18A-494.39	Nam Định			
5042	14B-052.66	Quảng Ninh	6642	18A-506.55	Nam Định			
5043	14C-449.49	Quảng Ninh	6643	18A-507.33	Nam Định			
5044	14C-452.39	Quảng Ninh	6644	18A-510.11	Nam Định			
5045	14C-459.96	Quảng Ninh	6645	18B-032.68	Nam Định			
5046	14C-460.69	Quảng Ninh	6646	18B-033.66	Nam Định			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5047	14C-460.77	Quảng Ninh	6647	18C-175.39	Nam Định			
5048	14C-471.33	Quảng Ninh	6648	18D-016.00	Nam Định			
5049	14D-030.11	Quảng Ninh	6649	18D-018.00	Nam Định			
5050	14D-032.11	Quảng Ninh	6650	19A-730.31	Phú Thọ			
5051	14K-003.77	Quảng Ninh	6651	19A-735.86	Phú Thọ			
5052	14K-003.86	Quảng Ninh	6652	19A-744.55	Phú Thọ			
5053	14K-013.14	Quảng Ninh	6653	19A-751.15	Phú Thọ			
5054	14K-021.39	Quảng Ninh	6654	19A-751.44	Phú Thọ			
5055	14K-025.33	Quảng Ninh	6655	19A-754.33	Phú Thọ			
5056	14K-028.89	Quảng Ninh	6656	19C-269.55	Phú Thọ			
5057	14K-031.30	Quảng Ninh	6657	19C-272.22	Phú Thọ			
5058	14K-040.66	Quảng Ninh	6658	19C-273.27	Phú Thọ			
5059	14K-042.86	Quảng Ninh	6659	19C-274.47	Phú Thọ			
5060	15B-057.58	Hải Phòng	6660	19C-276.88	Phú Thọ			
5061	15C-491.33	Hải Phòng	6661	19C-280.79	Phú Thọ			
5062	15C-496.22	Hải Phòng	6662	20A-870.66	Thái Nguyên			
5063	15C-496.44	Hải Phòng	6663	20A-870.89	Thái Nguyên			
5064	15D-053.68	Hải Phòng	6664	20A-873.55	Thái Nguyên			
5065	15K-429.44	Hải Phòng	6665	20A-884.33	Thái Nguyên			
5066	15K-430.69	Hải Phòng	6666	20A-889.44	Thái Nguyên			
5067	15K-431.22	Hải Phòng	6667	20A-894.94	Thái Nguyên			
5068	15K-433.43	Hải Phòng	6668	20A-899.68	Thái Nguyên			
5069	15K-444.17	Hải Phòng	6669	20A-906.11	Thái Nguyên			
5070	15K-450.66	Hải Phòng	6670	20A-906.89	Thái Nguyên			
5071	15K-450.77	Hải Phòng	6671	20C-310.68	Thái Nguyên			
5072	15K-456.11	Hải Phòng	6672	20D-034.33	Thái Nguyên			
5073	15K-457.89	Hải Phòng	6673	21C-111.39	Yên Bái			
5074	15K-459.88	Hải Phòng	6674	21C-116.16	Yên Bái			
5075	15K-461.62	Hải Phòng	6675	21D-010.55	Yên Bái			
5076	15K-461.68	Hải Phòng	6676	22A-270.11	Tuyên Quang			
5077	15K-465.33	Hải Phòng	6677	22A-270.69	Tuyên Quang			
5078	15K-465.66	Hải Phòng	6678	22A-280.80	Tuyên Quang			
5079	15K-477.69	Hải Phòng	6679	22C-115.79	Tuyên Quang			
5080	15K-478.39	Hải Phòng	6680	22C-115.86	Tuyên Quang			
5081	15K-482.11	Hải Phòng	6681	22D-010.66	Tuyên Quang			
5082	15K-483.88	Hải Phòng	6682	22D-010.69	Tuyên Quang			
5083	15K-489.68	Hải Phòng	6683	23A-164.89	Hà Giang			
5084	15K-492.33	Hải Phòng	6684	23A-170.07	Hà Giang			
5085	15K-492.86	Hải Phòng	6685	23B-011.10	Hà Giang			
5086	15K-493.86	Hải Phòng	6686	23B-013.00	Hà Giang			
5087	15K-501.44	Hải Phòng	6687	23D-009.11	Hà Giang			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5088	15K-510.77	Hải Phòng	6688	24A-322.32	Lào Cai			
5089	17A-495.95	Thái Bình	6689	24A-324.55	Lào Cai			
5090	17A-500.99	Thái Bình	6690	24B-020.86	Lào Cai			
5091	17A-505.05	Thái Bình	6691	24B-020.89	Lào Cai			
5092	17A-505.22	Thái Bình	6692	24C-168.89	Lào Cai			
5093	17B-030.77	Thái Bình	6693	24D-013.31	Lào Cai			
5094	17C-218.44	Thái Bình	6694	25A-086.33	Lai Châu			
5095	17C-222.57	Thái Bình	6695	25A-088.22	Lai Châu			
5096	18A-490.11	Nam Định	6696	25B-008.08	Lai Châu			
5097	18A-490.33	Nam Định	6697	25B-009.55	Lai Châu			
5098	18A-496.88	Nam Định	6698	25B-011.77	Lai Châu			
5099	18A-497.69	Nam Định	6699	25C-060.06	Lai Châu			
5100	18A-502.77	Nam Định	6700	25C-063.06	Lai Châu			
5101	18A-504.05	Nam Định	6701	25D-008.66	Lai Châu			
5102	18A-508.08	Nam Định	6702	26A-237.00	Sơn La			
5103	18C-177.99	Nam Định	6703	26A-241.24	Sơn La			
5104	19A-717.18	Phú Thọ	6704	26B-020.44	Sơn La			
5105	19A-724.66	Phú Thọ	6705	26D-014.68	Sơn La			
5106	19A-724.88	Phú Thọ	6706	27D-009.68	Điện Biên			
5107	19A-734.37	Phú Thọ	6707	27D-010.00	Điện Biên			
5108	19A-734.77	Phú Thọ	6708	27D-010.44	Điện Biên			
5109	19A-735.22	Phú Thọ	6709	28A-260.99	Hòa Bình			
5110	19A-738.39	Phú Thọ	6710	28A-264.86	Hòa Bình			
5111	19A-738.66	Phú Thọ	6711	28A-269.11	Hòa Bình			
5112	19A-740.69	Phú Thọ	6712	28A-269.33	Hòa Bình			
5113	19A-754.57	Phú Thọ	6713	28C-126.62	Hòa Bình			
5114	19C-263.62	Phú Thọ	6714	29D-628.66	Hà Nội			
5115	19C-265.62	Phú Thọ	6715	29D-630.11	Hà Nội			
5116	19C-271.22	Phú Thọ	6716	29D-635.22	Hà Nội			
5117	20A-862.33	Thái Nguyên	6717	29D-640.41	Hà Nội			
5118	20A-874.33	Thái Nguyên	6718	29K-332.23	Hà Nội			
5119	20A-883.11	Thái Nguyên	6719	29K-333.99	Hà Nội			
5120	20A-888.47	Thái Nguyên	6720	29K-344.86	Hà Nội			
5121	20A-889.33	Thái Nguyên	6721	29K-346.68	Hà Nội			
5122	20A-892.11	Thái Nguyên	6722	29K-351.35	Hà Nội			
5123	20A-892.93	Thái Nguyên	6723	29K-351.79	Hà Nội			
5124	20B-035.89	Thái Nguyên	6724	29K-354.35	Hà Nội			
5125	20B-037.55	Thái Nguyên	6725	29K-356.68	Hà Nội			
5126	20C-318.77	Thái Nguyên	6726	29K-358.66	Hà Nội			
5127	20C-319.31	Thái Nguyên	6727	29K-370.11	Hà Nội			
5128	21A-222.04	Yên Bái	6728	29K-380.99	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5129	21B-013.89	Yên Bái	6729	29K-381.79	Hà Nội			
5130	21B-015.39	Yên Bái	6730	29K-383.69	Hà Nội			
5131	21C-113.00	Yên Bái	6731	29K-384.88	Hà Nội			
5132	21C-113.66	Yên Bái	6732	29K-387.39	Hà Nội			
5133	21D-007.07	Yên Bái	6733	29K-390.66	Hà Nội			
5134	22A-274.39	Tuyên Quang	6734	29K-392.92	Hà Nội			
5135	22C-116.00	Tuyên Quang	6735	29K-401.86	Hà Nội			
5136	22D-012.44	Tuyên Quang	6736	29K-403.44	Hà Nội			
5137	23A-167.79	Hà Giang	6737	29K-407.77	Hà Nội			
5138	23C-090.86	Hà Giang	6738	29K-408.11	Hà Nội			
5139	23D-008.09	Hà Giang	6739	29K-414.66	Hà Nội			
5140	24A-319.55	Lào Cai	6740	29K-415.22	Hà Nội			
5141	24B-022.11	Lào Cai	6741	29K-416.14	Hà Nội			
5142	24C-165.99	Lào Cai	6742	29K-416.22	Hà Nội			
5143	25B-011.10	Lai Châu	6743	29K-422.99	Hà Nội			
5144	25D-009.00	Lai Châu	6744	29K-423.11	Hà Nội			
5145	26A-235.36	Sơn La	6745	29K-424.86	Hà Nội			
5146	26A-236.86	Sơn La	6746	29K-426.44	Hà Nội			
5147	26A-240.39	Sơn La	6747	29K-432.11	Hà Nội			
5148	26B-019.69	Sơn La	6748	29K-441.39	Hà Nội			
5149	26C-164.22	Sơn La	6749	29K-443.22	Hà Nội			
5150	27A-131.44	Điện Biên	6750	29K-443.39	Hà Nội			
5151	27C-077.79	Điện Biên	6751	29K-446.39	Hà Nội			
5152	28A-262.77	Hòa Bình	6752	29K-452.39	Hà Nội			
5153	28A-271.33	Hòa Bình	6753	29K-453.69	Hà Nội			
5154	29B-660.22	Hà Nội	6754	29K-457.66	Hà Nội			
5155	29D-627.66	Hà Nội	6755	29K-458.99	Hà Nội			
5156	29D-631.44	Hà Nội	6756	29K-463.86	Hà Nội			
5157	29D-634.44	Hà Nội	6757	29K-472.00	Hà Nội			
5158	29D-634.68	Hà Nội	6758	29K-472.69	Hà Nội			
5159	29D-635.86	Hà Nội	6759	29K-476.22	Hà Nội			
5160	29D-641.46	Hà Nội	6760	34A-928.29	Hải Dương			
5161	29K-326.44	Hà Nội	6761	34A-934.39	Hải Dương			
5162	29K-329.68	Hà Nội	6762	34A-935.86	Hải Dương			
5163	29K-332.22	Hà Nội	6763	34A-937.44	Hải Dương			
5164	29K-332.68	Hà Nội	6764	34A-943.99	Hải Dương			
5165	29K-333.09	Hà Nội	6765	34A-945.79	Hải Dương			
5166	29K-333.25	Hà Nội	6766	34A-958.99	Hải Dương			
5167	29K-345.66	Hà Nội	6767	34A-961.99	Hải Dương			
5168	29K-346.39	Hà Nội	6768	34A-965.22	Hải Dương			
5169	29K-363.22	Hà Nội	6769	34A-966.33	Hải Dương			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5170	29K-385.83	Hà Nội	6770	34A-969.55	Hải Dương			
5171	29K-386.22	Hà Nội	6771	34A-972.00	Hải Dương			
5172	29K-387.87	Hà Nội	6772	34A-973.39	Hải Dương			
5173	29K-387.99	Hà Nội	6773	34C-433.99	Hải Dương			
5174	29K-391.19	Hà Nội	6774	34C-439.93	Hải Dương			
5175	29K-391.69	Hà Nội	6775	34C-442.24	Hải Dương			
5176	29K-396.00	Hà Nội	6776	34C-444.35	Hải Dương			
5177	29K-401.66	Hà Nội	6777	34C-446.77	Hải Dương			
5178	29K-411.55	Hà Nội	6778	34D-038.89	Hải Dương			
5179	29K-414.00	Hà Nội	6779	35A-464.68	Ninh Bình			
5180	29K-414.11	Hà Nội	6780	35A-467.79	Ninh Bình			
5181	29K-423.22	Hà Nội	6781	35A-472.33	Ninh Bình			
5182	29K-433.77	Hà Nội	6782	35A-479.86	Ninh Bình			
5183	29K-441.77	Hà Nội	6783	35B-022.89	Ninh Bình			
5184	29K-442.79	Hà Nội	6784	35B-025.39	Ninh Bình			
5185	29K-444.68	Hà Nội	6785	35C-181.18	Ninh Bình			
5186	29K-446.68	Hà Nội	6786	35D-018.55	Ninh Bình			
5187	29K-449.94	Hà Nội	6787	36B-047.55	Thanh Hóa			
5188	29K-449.96	Hà Nội	6788	36C-550.22	Thanh Hóa			
5189	29K-450.88	Hà Nội	6789	36C-551.44	Thanh Hóa			
5190	29K-454.99	Hà Nội	6790	36C-555.68	Thanh Hóa			
5191	29K-458.55	Hà Nội	6791	36C-555.86	Thanh Hóa			
5192	29K-458.85	Hà Nội	6792	36C-558.77	Thanh Hóa			
5193	29K-471.66	Hà Nội	6793	36C-559.33	Thanh Hóa			
5194	34A-921.55	Hải Dương	6794	36C-562.39	Thanh Hóa			
5195	34A-928.11	Hải Dương	6795	36C-571.39	Thanh Hóa			
5196	34A-941.68	Hải Dương	6796	36C-572.22	Thanh Hóa			
5197	34A-951.11	Hải Dương	6797	36C-572.68	Thanh Hóa			
5198	34A-951.66	Hải Dương	6798	36C-573.74	Thanh Hóa			
5199	34A-953.39	Hải Dương	6799	36D-029.55	Thanh Hóa			
5200	34A-959.11	Hải Dương	6800	36D-031.22	Thanh Hóa			
5201	34A-962.00	Hải Dương	6801	36K-229.44	Thanh Hóa			
5202	34A-962.69	Hải Dương	6802	36K-232.32	Thanh Hóa			
5203	34A-963.55	Hải Dương	6803	36K-232.44	Thanh Hóa			
5204	34A-974.11	Hải Dương	6804	36K-236.55	Thanh Hóa			
5205	34B-043.88	Hải Dương	6805	36K-244.99	Thanh Hóa			
5206	34C-434.39	Hải Dương	6806	36K-245.00	Thanh Hóa			
5207	34C-436.11	Hải Dương	6807	36K-259.66	Thanh Hóa			
5208	34C-438.83	Hải Dương	6808	36K-261.11	Thanh Hóa			
5209	34C-440.00	Hải Dương	6809	36K-261.22	Thanh Hóa			
5210	34C-444.12	Hải Dương	6810	36K-268.00	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5211	34C-445.11	Hải Dương	6811	36K-277.66	Thanh Hóa			
5212	34D-042.44	Hải Dương	6812	36K-278.87	Thanh Hóa			
5213	35A-464.33	Ninh Bình	6813	36K-287.78	Thanh Hóa			
5214	35A-469.44	Ninh Bình	6814	36K-298.69	Thanh Hóa			
5215	35A-473.44	Ninh Bình	6815	37B-048.39	Nghệ An			
5216	35A-477.86	Ninh Bình	6816	37C-587.44	Nghệ An			
5217	35A-479.11	Ninh Bình	6817	37C-592.00	Nghệ An			
5218	35A-482.33	Ninh Bình	6818	37K-484.88	Nghệ An			
5219	35B-025.52	Ninh Bình	6819	37K-486.99	Nghệ An			
5220	35D-017.44	Ninh Bình	6820	37K-493.66	Nghệ An			
5221	36C-555.05	Thanh Hóa	6821	37K-496.44	Nghệ An			
5222	36C-559.11	Thanh Hóa	6822	37K-513.55	Nghệ An			
5223	36C-563.77	Thanh Hóa	6823	37K-515.99	Nghệ An			
5224	36C-566.33	Thanh Hóa	6824	37K-516.17	Nghệ An			
5225	36C-570.99	Thanh Hóa	6825	37K-520.25	Nghệ An			
5226	36C-579.55	Thanh Hóa	6826	37K-523.32	Nghệ An			
5227	36C-580.08	Thanh Hóa	6827	37K-532.68	Nghệ An			
5228	36D-031.68	Thanh Hóa	6828	37K-540.66	Nghệ An			
5229	36K-234.89	Thanh Hóa	6829	37K-542.22	Nghệ An			
5230	36K-246.00	Thanh Hóa	6830	37K-543.33	Nghệ An			
5231	36K-251.51	Thanh Hóa	6831	37K-545.45	Nghệ An			
5232	36K-251.99	Thanh Hóa	6832	37K-549.77	Nghệ An			
5233	36K-254.25	Thanh Hóa	6833	37K-549.96	Nghệ An			
5234	36K-255.66	Thanh Hóa	6834	37K-562.56	Nghệ An			
5235	36K-264.33	Thanh Hóa	6835	37K-562.63	Nghệ An			
5236	36K-268.22	Thanh Hóa	6836	37K-565.86	Nghệ An			
5237	36K-270.00	Thanh Hóa	6837	37K-572.39	Nghệ An			
5238	36K-271.99	Thanh Hóa	6838	38A-680.22	Hà Tĩnh			
5239	36K-291.29	Thanh Hóa	6839	38A-680.39	Hà Tĩnh			
5240	36K-291.77	Thanh Hóa	6840	38A-680.99	Hà Tĩnh			
5241	37C-569.79	Nghệ An	6841	38A-684.79	Hà Tĩnh			
5242	37C-569.86	Nghệ An	6842	38A-690.68	Hà Tĩnh			
5243	37C-579.44	Nghệ An	6843	38A-691.66	Hà Tĩnh			
5244	37C-580.22	Nghệ An	6844	38A-696.77	Hà Tĩnh			
5245	37C-583.79	Nghệ An	6845	38A-697.39	Hà Tĩnh			
5246	37C-595.68	Nghệ An	6846	38A-700.55	Hà Tĩnh			
5247	37C-595.88	Nghệ An	6847	38A-703.07	Hà Tĩnh			
5248	37K-514.22	Nghệ An	6848	38A-703.89	Hà Tĩnh			
5249	37K-518.55	Nghệ An	6849	38A-709.11	Hà Tĩnh			
5250	37K-534.44	Nghệ An	6850	38A-710.86	Hà Tĩnh			
5251	37K-537.99	Nghệ An	6851	38C-249.00	Hà Tĩnh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5252	37K-538.83	Nghệ An	6852	43A-945.79	Đà Nẵng			
5253	37K-539.33	Nghệ An	6853	43A-950.55	Đà Nẵng			
5254	37K-547.68	Nghệ An	6854	43A-950.68	Đà Nẵng			
5255	37K-547.77	Nghệ An	6855	43A-959.55	Đà Nẵng			
5256	37K-551.66	Nghệ An	6856	43A-960.88	Đà Nẵng			
5257	37K-562.77	Nghệ An	6857	43A-963.63	Đà Nẵng			
5258	37K-570.86	Nghệ An	6858	43A-966.89	Đà Nẵng			
5259	37K-572.11	Nghệ An	6859	43A-971.55	Đà Nẵng			
5260	37K-572.22	Nghệ An	6860	43A-972.27	Đà Nẵng			
5261	38A-680.80	Hà Tĩnh	6861	43A-976.11	Đà Nẵng			
5262	38A-687.87	Hà Tĩnh	6862	43A-977.00	Đà Nẵng			
5263	38A-702.77	Hà Tĩnh	6863	43C-316.99	Đà Nẵng			
5264	38A-704.99	Hà Tĩnh	6864	43C-323.22	Đà Nẵng			
5265	38A-706.06	Hà Tĩnh	6865	43D-012.33	Đà Nẵng			
5266	38A-708.69	Hà Tĩnh	6866	47A-813.66	Đắk Lắk			
5267	38B-026.86	Hà Tĩnh	6867	47A-815.11	Đắk Lắk			
5268	43A-947.99	Đà Nẵng	6868	47A-816.00	Đắk Lắk			
5269	43A-948.44	Đà Nẵng	6869	47A-816.33	Đắk Lắk			
5270	43A-963.77	Đà Nẵng	6870	47A-822.99	Đắk Lắk			
5271	43A-979.00	Đà Nẵng	6871	47A-823.32	Đắk Lắk			
5272	43D-013.31	Đà Nẵng	6872	47A-831.88	Đắk Lắk			
5273	47A-816.79	Đắk Lắk	6873	47A-836.77	Đắk Lắk			
5274	47A-822.88	Đắk Lắk	6874	47A-842.69	Đắk Lắk			
5275	47A-836.55	Đắk Lắk	6875	47A-847.48	Đắk Lắk			
5276	47A-849.79	Đắk Lắk	6876	47A-849.11	Đắk Lắk			
5277	47A-859.55	Đắk Lắk	6877	47A-852.11	Đắk Lắk			
5278	47B-044.04	Đắk Lắk	6878	47A-858.69	Đắk Lắk			
5279	47C-404.40	Đắk Lắk	6879	47B-042.77	Đắk Lắk			
5280	47C-407.00	Đắk Lắk	6880	47B-042.89	Đắk Lắk			
5281	47C-407.89	Đắk Lắk	6881	47B-044.88	Đắk Lắk			
5282	47C-408.99	Đắk Lắk	6882	47B-045.44	Đắk Lắk			
5283	47C-412.99	Đắk Lắk	6883	47C-419.33	Đắk Lắk			
5284	47C-419.14	Đắk Lắk	6884	47C-419.66	Đắk Lắk			
5285	47D-018.77	Đắk Lắk	6885	47C-422.86	Đắk Lắk			
5286	47D-020.55	Đắk Lắk	6886	47D-020.33	Đắk Lắk			
5287	48A-248.39	Đắk Nông	6887	47D-020.69	Đắk Lắk			
5288	48A-256.99	Đắk Nông	6888	48A-256.65	Đắk Nông			
5289	48D-006.60	Đắk Nông	6889	48A-259.96	Đắk Nông			
5290	48D-010.00	Đắk Nông	6890	48A-261.33	Đắk Nông			
5291	49A-750.11	Lâm Đồng	6891	48B-013.77	Đắk Nông			
5292	49A-771.17	Lâm Đồng	6892	48B-016.69	Đắk Nông			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5293	49A-777.35	Lâm Đồng	6893	48C-117.11	Đắk Nông			
5294	49C-383.66	Lâm Đồng	6894	48D-007.00	Đắk Nông			
5295	49C-386.99	Lâm Đồng	6895	49A-747.89	Lâm Đồng			
5296	49C-387.22	Lâm Đồng	6896	49A-748.89	Lâm Đồng			
5297	49C-389.68	Lâm Đồng	6897	49A-757.33	Lâm Đồng			
5298	49C-392.86	Lâm Đồng	6898	49A-761.62	Lâm Đồng			
5299	49D-016.11	Lâm Đồng	6899	49A-763.63	Lâm Đồng			
5300	49D-017.01	Lâm Đồng	6900	49A-770.44	Lâm Đồng			
5301	51E-340.79	Hồ Chí Minh	6901	49A-771.79	Lâm Đồng			
5302	51E-354.54	Hồ Chí Minh	6902	49A-778.66	Lâm Đồng			
5303	60B-079.11	Đồng Nai	6903	49A-780.66	Lâm Đồng			
5304	60C-756.33	Đồng Nai	6904	49C-391.22	Lâm Đồng			
5305	60C-774.75	Đồng Nai	6905	49C-398.11	Lâm Đồng			
5306	60C-781.99	Đồng Nai	6906	49D-016.16	Lâm Đồng			
5307	60C-784.33	Đồng Nai	6907	51B-716.11	Hồ Chí Minh			
5308	60C-788.33	Đồng Nai	6908	51E-342.86	Hồ Chí Minh			
5309	60D-023.55	Đồng Nai	6909	51E-351.11	Hồ Chí Minh			
5310	60D-024.86	Đồng Nai	6910	51E-352.52	Hồ Chí Minh			
5311	60K-620.00	Đồng Nai	6911	51E-353.66	Hồ Chí Minh			
5312	60K-621.79	Đồng Nai	6912	60B-081.22	Đồng Nai			
5313	60K-629.66	Đồng Nai	6913	60C-761.79	Đồng Nai			
5314	60K-634.22	Đồng Nai	6914	60C-763.68	Đồng Nai			
5315	60K-641.11	Đồng Nai	6915	60C-765.68	Đồng Nai			
5316	60K-643.88	Đồng Nai	6916	60C-766.76	Đồng Nai			
5317	60K-647.86	Đồng Nai	6917	60C-777.01	Đồng Nai			
5318	60K-660.22	Đồng Nai	6918	60C-782.89	Đồng Nai			
5319	60K-665.77	Đồng Nai	6919	60C-784.22	Đồng Nai			
5320	60K-669.22	Đồng Nai	6920	60D-024.69	Đồng Nai			
5321	60K-670.55	Đồng Nai	6921	60K-627.79	Đồng Nai			
5322	60K-674.68	Đồng Nai	6922	60K-628.22	Đồng Nai			
5323	60K-692.29	Đồng Nai	6923	60K-629.39	Đồng Nai			
5324	61B-045.00	Bình Dương	6924	60K-636.63	Đồng Nai			
5325	61C-614.16	Bình Dương	6925	60K-636.89	Đồng Nai			
5326	61C-615.55	Bình Dương	6926	60K-643.46	Đồng Nai			
5327	61C-617.00	Bình Dương	6927	60K-646.39	Đồng Nai			
5328	61C-622.44	Bình Dương	6928	60K-648.22	Đồng Nai			
5329	61C-625.55	Bình Dương	6929	60K-655.88	Đồng Nai			
5330	61C-627.62	Bình Dương	6930	60K-665.79	Đồng Nai			
5331	61C-629.66	Bình Dương	6931	60K-673.67	Đồng Nai			
5332	61C-629.86	Bình Dương	6932	60K-675.44	Đồng Nai			
5333	61C-632.39	Bình Dương	6933	60K-680.69	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5334	61C-642.55	Bình Dương	6934	60K-685.88	Đồng Nai			
5335	61D-025.52	Bình Dương	6935	61B-046.55	Bình Dương			
5336	61K-519.00	Bình Dương	6936	61B-047.55	Bình Dương			
5337	61K-526.55	Bình Dương	6937	61B-047.74	Bình Dương			
5338	61K-530.22	Bình Dương	6938	61B-048.00	Bình Dương			
5339	61K-536.36	Bình Dương	6939	61C-627.79	Bình Dương			
5340	61K-541.55	Bình Dương	6940	61C-628.82	Bình Dương			
5341	61K-542.11	Bình Dương	6941	61C-640.33	Bình Dương			
5342	61K-543.00	Bình Dương	6942	61D-023.22	Bình Dương			
5343	61K-546.45	Bình Dương	6943	61K-522.52	Bình Dương			
5344	61K-549.94	Bình Dương	6944	61K-523.32	Bình Dương			
5345	61K-553.77	Bình Dương	6945	61K-528.77	Bình Dương			
5346	61K-557.57	Bình Dương	6946	61K-541.33	Bình Dương			
5347	61K-560.86	Bình Dương	6947	61K-542.54	Bình Dương			
5348	61K-564.46	Bình Dương	6948	61K-545.22	Bình Dương			
5349	61K-564.99	Bình Dương	6949	61K-545.39	Bình Dương			
5350	61K-569.55	Bình Dương	6950	61K-555.47	Bình Dương			
5351	61K-570.39	Bình Dương	6951	61K-564.77	Bình Dương			
5352	61K-570.70	Bình Dương	6952	61K-574.11	Bình Dương			
5353	61K-573.55	Bình Dương	6953	61K-591.77	Bình Dương			
5354	61K-574.00	Bình Dương	6954	61K-592.77	Bình Dương			
5355	61K-581.22	Bình Dương	6955	61K-595.88	Bình Dương			
5356	61K-598.86	Bình Dương	6956	61K-596.68	Bình Dương			
5357	62A-475.89	Long An	6957	61K-597.22	Bình Dương			
5358	62A-479.77	Long An	6958	62A-470.77	Long An			
5359	62A-483.77	Long An	6959	62A-489.77	Long An			
5360	62A-491.44	Long An	6960	62B-031.30	Long An			
5361	62B-033.00	Long An	6961	62C-217.21	Long An			
5362	62C-222.05	Long An	6962	62C-224.00	Long An			
5363	62C-222.59	Long An	6963	63A-325.44	Tiền Giang			
5364	62D-015.01	Long An	6964	63A-330.86	Tiền Giang			
5365	63A-329.33	Tiền Giang	6965	63A-334.89	Tiền Giang			
5366	63A-331.68	Tiền Giang	6966	63A-337.33	Tiền Giang			
5367	63A-331.99	Tiền Giang	6967	63A-339.86	Tiền Giang			
5368	63A-333.16	Tiền Giang	6968	63A-341.33	Tiền Giang			
5369	63A-334.99	Tiền Giang	6969	63A-341.34	Tiền Giang			
5370	63A-338.44	Tiền Giang	6970	63C-231.00	Tiền Giang			
5371	63A-341.14	Tiền Giang	6971	63C-231.11	Tiền Giang			
5372	63A-342.44	Tiền Giang	6972	63C-238.79	Tiền Giang			
5373	63B-033.55	Tiền Giang	6973	64A-205.20	Vĩnh Long			
5374	63B-033.77	Tiền Giang	6974	64A-209.02	Vĩnh Long			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5375	63B-034.39	Tiền Giang	6975	64A-212.79	Vĩnh Long			
5376	63B-036.44	Tiền Giang	6976	64B-016.86	Vĩnh Long			
5377	63B-036.88	Tiền Giang	6977	64C-134.68	Vĩnh Long			
5378	63C-232.11	Tiền Giang	6978	64C-136.31	Vĩnh Long			
5379	63C-234.35	Tiền Giang	6979	64C-138.88	Vĩnh Long			
5380	63C-236.37	Tiền Giang	6980	64C-140.22	Vĩnh Long			
5381	63C-240.79	Tiền Giang	6981	64D-006.88	Vĩnh Long			
5382	63D-012.44	Tiền Giang	6982	65A-529.69	Cần Thơ			
5383	63D-012.68	Tiền Giang	6983	65A-531.22	Cần Thơ			
5384	63D-013.55	Tiền Giang	6984	65A-531.55	Cần Thơ			
5385	64B-018.33	Vĩnh Long	6985	65A-532.88	Cần Thơ			
5386	64B-018.69	Vĩnh Long	6986	65B-026.44	Cần Thơ			
5387	64C-134.89	Vĩnh Long	6987	65C-248.84	Cần Thơ			
5388	64C-137.33	Vĩnh Long	6988	65C-249.11	Cần Thơ			
5389	64C-137.68	Vĩnh Long	6989	65C-251.77	Cần Thơ			
5390	64C-139.77	Vĩnh Long	6990	65C-253.53	Cần Thơ			
5391	65A-517.18	Cần Thơ	6991	65C-254.66	Cần Thơ			
5392	65A-520.22	Cần Thơ	6992	65C-256.39	Cần Thơ			
5393	65A-520.86	Cần Thơ	6993	65C-258.00	Cần Thơ			
5394	65A-522.79	Cần Thơ	6994	65C-264.86	Cần Thơ			
5395	65A-524.11	Cần Thơ	6995	65C-274.55	Cần Thơ			
5396	65A-531.66	Cần Thơ	6996	65C-275.11	Cần Thơ			
5397	65C-251.55	Cần Thơ	6997	65D-013.13	Cần Thơ			
5398	65C-252.66	Cần Thơ	6998	66A-309.22	Đồng Tháp			
5399	65C-253.35	Cần Thơ	6999	66A-315.89	Đồng Tháp			
5400	65C-256.44	Cần Thơ	7000	66C-184.79	Đồng Tháp			
5401	65C-257.57	Cần Thơ	7001	67A-333.27	An Giang			
5402	65C-273.37	Cần Thơ	7002	67A-339.11	An Giang			
5403	66A-305.99	Đồng Tháp	7003	67A-341.39	An Giang			
5404	66C-185.77	Đồng Tháp	7004	67A-342.33	An Giang			
5405	66C-189.81	Đồng Tháp	7005	67A-343.43	An Giang			
5406	66D-014.01	Đồng Tháp	7006	67C-191.91	An Giang			
5407	67A-333.01	An Giang	7007	67D-011.55	An Giang			
5408	67A-336.88	An Giang	7008	68A-373.11	Kiên Giang			
5409	67A-341.66	An Giang	7009	68A-375.22	Kiên Giang			
5410	67A-343.99	An Giang	7010	68A-380.11	Kiên Giang			
5411	67B-031.11	An Giang	7011	68B-037.38	Kiên Giang			
5412	67C-189.33	An Giang	7012	68C-184.86	Kiên Giang			
5413	67C-193.11	An Giang	7013	68C-185.39	Kiên Giang			
5414	68A-370.68	Kiên Giang	7014	68D-007.07	Kiên Giang			
5415	68A-372.72	Kiên Giang	7015	68D-008.99	Kiên Giang			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5416	68A-375.77	Kiên Giang	7016	69A-175.89	Cà Mau			
5417	69B-016.68	Cà Mau	7017	69A-176.11	Cà Mau			
5418	69C-106.11	Cà Mau	7018	69B-014.86	Cà Mau			
5419	69C-106.89	Cà Mau	7019	69B-015.77	Cà Mau			
5420	69C-109.77	Cà Mau	7020	69C-105.77	Cà Mau			
5421	70A-589.69	Tây Ninh	7021	69C-107.11	Cà Mau			
5422	70A-591.88	Tây Ninh	7022	70A-589.85	Tây Ninh			
5423	70A-597.95	Tây Ninh	7023	70A-596.97	Tây Ninh			
5424	70A-608.09	Tây Ninh	7024	70A-600.88	Tây Ninh			
5425	70A-609.77	Tây Ninh	7025	70A-611.55	Tây Ninh			
5426	70A-609.90	Tây Ninh	7026	70A-611.77	Tây Ninh			
5427	70A-615.00	Tây Ninh	7027	70A-612.77	Tây Ninh			
5428	70C-212.89	Tây Ninh	7028	70A-613.66	Tây Ninh			
5429	71A-214.00	Bến Tre	7029	70B-034.79	Tây Ninh			
5430	71C-138.39	Bến Tre	7030	70B-036.63	Tây Ninh			
5431	72A-865.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	7031	70D-014.15	Tây Ninh			
5432	72A-876.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	7032	71A-213.22	Bến Tre			
5433	72A-878.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	7033	71A-213.68	Bến Tre			
5434	72A-879.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	7034	71A-215.89	Bến Tre			
5435	72A-879.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7035	71A-217.69	Bến Tre			
5436	72A-881.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7036	71A-218.33	Bến Tre			
5437	72A-881.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	7037	71A-220.21	Bến Tre			
5438	72A-882.22	Bà Rịa - Vũng Tàu	7038	72A-844.79	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5439	72A-884.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	7039	72A-855.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5440	72B-045.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	7040	72A-865.77	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5441	72B-046.77	Bà Rịa - Vũng Tàu	7041	72A-870.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5442	72C-265.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	7042	72A-873.69	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5443	72C-271.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	7043	72A-875.11	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5444	72C-280.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	7044	72A-879.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5445	72D-013.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	7045	72C-267.62	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5446	73A-374.79	Quảng Bình	7046	72C-279.97	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5447	73B-019.22	Quảng Bình	7047	72D-013.00	Bà Rịa - Vũng Tàu			
5448	73C-196.68	Quảng Bình	7048	73A-378.77	Quảng Bình			
5449	73C-197.98	Quảng Bình	7049	73C-197.11	Quảng Bình			
5450	73D-010.66	Quảng Bình	7050	74A-280.11	Quảng Trị			
5451	74A-285.22	Quảng Trị	7051	74A-285.89	Quảng Trị			
5452	74A-285.86	Quảng Trị	7052	74B-017.77	Quảng Trị			
5453	74B-020.20	Quảng Trị	7053	74C-145.14	Quảng Trị			
5454	74C-146.69	Quảng Trị	7054	74C-146.55	Quảng Trị			
5455	74D-014.10	Quảng Trị	7055	74C-147.39	Quảng Trị			
5456	75A-387.68	Thừa Thiên Huế	7056	75A-387.87	Thừa Thiên Huế			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5457	75B-031.11	Thừa Thiên Huế	7057	75A-391.19	Thừa Thiên Huế			
5458	75B-031.55	Thừa Thiên Huế	7058	75A-397.69	Thừa Thiên Huế			
5459	75B-031.77	Thừa Thiên Huế	7059	75C-162.99	Thừa Thiên Huế			
5460	75C-157.39	Thừa Thiên Huế	7060	76C-181.86	Quảng Ngãi			
5461	75C-157.51	Thừa Thiên Huế	7061	76D-013.14	Quảng Ngãi			
5462	76A-324.88	Quảng Ngãi	7062	77A-359.96	Bình Định			
5463	76A-326.69	Quảng Ngãi	7063	77A-370.07	Bình Định			
5464	76A-329.55	Quảng Ngãi	7064	77B-039.69	Bình Định			
5465	76A-332.44	Quảng Ngãi	7065	77C-261.86	Bình Định			
5466	76A-336.63	Quảng Ngãi	7066	78A-224.69	Phú Yên			
5467	76B-030.86	Quảng Ngãi	7067	78B-018.86	Phú Yên			
5468	76C-180.80	Quảng Ngãi	7068	78B-020.21	Phú Yên			
5469	76D-012.22	Quảng Ngãi	7069	78C-127.44	Phú Yên			
5470	76D-013.31	Quảng Ngãi	7070	78C-129.12	Phú Yên			
5471	76D-014.89	Quảng Ngãi	7071	79A-569.55	Khánh Hòa			
5472	77A-363.99	Bình Định	7072	79A-570.11	Khánh Hòa			
5473	77A-369.68	Bình Định	7073	79A-579.44	Khánh Hòa			
5474	77A-370.22	Bình Định	7074	79A-584.11	Khánh Hòa			
5475	77A-371.89	Bình Định	7075	79A-590.90	Khánh Hòa			
5476	77B-040.44	Bình Định	7076	79A-593.33	Khánh Hòa			
5477	77C-263.36	Bình Định	7077	79D-011.00	Khánh Hòa			
5478	77C-265.88	Bình Định	7078	79D-011.79	Khánh Hòa			
5479	78A-217.44	Phú Yên	7079	81A-455.86	Gia Lai			
5480	78A-222.05	Phú Yên	7080	81A-465.46	Gia Lai			
5481	78A-222.34	Phú Yên	7081	81A-465.66	Gia Lai			
5482	78A-222.77	Phú Yên	7082	81A-471.00	Gia Lai			
5483	78C-128.11	Phú Yên	7083	81A-472.88	Gia Lai			
5484	78C-128.69	Phú Yên	7084	81C-286.00	Gia Lai			
5485	78D-008.69	Phú Yên	7085	81C-290.22	Gia Lai			
5486	78D-009.11	Phú Yên	7086	81C-293.44	Gia Lai			
5487	78D-009.22	Phú Yên	7087	81C-293.93	Gia Lai			
5488	79A-571.89	Khánh Hòa	7088	81C-294.86	Gia Lai			
5489	79A-573.99	Khánh Hòa	7089	82A-159.68	Kon Tum			
5490	79A-580.39	Khánh Hòa	7090	82A-161.61	Kon Tum			
5491	79A-581.68	Khánh Hòa	7091	82A-162.16	Kon Tum			
5492	79A-585.86	Khánh Hòa	7092	82A-163.61	Kon Tum			
5493	79B-043.89	Khánh Hòa	7093	82A-163.89	Kon Tum			
5494	79D-012.00	Khánh Hòa	7094	82B-023.86	Kon Tum			
5495	79D-012.33	Khánh Hòa	7095	82C-095.77	Kon Tum			
5496	79D-012.77	Khánh Hòa	7096	83A-200.44	Sóc Trăng			
5497	81A-461.00	Gia Lai	7097	83C-137.86	Sóc Trăng			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5498	81A-462.33	Gia Lai	7098	83D-011.79	Sóc Trăng			
5499	81A-466.55	Gia Lai	7099	84A-148.44	Trà Vinh			
5500	81C-287.87	Gia Lai	7100	84A-148.86	Trà Vinh			
5501	81D-016.61	Gia Lai	7101	84B-021.39	Trà Vinh			
5502	82B-022.77	Kon Tum	7102	84C-125.00	Trà Vinh			
5503	82B-023.23	Kon Tum	7103	84D-006.22	Trà Vinh			
5504	82B-024.20	Kon Tum	7104	85A-147.89	Ninh Thuận			
5505	82D-013.86	Kon Tum	7105	85D-006.60	Ninh Thuận			
5506	83A-193.39	Sóc Trăng	7106	85D-008.89	Ninh Thuận			
5507	83A-197.69	Sóc Trăng	7107	86A-320.79	Bình Thuận			
5508	83A-199.00	Sóc Trăng	7108	86A-331.22	Bình Thuận			
5509	83D-008.44	Sóc Trăng	7109	86B-026.22	Bình Thuận			
5510	83D-010.86	Sóc Trăng	7110	86D-009.66	Bình Thuận			
5511	84A-151.33	Trà Vinh	7111	88A-790.69	Vĩnh Phúc			
5512	84C-124.44	Trà Vinh	7112	88A-795.97	Vĩnh Phúc			
5513	84C-125.26	Trà Vinh	7113	88A-803.04	Vĩnh Phúc			
5514	85A-151.00	Ninh Thuận	7114	88A-804.55	Vĩnh Phúc			
5515	85A-153.11	Ninh Thuận	7115	88A-807.11	Vĩnh Phúc			
5516	85B-017.66	Ninh Thuận	7116	88A-808.00	Vĩnh Phúc			
5517	85C-085.86	Ninh Thuận	7117	88A-814.14	Vĩnh Phúc			
5518	85C-086.99	Ninh Thuận	7118	88A-818.19	Vĩnh Phúc			
5519	85D-008.69	Ninh Thuận	7119	88A-820.11	Vĩnh Phúc			
5520	86A-323.22	Bình Thuận	7120	88A-821.55	Vĩnh Phúc			
5521	86A-332.23	Bình Thuận	7121	88A-827.33	Vĩnh Phúc			
5522	86B-024.77	Bình Thuận	7122	88A-827.72	Vĩnh Phúc			
5523	86B-025.02	Bình Thuận	7123	88B-021.89	Vĩnh Phúc			
5524	86C-212.66	Bình Thuận	7124	88B-022.88	Vĩnh Phúc			
5525	86C-215.00	Bình Thuận	7125	88B-025.33	Vĩnh Phúc			
5526	88A-794.66	Vĩnh Phúc	7126	88C-315.69	Vĩnh Phúc			
5527	88A-796.68	Vĩnh Phúc	7127	88C-315.99	Vĩnh Phúc			
5528	88A-798.86	Vĩnh Phúc	7128	88C-317.22	Vĩnh Phúc			
5529	88A-801.22	Vĩnh Phúc	7129	89A-534.22	Hưng Yên			
5530	88A-807.79	Vĩnh Phúc	7130	89A-542.66	Hưng Yên			
5531	88A-808.39	Vĩnh Phúc	7131	89A-549.22	Hưng Yên			
5532	88A-810.44	Vĩnh Phúc	7132	89A-549.55	Hưng Yên			
5533	88A-826.22	Vĩnh Phúc	7133	89A-558.66	Hưng Yên			
5534	88A-826.27	Vĩnh Phúc	7134	89A-562.66	Hưng Yên			
5535	88C-310.55	Vĩnh Phúc	7135	89A-564.69	Hưng Yên			
5536	88C-314.44	Vĩnh Phúc	7136	89A-567.44	Hưng Yên			
5537	88C-316.16	Vĩnh Phúc	7137	89B-028.55	Hưng Yên			
5538	88C-317.39	Vĩnh Phúc	7138	89C-346.46	Hưng Yên			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5539	88C-320.44	Vĩnh Phúc	7139	89C-352.53	Hưng Yên			
5540	88C-325.00	Vĩnh Phúc	7140	89C-358.33	Hưng Yên			
5541	88D-024.89	Vĩnh Phúc	7141	89C-358.55	Hưng Yên			
5542	89A-535.66	Hưng Yên	7142	89D-026.86	Hưng Yên			
5543	89A-539.96	Hưng Yên	7143	90A-289.00	Hà Nam			
5544	89A-541.44	Hưng Yên	7144	90A-290.99	Hà Nam			
5545	89A-541.68	Hưng Yên	7145	90A-292.44	Hà Nam			
5546	89A-544.66	Hưng Yên	7146	90A-292.66	Hà Nam			
5547	89A-545.45	Hưng Yên	7147	90A-296.33	Hà Nam			
5548	89A-547.54	Hưng Yên	7148	90A-297.77	Hà Nam			
5549	89A-560.00	Hưng Yên	7149	90A-298.33	Hà Nam			
5550	89A-564.00	Hưng Yên	7150	90A-300.55	Hà Nam			
5551	89B-028.89	Hưng Yên	7151	90A-301.86	Hà Nam			
5552	89C-348.33	Hưng Yên	7152	90C-158.00	Hà Nam			
5553	89C-350.50	Hưng Yên	7153	92A-435.88	Quảng Nam			
5554	89C-351.89	Hưng Yên	7154	92A-436.11	Quảng Nam			
5555	89C-352.22	Hưng Yên	7155	92A-439.44	Quảng Nam			
5556	89D-023.24	Hưng Yên	7156	92A-440.44	Quảng Nam			
5557	90A-292.88	Hà Nam	7157	92A-444.16	Quảng Nam			
5558	90A-293.92	Hà Nam	7158	92A-446.77	Quảng Nam			
5559	90A-299.29	Hà Nam	7159	92B-041.00	Quảng Nam			
5560	90A-300.39	Hà Nam	7160	92B-041.66	Quảng Nam			
5561	92A-434.99	Quảng Nam	7161	92C-260.33	Quảng Nam			
5562	92A-435.00	Quảng Nam	7162	92C-261.66	Quảng Nam			
5563	92B-038.86	Quảng Nam	7163	93A-506.11	Bình Phước			
5564	92B-041.41	Quảng Nam	7164	93A-506.22	Bình Phước			
5565	92C-257.86	Quảng Nam	7165	93A-521.79	Bình Phước			
5566	92C-263.77	Quảng Nam	7166	93A-524.77	Bình Phước			
5567	92C-264.26	Quảng Nam	7167	93B-023.23	Bình Phước			
5568	93A-509.50	Bình Phước	7168	93D-007.89	Bình Phước			
5569	93A-512.68	Bình Phước	7169	93D-009.33	Bình Phước			
5570	93A-515.68	Bình Phước	7170	94A-111.06	Bạc Liêu			
5571	93A-515.77	Bình Phước	7171	94C-084.86	Bạc Liêu			
5572	93B-022.77	Bình Phước	7172	94D-008.11	Bạc Liêu			
5573	93C-205.79	Bình Phước	7173	95A-137.22	Hậu Giang			
5574	93C-208.69	Bình Phước	7174	95B-019.89	Hậu Giang			
5575	93D-010.77	Bình Phước	7175	95B-019.98	Hậu Giang			
5576	94B-015.44	Bạc Liêu	7176	95C-091.09	Hậu Giang			
5577	94B-015.55	Bạc Liêu	7177	97C-049.55	Bắc Kạn			
5578	94C-087.00	Bạc Liêu	7178	98A-868.44	Bắc Giang			
5579	94D-005.55	Bạc Liêu	7179	98A-880.33	Bắc Giang			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5580	95A-136.13	Hậu Giang	7180	98A-880.77	Bắc Giang			
5581	95A-140.86	Hậu Giang	7181	98A-884.86	Bắc Giang			
5582	97A-097.33	Bắc Kạn	7182	98A-887.68	Bắc Giang			
5583	97B-015.69	Bắc Kạn	7183	98A-895.33	Bắc Giang			
5584	97B-017.33	Bắc Kạn	7184	98A-896.79	Bắc Giang			
5585	97C-050.39	Bắc Kạn	7185	98A-909.00	Bắc Giang			
5586	97C-052.52	Bắc Kạn	7186	98A-909.55	Bắc Giang			
5587	97C-052.66	Bắc Kạn	7187	98C-378.39	Bắc Giang			
5588	97D-009.55	Bắc Kạn	7188	98C-378.44	Bắc Giang			
5589	98A-859.00	Bắc Giang	7189	98C-381.99	Bắc Giang			
5590	98A-861.88	Bắc Giang	7190	98C-382.68	Bắc Giang			
5591	98A-907.33	Bắc Giang	7191	98C-390.68	Bắc Giang			
5592	98C-381.22	Bắc Giang	7192	98C-395.00	Bắc Giang			
5593	98C-391.92	Bắc Giang	7193	98C-395.79	Bắc Giang			
5594	98D-020.69	Bắc Giang	7194	98D-022.68	Bắc Giang			
5595	98D-020.86	Bắc Giang	7195	99A-856.33	Bắc Ninh			
5596	99A-858.22	Bắc Ninh	7196	99A-857.57	Bắc Ninh			
5597	99A-864.68	Bắc Ninh	7197	99A-890.86	Bắc Ninh			
5598	99A-869.22	Bắc Ninh	7198	99A-893.44	Bắc Ninh			
5599	99A-889.44	Bắc Ninh	7199	99C-332.86	Bắc Ninh			
5600	99A-889.77	Bắc Ninh	7200	99C-334.43	Bắc Ninh			
5601	99A-892.98	Bắc Ninh	7201	99C-339.77	Bắc Ninh			
5602	99A-894.00	Bắc Ninh	7202	99C-342.86	Bắc Ninh			
5603	99A-896.97	Bắc Ninh	7203	99C-345.55	Bắc Ninh			
5604	99B-031.88	Bắc Ninh	7204	99C-346.66	Bắc Ninh			
5605	99C-340.43	Bắc Ninh	7205	11A-136.97	Cao Bằng			
5606	99C-343.86	Bắc Ninh	7206	11A-141.23	Cao Bằng			
5607	99C-347.00	Bắc Ninh	7207	11D-010.83	Cao Bằng			
5608	99D-026.62	Bắc Ninh	7208	12A-263.28	Lạng Sơn			
5609	11A-136.73	Cao Bằng	7209	12A-266.73	Lạng Sơn			
5610	11A-137.30	Cao Bằng	7210	12A-267.70	Lạng Sơn			
5611	11B-015.83	Cao Bằng	7211	12A-268.17	Lạng Sơn			
5612	11B-017.07	Cao Bằng	7212	12A-268.24	Lạng Sơn			
5613	11C-088.64	Cao Bằng	7213	12A-268.47	Lạng Sơn			
5614	11C-089.94	Cao Bằng	7214	12A-268.50	Lạng Sơn			
5615	11C-090.95	Cao Bằng	7215	14A-998.27	Quảng Ninh			
5616	11D-011.03	Cao Bằng	7216	14A-998.41	Quảng Ninh			
5617	11D-011.76	Cao Bằng	7217	14C-471.16	Quảng Ninh			
5618	14A-990.95	Quảng Ninh	7218	14K-031.12	Quảng Ninh			
5619	14A-993.59	Quảng Ninh	7219	14K-037.45	Quảng Ninh			
5620	14A-999.60	Quảng Ninh	7220	15C-485.60	Hải Phòng			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5621	14C-454.41	Quảng Ninh	7221	15K-431.40	Hải Phòng			
5622	14C-456.35	Quảng Ninh	7222	15K-446.16	Hải Phòng			
5623	14C-456.80	Quảng Ninh	7223	15K-447.16	Hải Phòng			
5624	14C-462.10	Quảng Ninh	7224	15K-452.59	Hải Phòng			
5625	14D-030.05	Quảng Ninh	7225	15K-454.92	Hải Phòng			
5626	14K-002.25	Quảng Ninh	7226	15K-456.67	Hải Phòng			
5627	14K-002.47	Quảng Ninh	7227	15K-457.96	Hải Phòng			
5628	14K-012.35	Quảng Ninh	7228	15K-462.50	Hải Phòng			
5629	14K-017.23	Quảng Ninh	7229	15K-469.80	Hải Phòng			
5630	14K-039.90	Quảng Ninh	7230	15K-472.67	Hải Phòng			
5631	15C-496.42	Hải Phòng	7231	15K-479.30	Hải Phòng			
5632	15K-427.82	Hải Phòng	7232	15K-482.13	Hải Phòng			
5633	15K-427.85	Hải Phòng	7233	15K-482.37	Hải Phòng			
5634	15K-437.27	Hải Phòng	7234	15K-504.13	Hải Phòng			
5635	15K-441.18	Hải Phòng	7235	15K-505.98	Hải Phòng			
5636	15K-446.17	Hải Phòng	7236	15K-511.21	Hải Phòng			
5637	15K-448.03	Hải Phòng	7237	17A-508.21	Thái Bình			
5638	15K-448.75	Hải Phòng	7238	17B-032.59	Thái Bình			
5639	15K-461.67	Hải Phòng	7239	17C-215.73	Thái Bình			
5640	15K-462.84	Hải Phòng	7240	17C-220.76	Thái Bình			
5641	15K-481.05	Hải Phòng	7241	18A-508.95	Nam Định			
5642	15K-481.28	Hải Phòng	7242	18A-509.16	Nam Định			
5643	15K-486.10	Hải Phòng	7243	18A-511.21	Nam Định			
5644	15K-493.60	Hải Phòng	7244	18C-181.53	Nam Định			
5645	15K-498.67	Hải Phòng	7245	18C-183.07	Nam Định			
5646	15K-503.38	Hải Phòng	7246	18D-017.03	Nam Định			
5647	17A-498.60	Thái Bình	7247	19A-719.12	Phú Thọ			
5648	17A-503.45	Thái Bình	7248	19A-732.02	Phú Thọ			
5649	17A-507.80	Thái Bình	7249	19A-734.48	Phú Thọ			
5650	17B-030.26	Thái Bình	7250	19A-743.49	Phú Thọ			
5651	17B-031.20	Thái Bình	7251	19A-743.80	Phú Thọ			
5652	17C-215.80	Thái Bình	7252	19A-746.84	Phú Thọ			
5653	17C-218.43	Thái Bình	7253	19A-748.13	Phú Thọ			
5654	17C-221.65	Thái Bình	7254	19C-265.97	Phú Thọ			
5655	18A-490.01	Nam Định	7255	19C-269.23	Phú Thọ			
5656	18A-491.48	Nam Định	7256	19C-273.82	Phú Thọ			
5657	18A-499.54	Nam Định	7257	19C-279.26	Phú Thọ			
5658	18A-510.45	Nam Định	7258	19C-279.76	Phú Thọ			
5659	18B-033.42	Nam Định	7259	19C-280.09	Phú Thọ			
5660	18C-175.92	Nam Định	7260	20A-861.34	Thái Nguyên			
5661	19A-716.63	Phú Thọ	7261	20A-866.57	Thái Nguyên			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5662	19A-726.56	Phú Thọ	7262	20A-873.42	Thái Nguyên			
5663	19A-731.05	Phú Thọ	7263	20A-876.29	Thái Nguyên			
5664	19A-732.78	Phú Thọ	7264	20A-877.36	Thái Nguyên			
5665	19A-735.42	Phú Thọ	7265	20A-879.20	Thái Nguyên			
5666	19A-743.35	Phú Thọ	7266	20A-879.90	Thái Nguyên			
5667	19A-748.25	Phú Thọ	7267	20A-888.20	Thái Nguyên			
5668	19A-755.13	Phú Thọ	7268	20A-890.62	Thái Nguyên			
5669	19A-755.50	Phú Thọ	7269	20A-895.04	Thái Nguyên			
5670	19A-756.97	Phú Thọ	7270	20A-895.24	Thái Nguyên			
5671	19A-757.46	Phú Thọ	7271	20A-901.20	Thái Nguyên			
5672	19A-757.73	Phú Thọ	7272	20C-315.20	Thái Nguyên			
5673	19C-266.78	Phú Thọ	7273	20C-316.20	Thái Nguyên			
5674	19C-280.06	Phú Thọ	7274	20C-322.72	Thái Nguyên			
5675	19D-022.67	Phú Thọ	7275	20C-323.51	Thái Nguyên			
5676	20A-863.45	Thái Nguyên	7276	21A-225.47	Yên Bái			
5677	20A-864.61	Thái Nguyên	7277	21C-112.02	Yên Bái			
5678	20A-869.35	Thái Nguyên	7278	21D-009.42	Yên Bái			
5679	20A-869.50	Thái Nguyên	7279	22A-271.15	Tuyên Quang			
5680	20A-871.97	Thái Nguyên	7280	22A-272.54	Tuyên Quang			
5681	20A-876.12	Thái Nguyên	7281	22A-279.41	Tuyên Quang			
5682	20A-879.29	Thái Nguyên	7282	22A-280.25	Tuyên Quang			
5683	20A-883.52	Thái Nguyên	7283	22A-281.72	Tuyên Quang			
5684	20A-886.13	Thái Nguyên	7284	22A-283.62	Tuyên Quang			
5685	20A-891.42	Thái Nguyên	7285	22B-017.92	Tuyên Quang			
5686	20A-893.45	Thái Nguyên	7286	22C-112.84	Tuyên Quang			
5687	20A-894.75	Thái Nguyên	7287	22C-115.09	Tuyên Quang			
5688	20A-896.23	Thái Nguyên	7288	22D-009.76	Tuyên Quang			
5689	20A-906.16	Thái Nguyên	7289	23A-164.34	Hà Giang			
5690	20B-036.59	Thái Nguyên	7290	23A-169.59	Hà Giang			
5691	20C-310.54	Thái Nguyên	7291	23C-092.74	Hà Giang			
5692	20C-311.17	Thái Nguyên	7292	24A-315.56	Lào Cai			
5693	20C-315.59	Thái Nguyên	7293	24A-318.35	Lào Cai			
5694	20C-318.56	Thái Nguyên	7294	24A-322.46	Lào Cai			
5695	21A-225.09	Yên Bái	7295	24A-323.42	Lào Cai			
5696	21A-228.25	Yên Bái	7296	24A-326.29	Lào Cai			
5697	21D-010.46	Yên Bái	7297	25A-085.63	Lai Châu			
5698	22A-275.91	Tuyên Quang	7298	25B-011.27	Lai Châu			
5699	22A-283.27	Tuyên Quang	7299	25C-062.94	Lai Châu			
5700	23C-091.05	Hà Giang	7300	26C-169.20	Sơn La			
5701	23C-093.18	Hà Giang	7301	27A-135.94	Điện Biên			
5702	24A-316.92	Lào Cai	7302	27B-017.67	Điện Biên			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5703	24A-318.83	Lào Cai	7303	27B-017.75	Điện Biên			
5704	25A-085.12	Lai Châu	7304	28A-264.02	Hòa Bình			
5705	25A-085.27	Lai Châu	7305	28A-268.07	Hòa Bình			
5706	25A-086.83	Lai Châu	7306	28A-268.92	Hòa Bình			
5707	25C-062.21	Lai Châu	7307	28A-269.72	Hòa Bình			
5708	26A-236.30	Sơn La	7308	28B-021.01	Hòa Bình			
5709	26A-242.83	Sơn La	7309	28C-126.07	Hòa Bình			
5710	26B-022.87	Sơn La	7310	28D-012.46	Hòa Bình			
5711	27A-134.90	Điện Biên	7311	29B-659.37	Hà Nội			
5712	27C-077.62	Điện Biên	7312	29B-660.75	Hà Nội			
5713	28A-261.05	Hòa Bình	7313	29D-627.15	Hà Nội			
5714	28C-122.18	Hòa Bình	7314	29D-631.35	Hà Nội			
5715	29B-660.62	Hà Nội	7315	29D-631.97	Hà Nội			
5716	29B-661.20	Hà Nội	7316	29D-633.45	Hà Nội			
5717	29D-630.09	Hà Nội	7317	29K-325.72	Hà Nội			
5718	29D-631.52	Hà Nội	7318	29K-328.41	Hà Nội			
5719	29K-335.29	Hà Nội	7319	29K-329.74	Hà Nội			
5720	29K-343.38	Hà Nội	7320	29K-331.37	Hà Nội			
5721	29K-345.81	Hà Nội	7321	29K-337.56	Hà Nội			
5722	29K-349.27	Hà Nội	7322	29K-338.16	Hà Nội			
5723	29K-355.43	Hà Nội	7323	29K-344.41	Hà Nội			
5724	29K-356.76	Hà Nội	7324	29K-346.19	Hà Nội			
5725	29K-363.67	Hà Nội	7325	29K-359.67	Hà Nội			
5726	29K-365.12	Hà Nội	7326	29K-361.10	Hà Nội			
5727	29K-365.37	Hà Nội	7327	29K-365.32	Hà Nội			
5728	29K-366.70	Hà Nội	7328	29K-365.73	Hà Nội			
5729	29K-367.38	Hà Nội	7329	29K-365.91	Hà Nội			
5730	29K-367.84	Hà Nội	7330	29K-366.52	Hà Nội			
5731	29K-371.18	Hà Nội	7331	29K-366.76	Hà Nội			
5732	29K-375.47	Hà Nội	7332	29K-368.61	Hà Nội			
5733	29K-377.82	Hà Nội	7333	29K-369.84	Hà Nội			
5734	29K-388.92	Hà Nội	7334	29K-369.90	Hà Nội			
5735	29K-390.59	Hà Nội	7335	29K-371.23	Hà Nội			
5736	29K-396.13	Hà Nội	7336	29K-374.58	Hà Nội			
5737	29K-397.48	Hà Nội	7337	29K-376.05	Hà Nội			
5738	29K-402.90	Hà Nội	7338	29K-378.16	Hà Nội			
5739	29K-409.59	Hà Nội	7339	29K-383.73	Hà Nội			
5740	29K-425.93	Hà Nội	7340	29K-392.08	Hà Nội			
5741	29K-440.78	Hà Nội	7341	29K-394.90	Hà Nội			
5742	29K-442.18	Hà Nội	7342	29K-400.36	Hà Nội			
5743	29K-452.04	Hà Nội	7343	29K-412.76	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5744	29K-454.28	Hà Nội	7344	29K-415.81	Hà Nội			
5745	29K-467.09	Hà Nội	7345	29K-420.12	Hà Nội			
5746	29K-468.25	Hà Nội	7346	29K-427.07	Hà Nội			
5747	29K-469.98	Hà Nội	7347	29K-431.58	Hà Nội			
5748	29K-471.49	Hà Nội	7348	29K-440.54	Hà Nội			
5749	29K-471.83	Hà Nội	7349	29K-442.65	Hà Nội			
5750	29K-474.46	Hà Nội	7350	29K-456.40	Hà Nội			
5751	30M-033.75	Hà Nội	7351	29K-456.91	Hà Nội			
5752	30M-037.01	Hà Nội	7352	29K-464.67	Hà Nội			
5753	30M-046.50	Hà Nội	7353	29K-468.51	Hà Nội			
5754	30M-046.62	Hà Nội	7354	29K-471.58	Hà Nội			
5755	30M-058.56	Hà Nội	7355	29K-474.25	Hà Nội			
5756	30M-077.98	Hà Nội	7356	29K-476.34	Hà Nội			
5757	30M-079.13	Hà Nội	7357	29K-477.51	Hà Nội			
5758	30M-085.27	Hà Nội	7358	30M-029.90	Hà Nội			
5759	30M-094.25	Hà Nội	7359	30M-033.72	Hà Nội			
5760	30M-108.67	Hà Nội	7360	30M-037.04	Hà Nội			
5761	30M-114.03	Hà Nội	7361	30M-038.04	Hà Nội			
5762	30M-121.20	Hà Nội	7362	30M-038.05	Hà Nội			
5763	30M-123.47	Hà Nội	7363	30M-045.06	Hà Nội			
5764	30M-129.76	Hà Nội	7364	30M-046.80	Hà Nội			
5765	30M-130.98	Hà Nội	7365	30M-048.92	Hà Nội			
5766	30M-131.10	Hà Nội	7366	30M-051.07	Hà Nội			
5767	30M-132.14	Hà Nội	7367	30M-058.63	Hà Nội			
5768	30M-149.10	Hà Nội	7368	30M-062.82	Hà Nội			
5769	30M-151.12	Hà Nội	7369	30M-066.80	Hà Nội			
5770	30M-156.53	Hà Nội	7370	30M-075.50	Hà Nội			
5771	30M-157.50	Hà Nội	7371	30M-079.41	Hà Nội			
5772	30M-158.97	Hà Nội	7372	30M-080.35	Hà Nội			
5773	30M-165.63	Hà Nội	7373	30M-089.87	Hà Nội			
5774	30M-172.53	Hà Nội	7374	30M-105.32	Hà Nội			
5775	30M-173.10	Hà Nội	7375	30M-124.50	Hà Nội			
5776	30M-177.73	Hà Nội	7376	30M-129.61	Hà Nội			
5777	30M-182.13	Hà Nội	7377	30M-135.32	Hà Nội			
5778	30M-182.58	Hà Nội	7378	30M-135.76	Hà Nội			
5779	30M-186.40	Hà Nội	7379	30M-142.06	Hà Nội			
5780	30M-187.95	Hà Nội	7380	30M-142.98	Hà Nội			
5781	30M-190.59	Hà Nội	7381	30M-143.76	Hà Nội			
5782	30M-190.78	Hà Nội	7382	30M-143.93	Hà Nội			
5783	30M-196.87	Hà Nội	7383	30M-156.92	Hà Nội			
5784	30M-212.70	Hà Nội	7384	30M-163.26	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5785	30M-212.84	Hà Nội	7385	30M-165.97	Hà Nội			
5786	30M-213.49	Hà Nội	7386	30M-178.65	Hà Nội			
5787	30M-216.10	Hà Nội	7387	30M-180.60	Hà Nội			
5788	30M-222.96	Hà Nội	7388	30M-181.93	Hà Nội			
5789	30M-238.04	Hà Nội	7389	30M-197.05	Hà Nội			
5790	30M-247.20	Hà Nội	7390	30M-199.03	Hà Nội			
5791	30M-247.25	Hà Nội	7391	30M-199.60	Hà Nội			
5792	30M-248.52	Hà Nội	7392	30M-203.73	Hà Nội			
5793	30M-256.12	Hà Nội	7393	30M-213.18	Hà Nội			
5794	30M-256.46	Hà Nội	7394	30M-213.60	Hà Nội			
5795	30M-276.46	Hà Nội	7395	30M-227.45	Hà Nội			
5796	30M-280.34	Hà Nội	7396	30M-237.56	Hà Nội			
5797	30M-283.80	Hà Nội	7397	30M-237.58	Hà Nội			
5798	30M-285.10	Hà Nội	7398	30M-244.06	Hà Nội			
5799	30M-285.80	Hà Nội	7399	30M-250.28	Hà Nội			
5800	30M-288.37	Hà Nội	7400	30M-263.01	Hà Nội			
5801	30M-293.32	Hà Nội	7401	30M-263.92	Hà Nội			
5802	30M-295.45	Hà Nội	7402	30M-266.57	Hà Nội			
5803	30M-299.23	Hà Nội	7403	30M-268.64	Hà Nội			
5804	30M-301.05	Hà Nội	7404	30M-269.94	Hà Nội			
5805	30M-301.98	Hà Nội	7405	30M-269.97	Hà Nội			
5806	30M-306.35	Hà Nội	7406	30M-272.78	Hà Nội			
5807	30M-308.95	Hà Nội	7407	30M-275.32	Hà Nội			
5808	30M-310.14	Hà Nội	7408	30M-276.75	Hà Nội			
5809	30M-311.82	Hà Nội	7409	30M-281.80	Hà Nội			
5810	30M-313.67	Hà Nội	7410	30M-282.10	Hà Nội			
5811	30M-322.21	Hà Nội	7411	30M-293.13	Hà Nội			
5812	30M-327.35	Hà Nội	7412	30M-296.46	Hà Nội			
5813	30M-328.98	Hà Nội	7413	30M-305.41	Hà Nội			
5814	30M-329.30	Hà Nội	7414	30M-318.85	Hà Nội			
5815	30M-329.64	Hà Nội	7415	30M-322.72	Hà Nội			
5816	30M-333.51	Hà Nội	7416	30M-323.46	Hà Nội			
5817	30M-349.24	Hà Nội	7417	30M-328.54	Hà Nội			
5818	30M-350.28	Hà Nội	7418	30M-338.92	Hà Nội			
5819	30M-352.64	Hà Nội	7419	30M-340.23	Hà Nội			
5820	30M-355.07	Hà Nội	7420	30M-344.17	Hà Nội			
5821	30M-363.81	Hà Nội	7421	30M-346.20	Hà Nội			
5822	30M-366.40	Hà Nội	7422	30M-354.94	Hà Nội			
5823	30M-373.64	Hà Nội	7423	30M-359.30	Hà Nội			
5824	30M-380.60	Hà Nội	7424	30M-363.01	Hà Nội			
5825	30M-380.73	Hà Nội	7425	30M-363.30	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5826	30M-389.64	Hà Nội	7426	30M-365.01	Hà Nội			
5827	30M-396.72	Hà Nội	7427	30M-366.20	Hà Nội			
5828	30M-399.37	Hà Nội	7428	30M-369.81	Hà Nội			
5829	30M-411.96	Hà Nội	7429	30M-376.04	Hà Nội			
5830	30M-413.57	Hà Nội	7430	30M-380.59	Hà Nội			
5831	30M-418.59	Hà Nội	7431	30M-381.19	Hà Nội			
5832	34A-921.76	Hải Dương	7432	30M-388.25	Hà Nội			
5833	34A-927.09	Hải Dương	7433	30M-388.37	Hà Nội			
5834	34A-928.97	Hải Dương	7434	30M-388.92	Hà Nội			
5835	34A-930.67	Hải Dương	7435	30M-389.04	Hà Nội			
5836	34A-931.64	Hải Dương	7436	30M-389.80	Hà Nội			
5837	34A-933.02	Hải Dương	7437	30M-393.84	Hà Nội			
5838	34A-935.13	Hải Dương	7438	30M-399.40	Hà Nội			
5839	34A-940.25	Hải Dương	7439	30M-402.53	Hà Nội			
5840	34A-945.57	Hải Dương	7440	30M-411.59	Hà Nội			
5841	34A-948.14	Hải Dương	7441	30M-413.90	Hà Nội			
5842	34A-948.78	Hải Dương	7442	30M-414.56	Hà Nội			
5843	34A-949.07	Hải Dương	7443	34A-921.61	Hải Dương			
5844	34A-949.34	Hải Dương	7444	34A-922.10	Hải Dương			
5845	34A-952.20	Hải Dương	7445	34A-931.52	Hải Dương			
5846	34A-952.51	Hải Dương	7446	34A-932.48	Hải Dương			
5847	34A-955.30	Hải Dương	7447	34A-945.01	Hải Dương			
5848	34A-955.45	Hải Dương	7448	34A-955.80	Hải Dương			
5849	34A-958.97	Hải Dương	7449	34A-964.02	Hải Dương			
5850	34A-966.32	Hải Dương	7450	34A-965.94	Hải Dương			
5851	34A-967.95	Hải Dương	7451	34A-970.48	Hải Dương			
5852	34B-044.23	Hải Dương	7452	34A-971.50	Hải Dương			
5853	34B-047.16	Hải Dương	7453	34A-974.07	Hải Dương			
5854	34C-438.57	Hải Dương	7454	34B-044.72	Hải Dương			
5855	34C-439.75	Hải Dương	7455	34B-044.98	Hải Dương			
5856	34C-444.91	Hải Dương	7456	34C-443.56	Hải Dương			
5857	34C-449.10	Hải Dương	7457	35A-466.16	Ninh Bình			
5858	34C-451.08	Hải Dương	7458	35A-468.98	Ninh Bình			
5859	35A-468.05	Ninh Bình	7459	35A-476.83	Ninh Bình			
5860	35A-470.02	Ninh Bình	7460	35A-477.67	Ninh Bình			
5861	35A-474.18	Ninh Bình	7461	35B-023.57	Ninh Bình			
5862	35D-016.35	Ninh Bình	7462	35B-024.37	Ninh Bình			
5863	36B-050.80	Thanh Hóa	7463	35B-024.97	Ninh Bình			
5864	36C-546.82	Thanh Hóa	7464	35D-016.25	Ninh Bình			
5865	36C-548.78	Thanh Hóa	7465	36C-558.42	Thanh Hóa			
5866	36C-565.37	Thanh Hóa	7466	36C-559.01	Thanh Hóa			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5867	36C-565.51	Thanh Hóa	7467	36C-566.74	Thanh Hóa			
5868	36C-569.48	Thanh Hóa	7468	36C-571.15	Thanh Hóa			
5869	36C-573.72	Thanh Hóa	7469	36C-576.37	Thanh Hóa			
5870	36C-576.25	Thanh Hóa	7470	36C-578.38	Thanh Hóa			
5871	36D-029.58	Thanh Hóa	7471	36D-030.06	Thanh Hóa			
5872	36D-031.02	Thanh Hóa	7472	36K-238.27	Thanh Hóa			
5873	36K-231.41	Thanh Hóa	7473	36K-243.38	Thanh Hóa			
5874	36K-232.67	Thanh Hóa	7474	36K-245.65	Thanh Hóa			
5875	36K-233.42	Thanh Hóa	7475	36K-246.95	Thanh Hóa			
5876	36K-236.46	Thanh Hóa	7476	36K-254.56	Thanh Hóa			
5877	36K-246.28	Thanh Hóa	7477	36K-259.56	Thanh Hóa			
5878	36K-247.64	Thanh Hóa	7478	36K-261.02	Thanh Hóa			
5879	36K-260.38	Thanh Hóa	7479	36K-263.19	Thanh Hóa			
5880	36K-262.04	Thanh Hóa	7480	36K-264.75	Thanh Hóa			
5881	36K-262.52	Thanh Hóa	7481	36K-267.52	Thanh Hóa			
5882	36K-266.81	Thanh Hóa	7482	36K-269.75	Thanh Hóa			
5883	36K-270.15	Thanh Hóa	7483	36K-271.23	Thanh Hóa			
5884	36K-271.48	Thanh Hóa	7484	36K-273.32	Thanh Hóa			
5885	36K-275.62	Thanh Hóa	7485	36K-285.56	Thanh Hóa			
5886	36K-279.63	Thanh Hóa	7486	36K-289.93	Thanh Hóa			
5887	36K-283.04	Thanh Hóa	7487	36K-292.57	Thanh Hóa			
5888	36K-284.75	Thanh Hóa	7488	36K-292.70	Thanh Hóa			
5889	36K-285.38	Thanh Hóa	7489	36K-292.97	Thanh Hóa			
5890	36K-288.43	Thanh Hóa	7490	36K-293.63	Thanh Hóa			
5891	36K-298.34	Thanh Hóa	7491	36K-293.83	Thanh Hóa			
5892	36K-299.07	Thanh Hóa	7492	36K-295.62	Thanh Hóa			
5893	36K-301.50	Thanh Hóa	7493	36K-297.60	Thanh Hóa			
5894	36K-303.12	Thanh Hóa	7494	36K-298.78	Thanh Hóa			
5895	37C-569.40	Nghệ An	7495	37C-567.07	Nghệ An			
5896	37C-572.13	Nghệ An	7496	37C-568.70	Nghệ An			
5897	37C-573.72	Nghệ An	7497	37C-569.34	Nghệ An			
5898	37C-573.78	Nghệ An	7498	37C-573.18	Nghệ An			
5899	37C-575.15	Nghệ An	7499	37C-582.32	Nghệ An			
5900	37C-577.28	Nghệ An	7500	37K-492.31	Nghệ An			
5901	37C-578.14	Nghệ An	7501	37K-493.59	Nghệ An			
5902	37C-578.42	Nghệ An	7502	37K-494.78	Nghệ An			
5903	37C-583.71	Nghệ An	7503	37K-495.18	Nghệ An			
5904	37C-589.92	Nghệ An	7504	37K-522.91	Nghệ An			
5905	37C-593.45	Nghệ An	7505	37K-523.75	Nghệ An			
5906	37C-597.12	Nghệ An	7506	37K-527.03	Nghệ An			
5907	37K-482.94	Nghệ An	7507	37K-530.94	Nghệ An			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5908	37K-486.31	Nghệ An	7508	37K-537.24	Nghệ An			
5909	37K-486.34	Nghệ An	7509	37K-541.62	Nghệ An			
5910	37K-491.25	Nghệ An	7510	37K-547.29	Nghệ An			
5911	37K-494.02	Nghệ An	7511	37K-550.58	Nghệ An			
5912	37K-498.85	Nghệ An	7512	37K-552.02	Nghệ An			
5913	37K-511.07	Nghệ An	7513	37K-559.62	Nghệ An			
5914	37K-516.13	Nghệ An	7514	37K-563.38	Nghệ An			
5915	37K-518.65	Nghệ An	7515	37K-566.93	Nghệ An			
5916	37K-526.73	Nghệ An	7516	37K-571.90	Nghệ An			
5917	37K-529.78	Nghệ An	7517	37K-573.45	Nghệ An			
5918	37K-530.19	Nghệ An	7518	38A-685.20	Hà Tĩnh			
5919	37K-531.97	Nghệ An	7519	38A-686.23	Hà Tĩnh			
5920	37K-532.20	Nghệ An	7520	38A-688.84	Hà Tĩnh			
5921	37K-537.48	Nghệ An	7521	38A-689.34	Hà Tĩnh			
5922	37K-539.45	Nghệ An	7522	38A-689.85	Hà Tĩnh			
5923	37K-547.43	Nghệ An	7523	38A-693.64	Hà Tĩnh			
5924	37K-560.72	Nghệ An	7524	38A-693.81	Hà Tĩnh			
5925	37K-561.81	Nghệ An	7525	38A-696.35	Hà Tĩnh			
5926	37K-571.94	Nghệ An	7526	38A-696.82	Hà Tĩnh			
5927	38A-680.48	Hà Tĩnh	7527	38A-699.03	Hà Tĩnh			
5928	38A-682.24	Hà Tĩnh	7528	38B-024.28	Hà Tĩnh			
5929	38A-683.08	Hà Tĩnh	7529	38B-025.73	Hà Tĩnh			
5930	38A-683.46	Hà Tĩnh	7530	38C-245.92	Hà Tĩnh			
5931	38A-686.91	Hà Tĩnh	7531	43A-942.13	Đà Nẵng			
5932	38A-687.82	Hà Tĩnh	7532	43A-943.98	Đà Nẵng			
5933	38A-688.07	Hà Tĩnh	7533	43A-955.48	Đà Nẵng			
5934	38A-698.30	Hà Tĩnh	7534	43A-960.16	Đà Nẵng			
5935	38A-698.47	Hà Tĩnh	7535	43A-968.60	Đà Nẵng			
5936	38A-704.57	Hà Tĩnh	7536	43A-970.15	Đà Nẵng			
5937	38C-246.78	Hà Tĩnh	7537	43A-975.94	Đà Nẵng			
5938	38C-251.42	Hà Tĩnh	7538	43A-979.56	Đà Nẵng			
5939	38D-020.74	Hà Tĩnh	7539	43A-979.61	Đà Nẵng			
5940	43A-943.67	Đà Nẵng	7540	43C-319.50	Đà Nẵng			
5941	43A-948.34	Đà Nẵng	7541	43C-320.96	Đà Nẵng			
5942	43A-955.08	Đà Nẵng	7542	43C-322.83	Đà Nẵng			
5943	43A-959.24	Đà Nẵng	7543	47A-816.21	Đắk Lắk			
5944	43A-970.57	Đà Nẵng	7544	47A-818.76	Đắk Lắk			
5945	43C-316.06	Đà Nẵng	7545	47A-827.04	Đắk Lắk			
5946	43C-318.38	Đà Nẵng	7546	47A-828.78	Đắk Lắk			
5947	43C-320.74	Đà Nẵng	7547	47A-829.65	Đắk Lắk			
5948	47A-826.75	Đắk Lắk	7548	47A-835.92	Đắk Lắk			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5949	47A-835.01	Đắk Lắk	7549	47A-836.21	Đắk Lắk			
5950	47A-842.49	Đắk Lắk	7550	47A-836.62	Đắk Lắk			
5951	47A-843.06	Đắk Lắk	7551	47A-839.82	Đắk Lắk			
5952	47A-844.46	Đắk Lắk	7552	47A-842.70	Đắk Lắk			
5953	47A-847.35	Đắk Lắk	7553	47A-843.50	Đắk Lắk			
5954	47A-847.81	Đắk Lắk	7554	47A-850.43	Đắk Lắk			
5955	47A-861.48	Đắk Lắk	7555	47A-857.56	Đắk Lắk			
5956	47A-862.64	Đắk Lắk	7556	47A-863.57	Đắk Lắk			
5957	47A-863.31	Đắk Lắk	7557	47B-042.57	Đắk Lắk			
5958	47C-399.28	Đắk Lắk	7558	47C-400.75	Đắk Lắk			
5959	48A-252.21	Đắk Nông	7559	47C-401.48	Đắk Lắk			
5960	48A-261.27	Đắk Nông	7560	47C-402.50	Đắk Lắk			
5961	48C-121.74	Đắk Nông	7561	47C-410.71	Đắk Lắk			
5962	49A-762.10	Lâm Đồng	7562	47C-421.94	Đắk Lắk			
5963	49A-763.23	Lâm Đồng	7563	48A-252.97	Đắk Nông			
5964	49A-772.58	Lâm Đồng	7564	48C-122.10	Đắk Nông			
5965	49A-775.17	Lâm Đồng	7565	48C-122.34	Đắk Nông			
5966	49A-775.78	Lâm Đồng	7566	48C-123.47	Đắk Nông			
5967	49A-781.48	Lâm Đồng	7567	49A-750.76	Lâm Đồng			
5968	49C-383.41	Lâm Đồng	7568	49A-751.80	Lâm Đồng			
5969	49C-387.20	Lâm Đồng	7569	49A-753.70	Lâm Đồng			
5970	49C-389.10	Lâm Đồng	7570	49A-754.53	Lâm Đồng			
5971	49C-395.27	Lâm Đồng	7571	49A-756.63	Lâm Đồng			
5972	49C-399.63	Lâm Đồng	7572	49A-769.78	Lâm Đồng			
5973	51E-341.76	Hồ Chí Minh	7573	49A-769.90	Lâm Đồng			
5974	51E-341.97	Hồ Chí Minh	7574	49A-774.87	Lâm Đồng			
5975	51E-351.47	Hồ Chí Minh	7575	49A-775.24	Lâm Đồng			
5976	51E-351.90	Hồ Chí Minh	7576	49C-388.81	Lâm Đồng			
5977	51E-355.02	Hồ Chí Minh	7577	49C-396.27	Lâm Đồng			
5978	51L-897.48	Hồ Chí Minh	7578	51E-342.28	Hồ Chí Minh			
5979	51L-899.34	Hồ Chí Minh	7579	51E-346.50	Hồ Chí Minh			
5980	51L-899.38	Hồ Chí Minh	7580	51E-349.64	Hồ Chí Minh			
5981	51L-899.52	Hồ Chí Minh	7581	51E-349.92	Hồ Chí Minh			
5982	51L-899.63	Hồ Chí Minh	7582	51L-896.70	Hồ Chí Minh			
5983	51L-899.71	Hồ Chí Minh	7583	51L-915.03	Hồ Chí Minh			
5984	51L-900.25	Hồ Chí Minh	7584	51L-915.23	Hồ Chí Minh			
5985	51L-902.28	Hồ Chí Minh	7585	51L-916.58	Hồ Chí Minh			
5986	51L-911.03	Hồ Chí Minh	7586	51L-926.32	Hồ Chí Minh			
5987	51L-911.65	Hồ Chí Minh	7587	51L-929.60	Hồ Chí Minh			
5988	51L-915.07	Hồ Chí Minh	7588	51L-933.09	Hồ Chí Minh			
5989	51L-918.50	Hồ Chí Minh	7589	51L-936.13	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
5990	51L-918.57	Hồ Chí Minh	7590	51L-941.65	Hồ Chí Minh			
5991	51L-922.81	Hồ Chí Minh	7591	51L-942.90	Hồ Chí Minh			
5992	51L-923.42	Hồ Chí Minh	7592	51L-945.72	Hồ Chí Minh			
5993	51L-923.93	Hồ Chí Minh	7593	51L-949.40	Hồ Chí Minh			
5994	51L-928.80	Hồ Chí Minh	7594	51L-950.40	Hồ Chí Minh			
5995	51L-931.27	Hồ Chí Minh	7595	51L-952.91	Hồ Chí Minh			
5996	51L-931.36	Hồ Chí Minh	7596	51L-953.71	Hồ Chí Minh			
5997	51L-932.20	Hồ Chí Minh	7597	51L-956.81	Hồ Chí Minh			
5998	51L-932.26	Hồ Chí Minh	7598	51L-971.02	Hồ Chí Minh			
5999	51L-938.94	Hồ Chí Minh	7599	51L-972.25	Hồ Chí Minh			
6000	51L-943.56	Hồ Chí Minh	7600	51L-979.20	Hồ Chí Minh			
6001	51L-946.01	Hồ Chí Minh	7601	51L-988.31	Hồ Chí Minh			
6002	51L-959.82	Hồ Chí Minh	7602	51L-992.62	Hồ Chí Minh			
6003	51L-965.61	Hồ Chí Minh	7603	51L-993.84	Hồ Chí Minh			
6004	51L-968.47	Hồ Chí Minh	7604	51M-052.15	Hồ Chí Minh			
6005	51L-981.63	Hồ Chí Minh	7605	51M-058.03	Hồ Chí Minh			
6006	51L-986.46	Hồ Chí Minh	7606	51M-065.97	Hồ Chí Minh			
6007	51L-996.50	Hồ Chí Minh	7607	51M-069.67	Hồ Chí Minh			
6008	51L-997.35	Hồ Chí Minh	7608	51M-072.94	Hồ Chí Minh			
6009	51M-051.93	Hồ Chí Minh	7609	51M-076.64	Hồ Chí Minh			
6010	51M-053.58	Hồ Chí Minh	7610	51M-077.51	Hồ Chí Minh			
6011	51M-064.96	Hồ Chí Minh	7611	51M-077.82	Hồ Chí Minh			
6012	51M-069.73	Hồ Chí Minh	7612	51M-079.67	Hồ Chí Minh			
6013	51M-076.29	Hồ Chí Minh	7613	51M-081.72	Hồ Chí Minh			
6014	51M-086.10	Hồ Chí Minh	7614	51M-082.58	Hồ Chí Minh			
6015	51M-096.05	Hồ Chí Minh	7615	51M-093.03	Hồ Chí Minh			
6016	51M-099.57	Hồ Chí Minh	7616	51M-094.78	Hồ Chí Minh			
6017	51M-099.83	Hồ Chí Minh	7617	51M-097.56	Hồ Chí Minh			
6018	51M-109.51	Hồ Chí Minh	7618	51M-110.48	Hồ Chí Minh			
6019	51M-112.07	Hồ Chí Minh	7619	51M-114.84	Hồ Chí Minh			
6020	51M-113.50	Hồ Chí Minh	7620	51M-120.41	Hồ Chí Minh			
6021	51M-131.90	Hồ Chí Minh	7621	51M-131.45	Hồ Chí Minh			
6022	51M-151.43	Hồ Chí Minh	7622	51M-144.51	Hồ Chí Minh			
6023	51M-152.81	Hồ Chí Minh	7623	51M-144.90	Hồ Chí Minh			
6024	51M-153.31	Hồ Chí Minh	7624	51M-147.96	Hồ Chí Minh			
6025	51M-162.34	Hồ Chí Minh	7625	51M-161.72	Hồ Chí Minh			
6026	51M-164.83	Hồ Chí Minh	7626	51M-165.25	Hồ Chí Minh			
6027	51M-176.52	Hồ Chí Minh	7627	51M-172.90	Hồ Chí Minh			
6028	51M-177.15	Hồ Chí Minh	7628	51M-185.31	Hồ Chí Minh			
6029	51M-186.62	Hồ Chí Minh	7629	51M-185.40	Hồ Chí Minh			
6030	51M-188.93	Hồ Chí Minh	7630	51M-186.72	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6031	51M-191.45	Hồ Chí Minh	7631	51M-188.80	Hồ Chí Minh			
6032	51M-193.87	Hồ Chí Minh	7632	51M-189.14	Hồ Chí Minh			
6033	51M-198.72	Hồ Chí Minh	7633	51M-191.36	Hồ Chí Minh			
6034	51M-198.76	Hồ Chí Minh	7634	51M-192.06	Hồ Chí Minh			
6035	51M-201.95	Hồ Chí Minh	7635	51M-192.21	Hồ Chí Minh			
6036	51M-205.64	Hồ Chí Minh	7636	51M-194.63	Hồ Chí Minh			
6037	51M-213.46	Hồ Chí Minh	7637	51M-201.48	Hồ Chí Minh			
6038	51M-214.78	Hồ Chí Minh	7638	51M-205.36	Hồ Chí Minh			
6039	51M-220.38	Hồ Chí Minh	7639	51M-233.30	Hồ Chí Minh			
6040	51M-222.10	Hồ Chí Minh	7640	51M-238.03	Hồ Chí Minh			
6041	51M-229.43	Hồ Chí Minh	7641	51M-238.28	Hồ Chí Minh			
6042	51M-230.65	Hồ Chí Minh	7642	51M-244.82	Hồ Chí Minh			
6043	51M-231.47	Hồ Chí Minh	7643	51M-247.62	Hồ Chí Minh			
6044	51M-235.10	Hồ Chí Minh	7644	51M-256.85	Hồ Chí Minh			
6045	51M-238.63	Hồ Chí Minh	7645	51M-261.82	Hồ Chí Minh			
6046	51M-238.93	Hồ Chí Minh	7646	51M-283.12	Hồ Chí Minh			
6047	51M-249.63	Hồ Chí Minh	7647	51M-285.50	Hồ Chí Minh			
6048	51M-263.84	Hồ Chí Minh	7648	51M-285.65	Hồ Chí Minh			
6049	51M-264.12	Hồ Chí Minh	7649	51M-286.45	Hồ Chí Minh			
6050	51M-267.95	Hồ Chí Minh	7650	51M-290.42	Hồ Chí Minh			
6051	51M-268.04	Hồ Chí Minh	7651	51M-290.63	Hồ Chí Minh			
6052	51M-269.57	Hồ Chí Minh	7652	51M-291.62	Hồ Chí Minh			
6053	51M-272.52	Hồ Chí Minh	7653	51M-292.02	Hồ Chí Minh			
6054	51M-274.09	Hồ Chí Minh	7654	51M-294.34	Hồ Chí Minh			
6055	51M-278.65	Hồ Chí Minh	7655	51M-297.95	Hồ Chí Minh			
6056	51M-283.56	Hồ Chí Minh	7656	51M-298.01	Hồ Chí Minh			
6057	51M-285.32	Hồ Chí Minh	7657	51M-300.37	Hồ Chí Minh			
6058	51M-290.18	Hồ Chí Minh	7658	51M-306.93	Hồ Chí Minh			
6059	51M-291.61	Hồ Chí Minh	7659	51M-308.10	Hồ Chí Minh			
6060	51M-292.36	Hồ Chí Minh	7660	51N-001.37	Hồ Chí Minh			
6061	51M-295.81	Hồ Chí Minh	7661	51N-002.75	Hồ Chí Minh			
6062	51M-298.96	Hồ Chí Minh	7662	51N-005.72	Hồ Chí Minh			
6063	51M-299.84	Hồ Chí Minh	7663	51N-005.95	Hồ Chí Minh			
6064	51M-301.53	Hồ Chí Minh	7664	51N-006.50	Hồ Chí Minh			
6065	51M-309.74	Hồ Chí Minh	7665	51N-008.94	Hồ Chí Minh			
6066	51M-311.53	Hồ Chí Minh	7666	51N-010.08	Hồ Chí Minh			
6067	51N-008.26	Hồ Chí Minh	7667	51N-010.29	Hồ Chí Minh			
6068	51N-011.13	Hồ Chí Minh	7668	51N-012.40	Hồ Chí Minh			
6069	51N-011.53	Hồ Chí Minh	7669	51N-013.47	Hồ Chí Minh			
6070	51N-014.56	Hồ Chí Minh	7670	51N-013.56	Hồ Chí Minh			
6071	51N-020.41	Hồ Chí Minh	7671	51N-022.19	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6072	51N-022.32	Hồ Chí Minh	7672	51N-024.30	Hồ Chí Minh			
6073	51N-026.10	Hồ Chí Minh	7673	51N-025.62	Hồ Chí Minh			
6074	51N-032.60	Hồ Chí Minh	7674	51N-026.96	Hồ Chí Minh			
6075	51N-036.35	Hồ Chí Minh	7675	51N-032.15	Hồ Chí Minh			
6076	51N-036.94	Hồ Chí Minh	7676	51N-035.98	Hồ Chí Minh			
6077	51N-045.41	Hồ Chí Minh	7677	51N-042.20	Hồ Chí Minh			
6078	51N-046.25	Hồ Chí Minh	7678	51N-042.63	Hồ Chí Minh			
6079	51N-048.24	Hồ Chí Minh	7679	51N-045.10	Hồ Chí Minh			
6080	51N-059.04	Hồ Chí Minh	7680	51N-071.38	Hồ Chí Minh			
6081	51N-061.52	Hồ Chí Minh	7681	51N-083.63	Hồ Chí Minh			
6082	51N-068.64	Hồ Chí Minh	7682	51N-088.52	Hồ Chí Minh			
6083	51N-068.82	Hồ Chí Minh	7683	51N-091.24	Hồ Chí Minh			
6084	51N-071.59	Hồ Chí Minh	7684	51N-093.08	Hồ Chí Minh			
6085	51N-072.75	Hồ Chí Minh	7685	51N-093.50	Hồ Chí Minh			
6086	51N-073.92	Hồ Chí Minh	7686	51N-095.29	Hồ Chí Minh			
6087	51N-086.71	Hồ Chí Minh	7687	51N-096.80	Hồ Chí Minh			
6088	51N-086.97	Hồ Chí Minh	7688	51N-099.24	Hồ Chí Minh			
6089	51N-089.31	Hồ Chí Minh	7689	51N-106.04	Hồ Chí Minh			
6090	51N-093.61	Hồ Chí Minh	7690	51N-113.57	Hồ Chí Minh			
6091	51N-094.41	Hồ Chí Minh	7691	51N-115.45	Hồ Chí Minh			
6092	51N-095.30	Hồ Chí Minh	7692	51N-117.98	Hồ Chí Minh			
6093	51N-125.93	Hồ Chí Minh	7693	51N-118.21	Hồ Chí Minh			
6094	51N-139.76	Hồ Chí Minh	7694	51N-118.51	Hồ Chí Minh			
6095	51N-147.76	Hồ Chí Minh	7695	51N-121.57	Hồ Chí Minh			
6096	51N-152.16	Hồ Chí Minh	7696	51N-124.48	Hồ Chí Minh			
6097	51N-155.91	Hồ Chí Minh	7697	51N-124.54	Hồ Chí Minh			
6098	60C-761.72	Đồng Nai	7698	51N-126.90	Hồ Chí Minh			
6099	60C-762.52	Đồng Nai	7699	51N-133.05	Hồ Chí Minh			
6100	60C-765.71	Đồng Nai	7700	60C-759.18	Đồng Nai			
6101	60C-766.60	Đồng Nai	7701	60C-763.70	Đồng Nai			
6102	60C-768.21	Đồng Nai	7702	60C-765.01	Đồng Nai			
6103	60C-769.72	Đồng Nai	7703	60C-777.94	Đồng Nai			
6104	60C-769.87	Đồng Nai	7704	60C-786.80	Đồng Nai			
6105	60C-786.75	Đồng Nai	7705	60C-792.49	Đồng Nai			
6106	60D-022.95	Đồng Nai	7706	60D-022.49	Đồng Nai			
6107	60K-619.01	Đồng Nai	7707	60D-024.91	Đồng Nai			
6108	60K-620.13	Đồng Nai	7708	60K-621.58	Đồng Nai			
6109	60K-625.32	Đồng Nai	7709	60K-622.90	Đồng Nai			
6110	60K-628.48	Đồng Nai	7710	60K-632.81	Đồng Nai			
6111	60K-629.42	Đồng Nai	7711	60K-633.43	Đồng Nai			
6112	60K-632.37	Đồng Nai	7712	60K-636.81	Đồng Nai			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6113	60K-633.74	Đồng Nai	7713	60K-638.13	Đồng Nai			
6114	60K-635.54	Đồng Nai	7714	60K-644.15	Đồng Nai			
6115	60K-636.51	Đồng Nai	7715	60K-645.43	Đồng Nai			
6116	60K-638.14	Đồng Nai	7716	60K-645.58	Đồng Nai			
6117	60K-638.31	Đồng Nai	7717	60K-646.70	Đồng Nai			
6118	60K-639.43	Đồng Nai	7718	60K-648.45	Đồng Nai			
6119	60K-642.20	Đồng Nai	7719	60K-652.75	Đồng Nai			
6120	60K-646.81	Đồng Nai	7720	60K-657.06	Đồng Nai			
6121	60K-648.54	Đồng Nai	7721	60K-661.92	Đồng Nai			
6122	60K-656.60	Đồng Nai	7722	60K-670.28	Đồng Nai			
6123	60K-659.45	Đồng Nai	7723	60K-675.50	Đồng Nai			
6124	60K-662.83	Đồng Nai	7724	60K-676.34	Đồng Nai			
6125	60K-663.07	Đồng Nai	7725	60K-676.81	Đồng Nai			
6126	60K-666.84	Đồng Nai	7726	60K-683.40	Đồng Nai			
6127	60K-668.32	Đồng Nai	7727	60K-685.75	Đồng Nai			
6128	60K-668.46	Đồng Nai	7728	60K-686.20	Đồng Nai			
6129	60K-669.27	Đồng Nai	7729	60K-686.43	Đồng Nai			
6130	60K-672.12	Đồng Nai	7730	60K-688.74	Đồng Nai			
6131	60K-679.20	Đồng Nai	7731	60K-692.91	Đồng Nai			
6132	60K-692.42	Đồng Nai	7732	60K-693.21	Đồng Nai			
6133	60K-695.94	Đồng Nai	7733	60K-696.23	Đồng Nai			
6134	60K-701.91	Đồng Nai	7734	61C-615.70	Bình Dương			
6135	61C-615.56	Bình Dương	7735	61C-621.40	Bình Dương			
6136	61C-616.81	Bình Dương	7736	61C-628.05	Bình Dương			
6137	61C-618.78	Bình Dương	7737	61C-631.10	Bình Dương			
6138	61C-621.67	Bình Dương	7738	61C-632.10	Bình Dương			
6139	61C-643.45	Bình Dương	7739	61C-634.40	Bình Dương			
6140	61D-023.58	Bình Dương	7740	61C-635.05	Bình Dương			
6141	61K-521.04	Bình Dương	7741	61C-641.71	Bình Dương			
6142	61K-521.23	Bình Dương	7742	61C-643.60	Bình Dương			
6143	61K-527.40	Bình Dương	7743	61K-522.29	Bình Dương			
6144	61K-532.65	Bình Dương	7744	61K-528.13	Bình Dương			
6145	61K-539.50	Bình Dương	7745	61K-531.57	Bình Dương			
6146	61K-542.31	Bình Dương	7746	61K-546.74	Bình Dương			
6147	61K-551.87	Bình Dương	7747	61K-546.76	Bình Dương			
6148	61K-552.30	Bình Dương	7748	61K-547.05	Bình Dương			
6149	61K-553.52	Bình Dương	7749	61K-555.93	Bình Dương			
6150	61K-553.81	Bình Dương	7750	61K-556.51	Bình Dương			
6151	61K-562.23	Bình Dương	7751	61K-563.31	Bình Dương			
6152	61K-563.84	Bình Dương	7752	61K-563.80	Bình Dương			
6153	61K-566.74	Bình Dương	7753	61K-567.98	Bình Dương			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6154	61K-568.32	Bình Dương	7754	61K-569.74	Bình Dương			
6155	61K-569.82	Bình Dương	7755	61K-579.13	Bình Dương			
6156	61K-574.58	Bình Dương	7756	61K-585.24	Bình Dương			
6157	61K-581.84	Bình Dương	7757	61K-586.19	Bình Dương			
6158	61K-589.80	Bình Dương	7758	61K-587.92	Bình Dương			
6159	61K-589.84	Bình Dương	7759	61K-591.12	Bình Dương			
6160	62A-479.83	Long An	7760	61K-595.92	Bình Dương			
6161	62A-481.25	Long An	7761	61K-598.30	Bình Dương			
6162	62A-486.85	Long An	7762	61K-598.48	Bình Dương			
6163	62A-488.93	Long An	7763	62A-473.67	Long An			
6164	62C-218.23	Long An	7764	62A-477.10	Long An			
6165	62C-222.80	Long An	7765	62A-477.18	Long An			
6166	62D-018.36	Long An	7766	62A-489.13	Long An			
6167	63A-328.90	Tiền Giang	7767	62A-489.97	Long An			
6168	63A-330.62	Tiền Giang	7768	62A-493.53	Long An			
6169	63A-331.60	Tiền Giang	7769	62C-218.17	Long An			
6170	63A-333.94	Tiền Giang	7770	63A-327.76	Tiền Giang			
6171	63A-336.04	Tiền Giang	7771	63A-329.50	Tiền Giang			
6172	63A-338.34	Tiền Giang	7772	63A-332.62	Tiền Giang			
6173	63B-036.06	Tiền Giang	7773	63A-337.98	Tiền Giang			
6174	63C-234.07	Tiền Giang	7774	63C-229.05	Tiền Giang			
6175	63D-012.71	Tiền Giang	7775	63C-230.10	Tiền Giang			
6176	64A-211.24	Vĩnh Long	7776	63C-232.17	Tiền Giang			
6177	64A-213.87	Vĩnh Long	7777	63D-012.51	Tiền Giang			
6178	64A-214.03	Vĩnh Long	7778	63D-012.92	Tiền Giang			
6179	64C-135.46	Vĩnh Long	7779	63D-013.07	Tiền Giang			
6180	64D-006.91	Vĩnh Long	7780	64A-209.46	Vĩnh Long			
6181	64D-008.52	Vĩnh Long	7781	64B-016.78	Vĩnh Long			
6182	65A-518.21	Cần Thơ	7782	64B-018.65	Vĩnh Long			
6183	65A-522.15	Cần Thơ	7783	65A-516.08	Cần Thơ			
6184	65A-524.47	Cần Thơ	7784	65A-517.43	Cần Thơ			
6185	65A-527.23	Cần Thơ	7785	65A-517.73	Cần Thơ			
6186	65A-528.54	Cần Thơ	7786	65A-518.50	Cần Thơ			
6187	65B-025.36	Cần Thơ	7787	65A-526.82	Cần Thơ			
6188	65D-012.73	Cần Thơ	7788	65C-249.36	Cần Thơ			
6189	66A-311.57	Đồng Tháp	7789	65D-012.05	Cần Thơ			
6190	66A-314.08	Đồng Tháp	7790	66A-306.48	Đồng Tháp			
6191	66A-315.84	Đồng Tháp	7791	66A-307.20	Đồng Tháp			
6192	66A-317.82	Đồng Tháp	7792	66A-307.23	Đồng Tháp			
6193	66C-191.13	Đồng Tháp	7793	66A-308.93	Đồng Tháp			
6194	66D-011.94	Đồng Tháp	7794	66A-309.65	Đồng Tháp			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6195	67A-341.23	An Giang	7795	66A-312.90	Đồng Tháp			
6196	67A-345.14	An Giang	7796	66A-313.25	Đồng Tháp			
6197	67B-033.29	An Giang	7797	66A-313.27	Đồng Tháp			
6198	67B-033.45	An Giang	7798	66A-318.21	Đồng Tháp			
6199	67D-011.83	An Giang	7799	66A-318.23	Đồng Tháp			
6200	67D-012.50	An Giang	7800	66B-027.42	Đồng Tháp			
6201	68A-365.32	Kiên Giang	7801	66C-190.41	Đồng Tháp			
6202	68A-365.84	Kiên Giang	7802	66D-012.20	Đồng Tháp			
6203	68A-369.82	Kiên Giang	7803	66D-014.13	Đồng Tháp			
6204	68A-373.72	Kiên Giang	7804	66D-014.74	Đồng Tháp			
6205	68A-381.04	Kiên Giang	7805	67A-329.16	An Giang			
6206	68A-382.27	Kiên Giang	7806	67A-331.38	An Giang			
6207	68C-180.82	Kiên Giang	7807	67A-333.93	An Giang			
6208	68D-009.67	Kiên Giang	7808	67A-334.61	An Giang			
6209	69B-014.30	Cà Mau	7809	67B-032.45	An Giang			
6210	69C-109.28	Cà Mau	7810	67B-032.76	An Giang			
6211	70A-585.30	Tây Ninh	7811	67B-033.65	An Giang			
6212	70A-589.87	Tây Ninh	7812	68A-365.72	Kiên Giang			
6213	70A-601.52	Tây Ninh	7813	68A-366.54	Kiên Giang			
6214	70A-608.50	Tây Ninh	7814	68A-368.10	Kiên Giang			
6215	70A-610.50	Tây Ninh	7815	68A-369.03	Kiên Giang			
6216	70A-610.52	Tây Ninh	7816	68A-373.26	Kiên Giang			
6217	70B-037.15	Tây Ninh	7817	68A-379.02	Kiên Giang			
6218	70C-214.76	Tây Ninh	7818	68A-379.93	Kiên Giang			
6219	70D-013.84	Tây Ninh	7819	68C-180.07	Kiên Giang			
6220	70D-014.06	Tây Ninh	7820	69C-108.28	Cà Mau			
6221	71A-216.34	Bến Tre	7821	70A-593.57	Tây Ninh			
6222	71A-217.95	Bến Tre	7822	70A-595.82	Tây Ninh			
6223	71A-218.57	Bến Tre	7823	70A-602.24	Tây Ninh			
6224	71A-220.56	Bến Tre	7824	70A-605.57	Tây Ninh			
6225	71A-223.04	Bến Tre	7825	70A-610.78	Tây Ninh			
6226	71B-025.41	Bến Tre	7826	70A-612.24	Tây Ninh			
6227	72A-847.41	Bà Rịa - Vũng Tàu	7827	70B-034.13	Tây Ninh			
6228	72A-852.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	7828	70C-213.75	Tây Ninh			
6229	72A-855.80	Bà Rịa - Vũng Tàu	7829	70D-012.73	Tây Ninh			
6230	72A-855.83	Bà Rịa - Vũng Tàu	7830	71A-212.53	Bến Tre			
6231	72A-856.10	Bà Rịa - Vũng Tàu	7831	71A-213.98	Bến Tre			
6232	72A-858.90	Bà Rịa - Vũng Tàu	7832	71A-216.72	Bến Tre			
6233	72A-859.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	7833	71A-218.31	Bến Tre			
6234	72A-866.52	Bà Rịa - Vũng Tàu	7834	71A-219.56	Bến Tre			
6235	72A-866.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	7835	71A-219.61	Bến Tre			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6236	72A-866.87	Bà Rịa - Vũng Tàu	7836	71D-007.10	Bến Tre			
6237	72A-867.51	Bà Rịa - Vũng Tàu	7837	72A-848.31	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6238	72A-868.40	Bà Rịa - Vũng Tàu	7838	72A-855.15	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6239	72A-868.42	Bà Rịa - Vũng Tàu	7839	72A-855.63	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6240	72A-869.23	Bà Rịa - Vũng Tàu	7840	72A-857.70	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6241	72A-879.45	Bà Rịa - Vũng Tàu	7841	72A-859.43	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6242	72A-879.47	Bà Rịa - Vũng Tàu	7842	72A-859.45	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6243	72A-881.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	7843	72A-859.50	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6244	72C-265.51	Bà Rịa - Vũng Tàu	7844	72A-861.94	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6245	72C-268.80	Bà Rịa - Vũng Tàu	7845	72A-868.34	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6246	72C-269.43	Bà Rịa - Vũng Tàu	7846	72A-875.06	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6247	72C-269.87	Bà Rịa - Vũng Tàu	7847	72A-876.98	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6248	72C-275.16	Bà Rịa - Vũng Tàu	7848	72A-878.85	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6249	72C-278.43	Bà Rịa - Vũng Tàu	7849	72A-880.63	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6250	72C-281.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	7850	72A-880.71	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6251	72D-016.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	7851	72C-264.53	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6252	73A-379.57	Quảng Bình	7852	72C-266.97	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6253	73D-012.28	Quảng Bình	7853	72C-277.71	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6254	74D-012.73	Quảng Trị	7854	72C-280.72	Bà Rịa - Vũng Tàu			
6255	75A-389.07	Thừa Thiên Huế	7855	73A-376.31	Quảng Bình			
6256	75A-393.85	Thừa Thiên Huế	7856	73A-376.84	Quảng Bình			
6257	75A-396.29	Thừa Thiên Huế	7857	73A-378.65	Quảng Bình			
6258	75A-396.82	Thừa Thiên Huế	7858	73B-016.78	Quảng Bình			
6259	75A-398.23	Thừa Thiên Huế	7859	73B-019.62	Quảng Bình			
6260	75A-399.70	Thừa Thiên Huế	7860	73D-009.59	Quảng Bình			
6261	75B-030.29	Thừa Thiên Huế	7861	74A-281.67	Quảng Trị			
6262	75C-160.53	Thừa Thiên Huế	7862	74C-144.64	Quảng Trị			
6263	76A-324.38	Quảng Ngãi	7863	74D-012.06	Quảng Trị			
6264	76A-328.08	Quảng Ngãi	7864	74D-012.48	Quảng Trị			
6265	76A-329.73	Quảng Ngãi	7865	74D-014.07	Quảng Trị			
6266	76A-335.40	Quảng Ngãi	7866	75A-389.15	Thừa Thiên Huế			
6267	76A-335.51	Quảng Ngãi	7867	75A-392.58	Thừa Thiên Huế			
6268	76D-012.15	Quảng Ngãi	7868	75A-394.42	Thừa Thiên Huế			
6269	77A-361.72	Bình Định	7869	75A-396.20	Thừa Thiên Huế			
6270	77A-362.42	Bình Định	7870	75A-398.43	Thừa Thiên Huế			
6271	77A-363.94	Bình Định	7871	75A-400.07	Thừa Thiên Huế			
6272	77B-039.01	Bình Định	7872	75D-012.02	Thừa Thiên Huế			
6273	77C-262.30	Bình Định	7873	75D-012.60	Thừa Thiên Huế			
6274	77C-262.92	Bình Định	7874	76A-336.59	Quảng Ngãi			
6275	78A-216.87	Phú Yên	7875	77A-366.02	Bình Định			
6276	78A-219.41	Phú Yên	7876	77A-368.25	Bình Định			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
6277	78A-222.90	Phú Yên	7877	77A-368.73	Bình Định			
6278	78A-225.09	Phú Yên	7878	77A-368.75	Bình Định			
6279	78B-022.38	Phú Yên	7879	77C-263.12	Bình Định			
6280	79A-581.70	Khánh Hòa	7880	77C-265.67	Bình Định			
6281	79A-583.32	Khánh Hòa	7881	77D-008.03	Bình Định			
6282	79A-591.54	Khánh Hòa	7882	77D-010.37	Bình Định			
6283	79A-595.37	Khánh Hòa	7883	78A-216.76	Phú Yên			
6284	79C-233.30	Khánh Hòa	7884	78A-218.62	Phú Yên			
6285	79C-233.38	Khánh Hòa	7885	78B-018.82	Phú Yên			
6286	79C-233.94	Khánh Hòa	7886	78B-020.63	Phú Yên			
6287	79C-234.92	Khánh Hòa	7887	78C-127.14	Phú Yên			
6288	81A-456.21	Gia Lai	7888	78C-129.18	Phú Yên			
6289	81A-456.71	Gia Lai	7889	79A-582.54	Khánh Hòa			
6290	81A-457.36	Gia Lai	7890	79A-583.45	Khánh Hòa			
6291	81A-462.51	Gia Lai	7891	79A-587.84	Khánh Hòa			
6292	81A-468.01	Gia Lai	7892	79B-044.32	Khánh Hòa			
6293	81A-468.12	Gia Lai	7893	79B-046.65	Khánh Hòa			
6294	81A-470.09	Gia Lai	7894	81A-460.81	Gia Lai			
6295	81C-287.92	Gia Lai	7895	81A-470.29	Gia Lai			
6296	81C-291.23	Gia Lai	7896	81A-478.51	Gia Lai			
6297	81C-295.14	Gia Lai	7897	81C-285.81	Gia Lai			
6298	82A-165.42	Kon Tum	7898	81C-293.05	Gia Lai			
6299	82A-165.72	Kon Tum	7899	82D-011.08	Kon Tum			
6300	82B-022.16	Kon Tum	7900	82D-012.04	Kon Tum			
6301	83A-198.04	Sóc Trăng	7901	82D-012.48	Kon Tum			
6302	83B-024.40	Sóc Trăng	7902	83A-193.73	Sóc Trăng			
6303	83D-010.83	Sóc Trăng	7903	83A-199.60	Sóc Trăng			
6304	84A-151.12	Trà Vinh	7904	83B-026.50	Sóc Trăng			
6305	84B-021.61	Trà Vinh	7905	83C-132.60	Sóc Trăng			
6306	85B-014.36	Ninh Thuận	7906	84B-021.42	Trà Vinh			
6307	85B-015.90	Ninh Thuận	7907	84C-126.84	Trà Vinh			
6308	86A-321.04	Bình Thuận	7908	85C-088.15	Ninh Thuận			
6309	86A-330.43	Bình Thuận	7909	86A-321.57	Bình Thuận			
6310	86C-214.13	Bình Thuận	7910	86A-322.14	Bình Thuận			
6311	88A-788.60	Vĩnh Phúc	7911	86A-324.87	Bình Thuận			
6312	88A-788.76	Vĩnh Phúc	7912	86A-326.78	Bình Thuận			
6313	88A-791.37	Vĩnh Phúc	7913	86A-327.04	Bình Thuận			
6314	88A-796.70	Vĩnh Phúc	7914	86A-327.35	Bình Thuận			
6315	88A-801.64	Vĩnh Phúc	7915	86A-331.71	Bình Thuận			
6316	88A-802.23	Vĩnh Phúc	7916	86B-025.63	Bình Thuận			
6317	88A-803.43	Vĩnh Phúc	7917	86B-028.23	Bình Thuận			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
6318	88A-810.17	Vĩnh Phúc	7918	86C-210.08	Bình Thuận			
6319	88A-810.57	Vĩnh Phúc	7919	86C-215.20	Bình Thuận			
6320	88A-815.92	Vĩnh Phúc	7920	86D-009.63	Bình Thuận			
6321	88A-816.51	Vĩnh Phúc	7921	88A-788.30	Vĩnh Phúc			
6322	88A-818.75	Vĩnh Phúc	7922	88A-790.51	Vĩnh Phúc			
6323	88A-821.72	Vĩnh Phúc	7923	88A-792.10	Vĩnh Phúc			
6324	88A-826.72	Vĩnh Phúc	7924	88A-792.74	Vĩnh Phúc			
6325	88A-829.04	Vĩnh Phúc	7925	88A-795.01	Vĩnh Phúc			
6326	88B-022.27	Vĩnh Phúc	7926	88A-803.38	Vĩnh Phúc			
6327	88C-310.06	Vĩnh Phúc	7927	88A-810.12	Vĩnh Phúc			
6328	88C-311.09	Vĩnh Phúc	7928	88A-810.70	Vĩnh Phúc			
6329	88C-313.92	Vĩnh Phúc	7929	88A-813.97	Vĩnh Phúc			
6330	88C-321.05	Vĩnh Phúc	7930	88A-816.63	Vĩnh Phúc			
6331	88C-325.67	Vĩnh Phúc	7931	88A-819.43	Vĩnh Phúc			
6332	89A-532.58	Hưng Yên	7932	88A-824.87	Vĩnh Phúc			
6333	89A-542.96	Hưng Yên	7933	88A-829.59	Vĩnh Phúc			
6334	89A-556.48	Hưng Yên	7934	88A-829.94	Vĩnh Phúc			
6335	89A-557.13	Hưng Yên	7935	88A-830.60	Vĩnh Phúc			
6336	89A-557.90	Hưng Yên	7936	88C-315.18	Vĩnh Phúc			
6337	89A-560.17	Hưng Yên	7937	88C-326.17	Vĩnh Phúc			
6338	89A-562.45	Hưng Yên	7938	88D-023.57	Vĩnh Phúc			
6339	89B-026.54	Hưng Yên	7939	89A-537.23	Hưng Yên			
6340	89B-028.09	Hưng Yên	7940	89A-549.60	Hưng Yên			
6341	89C-360.49	Hưng Yên	7941	89A-556.07	Hưng Yên			
6342	90B-015.47	Hà Nam	7942	89A-556.26	Hưng Yên			
6343	90B-016.34	Hà Nam	7943	89A-567.12	Hưng Yên			
6344	90C-158.87	Hà Nam	7944	89A-567.23	Hưng Yên			
6345	90D-012.67	Hà Nam	7945	89C-354.25	Hưng Yên			
6346	92A-435.37	Quảng Nam	7946	89C-356.46	Hưng Yên			
6347	92C-265.01	Quảng Nam	7947	89C-358.42	Hưng Yên			
6348	93A-519.20	Bình Phước	7948	89D-023.21	Hưng Yên			
6349	93A-521.80	Bình Phước	7949	90A-287.71	Hà Nam			
6350	93C-207.06	Bình Phước	7950	92A-435.16	Quảng Nam			
6351	94B-017.23	Bạc Liêu	7951	92A-436.42	Quảng Nam			
6352	94C-085.53	Bạc Liêu	7952	92A-440.92	Quảng Nam			
6353	94C-086.21	Bạc Liêu	7953	92A-444.53	Quảng Nam			
6354	94D-005.45	Bạc Liêu	7954	92A-444.70	Quảng Nam			
6355	94D-008.51	Bạc Liêu	7955	92B-040.12	Quảng Nam			
6356	95C-090.35	Hậu Giang	7956	92C-258.31	Quảng Nam			
6357	95D-025.90	Hậu Giang	7957	92C-266.09	Quảng Nam			
6358	97C-050.61	Bắc Kạn	7958	92D-013.76	Quảng Nam			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
6359	97D-010.63	Bắc Kạn	7959	93A-507.90	Bình Phước			
6360	98A-858.75	Bắc Giang	7960	93A-509.76	Bình Phước			
6361	98A-858.92	Bắc Giang	7961	93A-511.25	Bình Phước			
6362	98A-861.96	Bắc Giang	7962	93A-513.90	Bình Phước			
6363	98A-862.83	Bắc Giang	7963	93A-514.64	Bình Phước			
6364	98A-866.93	Bắc Giang	7964	93A-518.31	Bình Phước			
6365	98A-868.85	Bắc Giang	7965	93A-519.64	Bình Phước			
6366	98A-874.67	Bắc Giang	7966	93A-522.20	Bình Phước			
6367	98A-875.43	Bắc Giang	7967	93B-025.10	Bình Phước			
6368	98A-875.92	Bắc Giang	7968	93C-204.64	Bình Phước			
6369	98A-879.01	Bắc Giang	7969	94A-110.74	Bạc Liêu			
6370	98A-880.35	Bắc Giang	7970	94A-111.80	Bạc Liêu			
6371	98A-891.84	Bắc Giang	7971	94A-112.72	Bạc Liêu			
6372	98A-896.10	Bắc Giang	7972	94D-007.65	Bạc Liêu			
6373	98A-897.92	Bắc Giang	7973	95B-016.65	Hậu Giang			
6374	98B-045.85	Bắc Giang	7974	95C-093.17	Hậu Giang			
6375	98C-384.70	Bắc Giang	7975	97B-017.62	Bắc Kạn			
6376	98C-389.62	Bắc Giang	7976	98A-863.78	Bắc Giang			
6377	98C-396.50	Bắc Giang	7977	98A-868.50	Bắc Giang			
6378	98C-397.80	Bắc Giang	7978	98A-869.05	Bắc Giang			
6379	98C-398.01	Bắc Giang	7979	98A-872.21	Bắc Giang			
6380	98D-020.71	Bắc Giang	7980	98A-876.40	Bắc Giang			
6381	98D-021.32	Bắc Giang	7981	98A-879.63	Bắc Giang			
6382	99A-855.41	Bắc Ninh	7982	98A-883.13	Bắc Giang			
6383	99A-856.32	Bắc Ninh	7983	98A-885.23	Bắc Giang			
6384	99A-857.40	Bắc Ninh	7984	98A-885.52	Bắc Giang			
6385	99A-858.24	Bắc Ninh	7985	98A-895.27	Bắc Giang			
6386	99A-859.92	Bắc Ninh	7986	98A-906.03	Bắc Giang			
6387	99A-876.72	Bắc Ninh	7987	98A-910.02	Bắc Giang			
6388	99A-878.07	Bắc Ninh	7988	98B-045.57	Bắc Giang			
6389	99A-878.51	Bắc Ninh	7989	98C-389.19	Bắc Giang			
6390	99A-882.23	Bắc Ninh	7990	99A-861.97	Bắc Ninh			
6391	99A-883.08	Bắc Ninh	7991	99A-862.07	Bắc Ninh			
6392	99A-886.12	Bắc Ninh	7992	99A-865.21	Bắc Ninh			
6393	99A-889.76	Bắc Ninh	7993	99A-866.04	Bắc Ninh			
6394	99A-895.37	Bắc Ninh	7994	99A-876.32	Bắc Ninh			
6395	99A-896.42	Bắc Ninh	7995	99A-879.34	Bắc Ninh			
6396	99A-896.78	Bắc Ninh	7996	99A-879.93	Bắc Ninh			
6397	99B-030.26	Bắc Ninh	7997	99A-895.91	Bắc Ninh			
6398	99C-334.75	Bắc Ninh	7998	99C-330.54	Bắc Ninh			
6399	99C-336.35	Bắc Ninh	7999	99C-346.40	Bắc Ninh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**	**STT**	**Biển số**	**Tỉnh/ Thành phố**			
6400	99D-024.16	Bắc Ninh	8000	99D-024.81	Bắc Ninh			